

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Luật Tài chính 2

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã học phần: 0101001738

Số tín chỉ: 02

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết					30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	15	5	0	10	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Luật Tài chính 1

Học phần học trước: Luật Tài chính 1

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Xác định được quan hệ xã hội thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật thuế, xác định được tính đặc thù của phương pháp điều chỉnh của luật thuế, hiểu và xác định được các văn bản được coi là nguồn của luật thuế;

M2: Người học có khả năng nhận diện các loại thuế, kiến thức về xác định các đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, người nộp thuế và người chịu thuế trong

từng loại thuế cụ thể;

M3: Mô tả được các căn cứ tính thuế cũng như phương pháp tính thuế đối với các loại thuế thông qua tìm hiểu các quy định của pháp luật;

M4: Khả năng vận dụng kiến thức về thuế trong công việc như tham gia vào trong hoạt động quản lý và chấp hành thu – nộp thuế;

M5: Có khả năng đưa ra được quan điểm để đánh giá, bình luận các quy định pháp luật hiện hành, từ đó tham gia xây dựng chính sách và pháp luật về thuế.

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M6: Cập nhật, phân tích, bình luận, đánh giá được các quy định của pháp luật liên quan đến quá trình thi hành pháp luật thuế.

M7: Có khả năng vận dụng các quy định pháp luật để giải quyết hiệu quả các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn.

M8: Phân tích, soạn thảo và thực hiện các thủ tục hành chính về thuế.

- Kỹ năng mềm

M9: Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp.

M10: Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M11: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M12: Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;

M13: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;

M14: Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.4. Về thái độ

M15: Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật;

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
Luật Tài chính 2		0	0	3	0	0	3	2	2	2	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3 MT4 MT5	CO1	Xác định được quan hệ xã hội thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật thuế, xác định được tính đặc thù của phương pháp điều chỉnh của luật thuế, hiểu và xác định được các văn bản được coi là nguồn của luật thuế	PO3
Kỹ năng			
MT6	CO2	Cập nhật, phân tích, bình luận, đánh giá được các quy định của pháp luật liên quan đến quá trình thi hành pháp luật thuế	PO6
MT7	CO3	Có khả năng vận dụng các quy định pháp luật để giải quyết hiệu quả các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn.	PO7
MT8	CO4	Phân tích, soạn thảo và thực hiện các thủ tục hành chính về thuế.	PO8
MT9 MT10	CO5	Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp. Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;	PO9,11,12

Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT11 MT12 MT13 MT14	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	PO15, PO16, PO17, PO18
MT15	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần luật Tài chính 2 trang bị cho sinh viên các kiến thức chung về các loại thuế, nhận biết được các đối tượng chịu thuế, căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế để từ đó áp dụng quy định của pháp luật vào trong thực tiễn.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật về hoạt động quản lý thu-nộp thuế.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3,CO4,CO5,CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.	CO7	7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Trường Đại học Luật Hà Nội (2014, 2019), *Giáo trình luật ngân sách nhà nước*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
2. Trường Đại học Luật Hà Nội 2018, *Giáo trình luật thuế Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Hiến pháp năm 2013
2. Luật Quản lý thuế 2019
3. Luật NSNN năm 2015
4. Luật thuế XK, thuế NK năm 2016.
5. Luật thuế TTĐB năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).
6. Luật thuế GTGT năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2013)
7. Luật thuế TNDN năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2013)
8. Luật thuế TNCN năm 2007 (sửa đổi, bổ sung năm 2012)
9. Nguyễn Thị Thùy, *Giáo Trình Luật Thuế (Tái Bản Có Bổ Sung)*, Nxb Hồng Đức - Hội Luật Gia Việt Nam-2017.
10. Phan Hiền Minh (2009), *Giáo trình thuế (nghệp vụ và bài tập)*, Nxb Thống kê.

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CDR của HP
Tiết 1-3	Chương 1. Những vấn đề lí luận về thuế và pháp luật thuế 1.1. Những vấn đề lí luận về thuế 1.2. Quyền thu thuế của nhà nước và các nguyên tắc đánh thuế 1.3. Tổng quan về pháp luật thuế Việt Nam	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

Tiết 4-6	Chương 2. Pháp luật thuế XK, thuế NK 2.1. Khái niệm thuế XK, thuế NK 2.2. Nội dung pháp lí về thuế XK, thuế NK	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 7-9	Chương 3. Pháp luật thuế TTĐB 3.1. Khái niệm thuế TTĐB 3.2. Nội dung pháp lí về thuế TTĐB	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 10-12	Chương 4. Pháp luật thuế GTGT 4.1. Khái niệm thuế GTGT 4.2. Nội dung pháp lí về thuế GTGT	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 13-18	Chương 5. Pháp luật thuế thu nhập 5.1. Khái niệm thuế thu nhập 5.2. Nội dung pháp lí về thuế 5.3. Nội dung pháp lí về thuế TNCN	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 19-21	Chương 6. Pháp luật về thuế liên quan đến đất đai 6.1. Khái niệm thuế liên quan đến đất đai 6.2. Nội dung pháp lí về thuế sử dụng đất nông nghiệp 6.3. Nội dung pháp lí về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

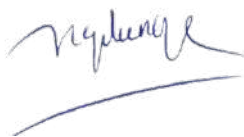
Tiết 22-24	Chương 7. Pháp luật về các loại thuế khác 7.1. Pháp luật thuế tài nguyên 7.2. Pháp luật thuế môn bài 7.3. Pháp luật về thuế bảo vệ môi trường	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 25-27	Chương 8. Pháp luật về quản lý thuế 8.1. Khái niệm pháp luật về quản lý thuế 8.2. Những nội dung chủ yếu trong pháp luật về quản lý thuế	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 28-30	Ôn tập	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giảng viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Luật Ngân hàng

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã học phần: 0101000697

Số tín chỉ: 03

Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	45 + 90 = 135
T = Bài tập					
P = Thực hành	25	10	0	10	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Luật Dân sự

Học phần học trước: Luật Dân sự

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Mô tả được một số khái niệm cơ bản và những vấn đề lý luận chung trong lĩnh vực pháp Luật Ngân hàng; các phạm vi điều chỉnh, các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong khoa học Luật Ngân hàng; nguồn của Luật Ngân hàng;

M2: Xác định được đặc điểm và bản chất các quan hệ pháp luật Ngân hàng; đồng thời phân biệt được quan hệ Pháp luật Ngân hàng với các quan hệ pháp luật khác;

M3: Nêu được cách thức quản lý và hệ thống văn bản điều chỉnh hoạt động ngân

hàng;

M4: Nhận diện được bản chất, đặc thù của các quan hệ pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng; phân tích và giải quyết được xung đột pháp luật, những vấn đề tranh chấp phát sinh trong hoạt động ngân hàng;

M5: Xác định được nội dung cơ bản của các văn bản pháp luật hiện hành điều chỉnh trong lĩnh vực ngân hàng; giải quyết được những vấn đề liên quan phát sinh trong thực tiễn.

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M6: Thành thạo một số kỹ năng tìm kiếm và sử dụng các quy định của pháp Luật Ngân hàng để giải quyết những tình huống cơ bản, điển hình trong lĩnh vực ngân hàng;

M7: Giúp người học bước đầu có khả năng tư vấn pháp luật cho các chủ thể kinh doanh ngân hàng và các đối tượng khác để bảo vệ tốt quyền lợi của mình khi tham gia vào quan hệ dịch vụ ngân hàng.

M8: Phát triển kỹ năng lập luận, góp ý xây dựng pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng; khả năng lập luận, tranh luận bảo vệ quan điểm của mình; có khả năng phản biện, phê phán; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình.

- Kỹ năng mềm

M9: Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp.

M10: Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M11: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M12: Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;

M13: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;

M14: Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.4. Về thái độ

M15: Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật;

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
	Luật	0	0	3	0	0	3	2	2	2	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
	Ngân hàng	2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3 MT4 MT5	CO1	Xác định được đặc điểm và bản chất các quan hệ pháp luật Ngân hàng; đồng thời phân biệt được quan hệ Pháp luật Ngân hàng với các quan hệ pháp luật khác; Nêu được cách thức quản lý và hệ thống văn bản điều chỉnh hoạt động ngân hàng; Nhận diện được bản chất, đặc thù của các quan hệ pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng; phân tích và giải quyết được xung đột pháp luật, những vấn đề tranh chấp phát sinh trong hoạt động ngân hàng.	PO3
Kỹ năng			
MT6	CO2	Thành thạo một số kỹ năng tìm kiếm và sử dụng các quy định của pháp Luật Ngân hàng để giải quyết những tình huống cơ bản, điển hình trong lĩnh vực ngân hàng.	PO6

MT7	CO3	Giúp người học bước đầu có khả năng tư vấn pháp luật cho các chủ thể kinh doanh ngân hàng và các đối tượng khác để bảo vệ tốt quyền lợi của mình khi tham gia vào quan hệ dịch vụ ngân hàng.	PO7
MT8	CO4	Phát triển kỹ năng lập luận, góp ý xây dựng pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng; khả năng lập luận, tranh luận bảo vệ quan điểm của mình; có khả năng phản biện, phê phán; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình.	PO8
MT9 MT10	CO5	Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp. Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;	PO9,11,12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT11 MT12 MT13 MT14	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	PO15, PO16, PO17, PO18
MT15	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần luật Ngân hàng trang bị cho sinh viên các kiến thức chung trong lĩnh vực pháp Luật Ngân hàng; các phạm vi điều chỉnh, các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong khoa học Luật Ngân hàng; nguồn của Luật Ngân hàng. Nhận diện được bản chất,

đặc thù của các quan hệ pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng; phân tích và giải quyết được xung đột pháp luật, những vấn đề tranh chấp phát sinh trong hoạt động ngân hàng

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3,CO4,CO5,CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.	CO7	7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Võ Đình Toàn (2017), *Giáo trình Luật Ngân hàng Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội
2. Luật ngân hàng nhà nước Việt Nam năm 2010.
3. Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ luật dân sự Việt Nam năm 2015;
2. Luật thương mại Việt Nam năm 2005;
3. Luật doanh nghiệp năm 2020;
4. Trường Đại học luật Tp. Hồ Chí Minh (2015), *Giáo trình Luật Ngân hàng*, Nxb Hồng Đức-Hội Luật gia Việt Nam;
5. Trần Vũ hải (2010), *Giáo trình Luật Ngân hàng Việt Nam*, Nxb Giáo dục Việt nam;
6. Lê thị Ngân Hà (2014), *Pháp luật về hạn chế rủi ro tín dụng*, Nxb Đại học Quốc gia Tp, Hồ Chí Minh.

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CDR của HP
Tiết 1-6	<p>Vấn đề 1. Những vấn đề lý luận về ngân hàng và pháp Luật Ngân hàng</p> <p>1. Những vấn đề lý luận về ngân hàng</p> <p>2. Những vấn đề lý luận về Luật Ngân hàng</p>	1,3	CO1,CO7
Tiết 7-12	<p>Vấn đề 2. Pháp luật về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Nhà nước</p> <p>1. Vị trí pháp lý và chức năng của Ngân hàng Nhà nước</p> <p>2. Tổ chức, quản trị và điều hành Ngân hàng Nhà nước</p> <p>3. Hoạt động của Ngân hàng Nhà nước</p>	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 13-18	<p>Vấn đề 3. Pháp luật về chủ thể kinh doanh ngân hàng</p> <p>1. Thành lập, tổ chức, quản trị và điều hành</p> <p>2. Hoạt động của các chủ thể kinh doanh ngân hàng</p> <p>3. Kiểm soát đặc biệt, giải thể, phá sản đối với các chủ thể kinh doanh ngân hàng</p>	1,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 19-24	<p>Vấn đề 4. Pháp luật về huy động vốn của tổ chức tín dụng</p>	1,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

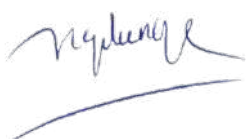
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Pháp luật về nhận tiền gửi 2. Pháp luật về vay vốn ngân hàng trung ương 3. Pháp luật về vay vốn các tổ chức tín dụng khác 		
Tiết 25-30	Vấn đề 5. Pháp luật về hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng <ol style="list-style-type: none"> 1. Pháp luật về cho vay 2. Pháp luật về chiết khấu giấy tờ có giá 3. Pháp luật về bảo lãnh ngân hàng 4. Pháp luật về cho thuê tài chính 5. Pháp luật về bao thanh toán 	1,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 31-36	Vấn đề 6. Pháp luật về dịch vụ thanh toán <ol style="list-style-type: none"> 1. Tổng quan về dịch vụ thanh toán 2. Pháp luật về dịch vụ thanh toán 	1,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 37-42	Vấn đề 7. Pháp luật về hoạt động ngoại hối <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái quát chung về ngoại hối và hoạt động ngoại hối 2. Pháp luật về hoạt động ngoại hối 	1,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 43-45	Ôn tập	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giảng viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Luật Đất đai

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã học phần: 0101000679

Số tín chỉ: 3

Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	29	8	0	8	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Luật dân sự 1 và 2

Học phần học trước: Luật dân sự 1 và 2

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Xác định được quan hệ xã hội thuộc đối tượng điều chỉnh của luật đất đai, xác định được tính đặc thù của phương pháp điều chỉnh của luật đất đai; hiểu và xác định được các văn bản được coi là nguồn của luật đất đai.

M2: Xác định được những yếu tố cơ bản của quan hệ pháp luật đất đai, căn cứ phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật đất đai; xác định được các chủ thể của quan hệ pháp luật đất đai, chủ sở hữu đất đai.

M3: Mô tả được khái niệm và đặc điểm và phân loại các quy định về quy hoạch,

kế hoạch sử dụng đất; giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; hạn mức sử dụng đất; thời hạn sử dụng đất.

M4: Xác định được các quy định về đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

M5: Xác định được các quy định chung về các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất; các quy định về thanh tra, kiểm tra đất đai, xử lý vi phạm pháp luật về đất đai, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai.

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M6: Cập nhật, phân tích, bình luận, đánh giá được các quy định của pháp luật liên quan đến chủ thể quan hệ pháp luật đất đai, quyền sở hữu đất đai tại Việt Nam; các quy định giao đất, cho thuê đất, hạn mức sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất; thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất; các quy định về thanh tra, kiểm tra đất đai, xử lý vi phạm pháp luật về đất đai, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai.

M7: Vận dụng được các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế liên quan đến giao dịch đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giải quyết tranh chấp đất đai.

M8: Bước đầu có kỹ năng tư vấn pháp luật về giao dịch đất đai; Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Thời hạn; hạn mức sử dụng đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giải quyết tranh chấp đất đai; tố cáo, khiếu nại về đất đai.

- Kỹ năng mềm

M9: Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp.

M10: Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ; Có khả năng vận dụng pháp luật đất đai để giải quyết hiệu quả các vấn đề pháp lý phát sinh trong lĩnh vực đất đai.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M11: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M12: Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;

M13: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;

M14: Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.4. Về thái độ

M15: Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật;

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
0101000679	Luật Đất đai	0	0	3	0	0	3	2	2	2	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3 MT4 MT5	CO1	Hiểu, đánh giá, phân tích được các quy định chung của Luật đất đai, các quy định về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; hạn mức, thời hạn sử dụng đất; đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất; các quy định về thanh tra, kiểm tra đất đai, xử lý vi phạm pháp luật về đất đai, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai.	PO3
Kỹ năng			
MT6	CO2	Cập nhật được các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực luật đất đai	PO6
MT7	CO3	Có khả năng vận dụng pháp luật để giải quyết được các tình huống phát sinh trong thực tiễn có liên quan đến các vấn đề chung về luật đất đai; về giao dịch đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giải quyết tranh chấp đất đai.	PO7
MT8	CO4	Bước đầu có khả năng tư vấn pháp luật có liên quan đến các quy định chung của luật đất đai; quy định pháp luật về Nhà nước giao	PO8

		đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Thời hạn; hạn mức sử dụng đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giải quyết tranh chấp đất đai; tố cáo, khiếu nại về đất đai.	
MT9 MT10	CO5	Có khả năng tranh luận, lập luận để bảo vệ quan điểm của mình, có khả năng đánh giá, phê phán, có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có kỹ năng tự cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu.	PO9,11,12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT11 MT12 MT13 MT14	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	PO15, PO16, PO17, PO18
MT15	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần luật đất đai trang bị cho sinh viên các kiến thức chung về đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, khái niệm luật đất đai; các nguyên tắc cơ bản của luật đất đai, Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Thời hạn; hạn mức sử dụng đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giải quyết tranh chấp đất đai; khiếu nại tố cáo về đất đai.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật về đất đai, quyền sở hữu đất đai và các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, các kiến thức pháp luật về Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Thời hạn; hạn mức sử dụng đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giải quyết tranh chấp đất đai; khiếu nại tố cáo về đất đai.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của	CO2, CO3, CO4,

	sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3,CO4,CO5,CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận nhóm hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Trần Quang Huy-Chủ biên (2018), *Giáo trình Luật Đất đai*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

2. Vũ Duy Khang (2016), *Các nguyên tắc và các phương pháp áp dụng pháp luật đất đai 2016*, Nxb. Hồng Đức, Tp.HCM.

3. Luật Đất đai năm 2013 sửa đổi bổ sung năm 2018.

4. Bộ Luật Dân sự năm 2015.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Văn Đại (2012), *Giao dịch và giải quyết tranh chấp giao dịch quyền sử dụng đất*, Nxb Lao Động, Tp.HCM.

3. Phạm Thị Hương Lan (2018), *Bình luận khoa học luật đất đai 2013*, Nxb Lao Động, Hà Nội.

4. Trần Quang Huy (Chủ biên)-Nguyễn Thị Nga-Nguyễn Quang Tuyền (2017), *Bình luận chế định quản lý nhà nước về đất đai trong luật đất đai 2013*, Nxb. Tư pháp.

5. Ngô Thu Trang, Lê Thế Phúc - đồng chủ biên (2020), *Tích tụ, tập trung đất đai ở Việt Nam lý luận và pháp luật hiện hành : Luật đất đai và văn bản hướng dẫn thi hành năm 2020*, Nxb. Thanh Niên.

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CĐR của HP
Tiết 1-3	Vấn đề 1: Khái quát chung về ngành luật đất đai 1.1. Khái niệm luật đất đai 1.2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh 1.3. Quan hệ pháp luật đất đai 1.4. Nguyên tắc luật đất đai 1.5. Căn cứ phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật đất đai. 1.6. Các yếu tố chi phối đến quan hệ đất đai. 1.7. Nguồn luật đất đai	Sinh viên đọc tài liệu tại mục 10 của đề cương	CO1,CO7
Tiết 4-6	Vấn đề 2: Chế độ sở hữu toàn dân về đất đai 2.1. Khái niệm 2.2. Cơ sở xác lập sở hữu toàn dân đối với đất đai ở	Sinh viên đọc tài liệu tại mục 10 của đề cương	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	<p>Việt Nam</p> <p>2.3 Các yếu tố cấu thành chế độ sở hữu toàn dân đối với đất đai.</p> <p>2.4. Nội dung của quyền sở hữu toàn dân.</p>		
Tiết 7-10	<p>Vấn đề 3: Cơ quan Nhà nước về quản lý đất đai và giá đất</p> <p>3.1. Hệ thống cơ quan quản lý đất đai</p> <p>3.1.1. Hệ thống cơ quan có thẩm quyền chung về quản lý đất đai</p> <p>3.1.2. Hệ thống cơ quan có thẩm quyền riêng về quản lý đất đai</p> <p>3.2. Giá đất</p>	Sinh viên đọc tài liệu tại mục 10 của đề cương.	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 11-13	<p>Vấn đề 4: Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</p> <p>4.1. Khái niệm, vai trò của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</p> <p>4.2. Nguyên tắc lập quy hoạch, kế hoạch SDD</p> <p>4.3. Căn cứ lập quy hoạch, kế hoạch SDD</p> <p>4.4. Nội dung quy hoạch, kế hoạch SDD</p> <p>4.5. Lập, xét duyệt quy hoạch, kế hoạch SDD</p> <p>4.6. Thực hiện quy hoạch, kế hoạch SDD</p>	Sinh viên đọc tài liệu tại mục 10 của đề cương.	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 14-16	<p>Vấn đề 5: Giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất</p>	Sinh viên đọc tài liệu tại mục 10 của đề cương	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	<p>4.1. Khái niệm, căn cứ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất</p> <p>4.2. Hình thức giao đất, cho thuê đất</p> <p>4.3. Thẩm quyền giao, cho thuê, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất</p> <p>4.4. Trường hợp cho phép chuyển mục đích sử dụng đất</p> <p>4.5. Nghĩa vụ tài chính khi giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.</p>		
Tiết 17-20	<p>Vấn đề 6: Pháp luật về đăng ký đất đai - Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất</p> <p>6.1. Đăng ký đất đai</p> <p>6.2. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.</p> <p><i>6.2.1. Các trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.</i></p> <p><i>6.2.2. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.</i></p> <p><i>6.2.3. Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.</i></p>	Sinh viên đọc tài liệu tại mục 10 của đề cương.	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 21-23	<p>Vấn đề 7: Hạn mức, thời hạn sử dụng đất</p> <p>7.1. Hạn mức giao đất nông nghiệp</p> <p>7.2. Hạn mức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp</p> <p>7.3. Hạn mức đất ở</p> <p>7.4. Thời hạn sử dụng đất</p>	Sinh viên đọc tài liệu tại mục 10 của đề cương.	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	<p>nông nghiệp</p> <p>7.4.1. Sử dụng đất ổn định lâu dài</p> <p>7.4.1. Sử dụng đất có thời hạn</p>		
Tiết 24-26	<p>Vấn đề 8. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất</p> <p>8.1. Quyền và nghĩa vụ chung của người sử dụng đất.</p> <p>8.2. Quyền và nghĩa vụ cụ thể của người sử dụng đất.</p> <p>8.2.1. Quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất.</p> <p>8.2.2. Quyền tặng cho quyền sử dụng đất.</p> <p>8.2.3. Quyền chuyển đổi quyền sử dụng đất.</p> <p>8.2.4. Quyền cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất.</p> <p>8.2.5. Quyền góp vốn bằng quyền sử dụng đất.</p> <p>8.2.6. Quyền thế chấp bằng quyền sử dụng đất.</p> <p>8.2.7. Quyền để thừa kế quyền sử dụng đất.</p> <p>8.3. Các nghĩa vụ cụ thể của người sử dụng đất.</p>	1,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 27-29	<p>Vấn đề 9. Giám sát, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật đất đai - giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai</p> <p>9.1. Giám sát, thanh tra, kiểm tra đất đai.</p> <p>9.2. Xử lý vi phạm pháp luật đất đai.</p>	Sinh viên đọc tài liệu tại mục 10 của đề cương	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

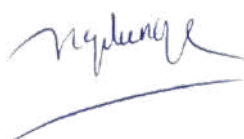
	9.3. Giải quyết tranh chấp đất đai. 9.4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai.		
Tiết 30-32	Thảo luận 1 Bài tập nhóm/Báo cáo nhóm	Sinh viên đọc tài liệu tại mục 10 của đề cương.	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 33-35	Thảo luận 2 Bài tập nhóm/Báo cáo nhóm	Sinh viên đọc tài liệu tại mục 10 của đề cương.	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 36-38	Thảo luận 3 Bài tập nhóm/Báo cáo nhóm	Sinh viên đọc tài liệu tại mục 10 của đề cương.	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 39-41	Thảo luận 4 Bài tập nhóm/Báo cáo nhóm	Sinh viên đọc tài liệu tại mục 10 của đề cương.	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 42-45	Thảo luận 5 Bài tập nhóm/Báo cáo nhóm	Sinh viên đọc tài liệu tại mục 10 của đề cương.	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Luật Môi trường

Chuyên ngành: Luật

Mã học phần: 0101000695

Số tín chỉ: 3

Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	20	5	10	10	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Luật hành chính

Học phần học trước: Luật dân sự 1, 2

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Hiểu và nắm được đối tượng, phương pháp điều chỉnh của Luật môi trường, các nguyên tắc cơ bản của Pháp luật môi trường Việt nam.

M2: Trình bày được những vấn đề khái quát về luật môi trường, các chế định trong pháp luật Việt Nam về môi trường như tiêu chuẩn môi trường, quy chuẩn môi trường, đánh giá môi trường, quy hoạch bảo vệ môi trường, dự đoán tác động môi trường, quản lý chất thải, pháp luật Việt Nam về tài nguyên thiên nhiên, giải quyết tranh chấp và xử lý khi có hành vi vi phạm pháp luật, pháp luật quốc tế về các lĩnh vực môi trường ...

M3: Hiểu các phương pháp giải quyết tranh chấp môi trường và bồi thường thiệt hại trong môi trường

M4: Hiểu kiến thức pháp luật quốc tế môi trường

M5: Xác định được các nghĩa vụ pháp lý về môi trường của các chủ thể trong hoạt động kinh doanh

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M6: Có khả năng nghiên cứu, kỹ năng hệ thống hóa thông tin về văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam và quốc tế về môi trường. Có khả năng phân tích, đánh giá các quy định pháp luật hiện hành và đưa ra kiến nghị

M7: Vận dụng được những kiến thức đã học và có thể liên kết những môn học tiếp khác có liên quan như Luật hành chính, Luật dân sự... Áp dụng được kiến thức môn học để tư vấn cách thực hiện các loại báo cáo, giải quyết tranh chấp và xử lý khi có hành vi vi phạm pháp luật về môi trường tại Việt Nam

M8: Bước đầu có kỹ năng tư vấn cơ bản pháp luật về môi trường trong kinh doanh

- Kỹ năng mềm

M9: Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp.

M10: Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M11: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M12: Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;

M13: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;

M14: Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.4. Về thái độ

M15: Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật;

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
0101000695	Luật Môi trường	0	0	3	0	0	3	2	2	2	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3 MT4 MT5	CO1	Hiểu, đánh giá, phân tích được các quy định chung của Luật môi trường, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật môi trường, các nguyên tắc quan trọng của Luật môi trường	PO3
Kỹ năng			
MT6	CO2	Cập nhật được các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực môi trường	PO6
MT7	CO3	Có khả năng vận dụng pháp luật để giải quyết được các tình huống phát sinh trong thực tiễn có liên quan đến môi trường	PO7
MT8	CO4	Bước đầu có khả năng tư vấn pháp luật có liên quan đến các quy định chung của Luật Môi trường	PO8
MT9 MT10	CO5	Có khả năng tranh luận, lập luận để bảo vệ quan điểm của mình, có khả năng đánh giá, phê phán, có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có kỹ năng tự cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu.	PO9,11,12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT11 MT12 MT13 MT14	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề	PO15, PO16, PO17, PO18

		nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	
MT15	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	PO19

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3, CO4, CO5, CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1 Tài liệu chính

1. Lê Hồng Hạnh, Vũ Thu Hạnh, *Giáo trình Luật Môi trường*, NXB Công an nhân dân, 2015
2. Luật bảo vệ môi trường năm 2020
3. Luật Lâm Nghiệp 2017
4. Luật Tài nguyên nước 2012
5. Luật di sản văn hoá năm 2013
6. Luật thuế bảo vệ môi trường năm 2010

10.2 Tài liệu tham khảo khác

7. Phùng Trung Tập, *Luật dân sự Việt Nam (bình giải và áp dụng) Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (Sách chuyên khảo)*, NXB Công an nhân dân, 2017

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CDR của HP
Tiết 1-6	Vấn đề 1. Lí luận về luật môi trường 1.1 Khái niệm chung về môi	1,2	CO1, CO7

	<p>trường</p> <p>1.2 Khái niệm chung bảo vệ môi trường</p> <p>1.3 Khái niệm chung luật môi trường</p> <p>1.4 Nguyên tắc của Luật môi trường</p> <p>1.5 Các biện pháp bảo vệ môi trường</p>		
Tiết 7-12	<p>Vấn đề 2. Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường</p> <p>2.1 Khái niệm ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường, sự cố môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường</p> <p>2.2 Các hình thức pháp lí của kiểm soát ô nhiễm môi trường</p>	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 13-20	<p>Vấn đề 3. Pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học</p> <p>3.1 vấn đề đa dạng sinh học và việc bảo vệ đa dạng sinh học</p> <p>3.2 Pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học</p>	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 20-26	<p>Vấn đề 4. Pháp luật về đánh giá môi trường, giấy phép môi trường, đăng kí môi trường</p> <p>4.1 Khái niệm đánh giá môi trường</p> <p>4.2 Những nội dung cơ bản của pháp luật về đánh giá môi trường</p> <p>4.3 Những nội dung cơ bản của pháp luật về giấy phép môi trường</p> <p>4.4 Những nội dung cơ bản của pháp luật về đăng kí môi trường</p>	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

Tiết 27-36	Vấn đề 5. Pháp luật về bảo vệ các nguồn tài nguyên 5.1 Những vấn đề chung của pháp luật bảo vệ các nguồn tài nguyên 5.1.1 Khái quát về bảo vệ các nguồn tài nguyên 5.1.2 Yêu cầu đặt ra đối với bảo vệ các nguồn tài nguyên 5.1.3 Quy định chung của pháp luật về bảo vệ các nguồn tài nguyên 5.2 Quy định đặc thù của pháp luật bảo vệ các nguồn tài nguyên 5.2.1 Quy định đặc thù của pháp luật về bảo vệ không khí 5.2.2 Quy định đặc thù của pháp luật về bảo vệ tài nguyên nước 5.2.3 Quy định đặc thù của pháp luật về bảo vệ tài nguyên đất 5.2.4 Quy định đặc thù của pháp luật về bảo vệ tài nguyên rừng 5.2.4 Quy định đặc thù của pháp luật về bảo vệ thủy sản 5.2.6 Quy định đặc thù của pháp luật về bảo vệ khoáng sản	1,2,3,4,5	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 37-40	Vấn đề 6. Xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp môi trường 6.1 Xử lý vi phạm pháp luật môi trường 6.2 Giải quyết tranh chấp môi trường	1,7	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 41-43	Vấn đề 7. Thực thi các điều ước quốc tế về môi trường ở Việt Nam	1	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

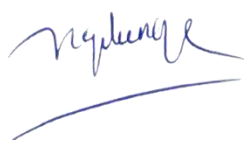
	<p>7.1 Tổng quan về các điều ước quốc tế về môi trường</p> <p>7.2 Quyền và nghĩa vụ chủ yếu của Việt Nam xuất phát từ các điều ước quốc tế về môi trường</p> <p>7.3 Thực thi các nghĩa vụ phát sinh từ các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã kí kết hoặc tham gia</p>		
Tiết 44-45	Ôn tập Kiểm tra	1,7	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

Tên học phần: Luật Cạnh tranh

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã học phần: 0101000673

Số tín chỉ: 03

Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	45 + 90 = 135
	25	5	0	15	

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết:

Học phần học trước:

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu chung của môn học

Sau khi học xong môn học Luật cạnh tranh, sinh viên đạt được các kết quả sau đây:

3.1. Về kiến thức

M1: Hiểu được khái niệm, đặc điểm và nội dung cơ bản của pháp luật cạnh tranh;

M2: Xác định được nội dung các hành vi hạn chế cạnh tranh và cạnh tranh không lành mạnh;

M3: Xác định được thẩm quyền và trình tự thủ tục giải quyết các vụ việc cạnh tranh.

3.2. Về kỹ năng

Kỹ năng nghề nghiệp

M4: Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể;

M5: Hình thành và phát triển kỹ năng so sánh, bình luận, đánh giá các vấn đề của pháp luật cạnh tranh.

M6: Có khả năng vận dụng các quy định của pháp luật về cạnh tranh để nhận diện, đánh giá, phân tích các hành vi phản cạnh tranh trên thị trường, từ đó đưa ra phương hướng giải quyết;

M7: Có kỹ năng bình luận, đánh giá các quy định của pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng.

Kỹ năng mềm

M8: Có khả năng thuyết trình, lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm của mình;

M9: Có khả năng tự học, tự nghiên cứu.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M10: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M11: Tự định hướng và đưa ra các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.

3.4. Về thái độ

M12: Tích cực nâng cao trình độ nhận thức về bảo vệ cạnh tranh trên thị trường;

M13: Khách quan hơn đối với các lợi ích cần được bảo vệ của các chủ thể kinh doanh trên thị trường, quyền được tự do cạnh tranh của các thương nhân.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
0101000673	Luật Cạnh tranh	0	0	3	0	0	3	2	2	2	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3	CO1	Hiểu, đánh giá, phân tích được các nội dung cơ bản của pháp luật cạnh tranh, các hành vi hạn chế cạnh tranh và cạnh tranh không lành mạnh và trình tự thủ tục giải quyết các vụ việc cạnh tranh	PO3
Kỹ năng			
MT4	CO2	Có năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể về Cạnh tranh	PO6
MT5	CO3	Có khả năng năng so sánh, bình luận, đánh giá các vấn đề của pháp luật cạnh tranh	PO7
MT6	CO4	Có khả năng vận dụng các quy định của pháp luật về cạnh tranh để nhận diện, đánh giá, phân tích các hành vi phản cạnh tranh trên thị trường, từ đó đưa ra phương hướng giải quyết	PO8
MT7	CO5	Có kỹ năng bình luận, đánh giá các quy định của pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng	PO9
MT8 MT9	CO6	Có khả năng tranh luận, lập luận để bảo vệ quan điểm của mình, có khả năng đánh giá, phê phán, có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có kỹ năng tự cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu.	PO11, PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT11 MT12 MT13 MT14	CO7	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ	PO15, PO16, PO17, PO18

	xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	
--	---	--

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Luật cạnh tranh là học phần cung cấp các kiến thức pháp luật về bảo vệ cạnh tranh trong kinh doanh. Luật cạnh tranh nghiên cứu 7 nội dung sau: (1) Những vấn đề lý luận chung về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh; (2) Căn cứ xác định hành vi hạn chế cạnh tranh; (3) Pháp luật về kiểm soát thoả thuận hạn chế cạnh tranh; (4) Pháp luật về kiểm soát lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị thế độc quyền; (5) Pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế; (6) Pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh; (7) Tổ tụng cạnh tranh, thủ tục miễn trừ và chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3,CO4,CO5,CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Thị Vân Anh [Chủ biên], Giáo trình luật cạnh tranh, Nxb CAND, năm 2020;
2. Luật Cạnh tranh và các văn bản hướng dẫn thi hành

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Hà Thị Thanh Bình [Chủ biên], Giáo trình luật cạnh tranh và giải quyết tranh chấp thương mại, Nxb Hồng Đức, năm 2016
2. Phạm Hoài Huân, Nhữ Ngọc Tiên, Pháp luật chống lạm dụng vị trí thống lĩnh vị trí độc quyền để hạn chế cạnh tranh về giá (Sách chuyên khảo), Nxb Chính trị QGST, năm 2013

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên
Tiết 1-4	Chương 1: Những vấn đề lý luận về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh 1.1. Khái quát về cạnh tranh	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn,	- Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống

	<p>1.1.1. Khái niệm cạnh tranh</p> <p>1.1.2. Các hình thức cạnh tranh</p> <p>1.1.3. Vai trò và ý nghĩa của cạnh tranh và nhu cầu điều tiết cạnh tranh bằng chính sách cạnh tranh</p> <p>1.2. Những vấn đề lý luận về pháp luật cạnh tranh</p> <p>1.2.1. Khái niệm, đặc trưng của pháp luật cạnh tranh</p> <p>1.2.2. Quá trình phát triển và hoàn thiện pháp luật cạnh tranh trên thế giới</p> <p>1.3. Khái quát về pháp luật cạnh tranh Việt Nam</p> <p>1.3.1. Sự phát triển pháp luật cạnh tranh ở Việt Nam</p> <p>1.3.2. Hiệu lực của Luật cạnh tranh</p> <p>1.3.3. Nguồn của pháp luật cạnh tranh Việt Nam</p>	giải đáp	
<p>Tiết 5-9</p>	<p>Chương 2: Căn cứ xác định hành vi hạn chế cạnh tranh</p> <p>2.1. Xác định thị trường liên quan</p> <p>2.1.1. Những khái niệm cơ bản về thị trường liên quan trên thế giới</p> <p>2.1.2. Quy định của pháp luật</p>	<p>- Dẫn giảng</p> <p>- Đặt câu hỏi, nêu tình huống</p> <p>- Hướng dẫn, giải đáp</p>	<p>- Nghe giảng</p> <p>- Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống</p>

	<p>Việt Nam hiện hành về thị trường liên quan</p> <p>2.2. Sức mạnh thị trường</p> <p>2.2.1. Những khái niệm cơ bản về sức mạnh thị trường ở trên thế giới</p> <p>2.2.2. Quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về sức mạnh thị trường</p>		
Tiết 10-14	<p>Chương 3: Pháp luật về kiểm soát thỏa thuận hạn chế cạnh tranh</p> <p>3.1. Khái quát về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh</p> <p>3.1.1. Khái niệm thỏa thuận hạn chế cạnh tranh</p> <p>3.1.2. Đặc điểm hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh</p> <p>3.1.3. Phân loại thỏa thuận hạn chế cạnh tranh</p> <p>3.2. Quy định về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh trong Luật cạnh tranh Việt Nam</p> <p>3.2.1. Các hình thức thỏa thuận hạn chế cạnh tranh</p> <p>3.2.2. Hậu quả pháp lý của việc thực hiện hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh</p> <p>3.2.3. Áp dụng Luật cạnh tranh trong việc kiểm soát thỏa thuận hạn chế cạnh</p>	<p>- Dẫn giảng</p> <p>- Đặt câu hỏi, nêu tình huống</p> <p>- Hướng dẫn, giải đáp</p>	<p>- Nghe giảng</p> <p>- Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống</p>

	tranh đối với các hiệp hội ngành nghề		
Tiết 15-21	<p>Chương 4: Pháp luật về kiểm soát lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền</p> <p>4.1. Khái quát về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền để hạn chế cạnh tranh</p> <p>4.1.1. Khái niệm, đặc điểm về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền để hạn chế cạnh tranh</p> <p>4.1.2. Phân loại hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền để hạn chế cạnh tranh</p> <p>4.2. Các quy định về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền để hạn chế cạnh tranh theo Luật cạnh tranh Việt Nam</p> <p>4.2.1. Xác định vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền của doanh nghiệp</p> <p>4.2.2. Các hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường</p> <p>4.2.3. Hành vi lạm dụng vị trí độc quyền để hạn chế cạnh tranh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dẫn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống

	4.2.4. Các biện pháp xử lý đối với doanh nghiệp thực hiện hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền để hạn chế cạnh tranh		
Tiết 22-28	<p>Chương 5: Pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế</p> <p>5.1. Khái quát về tập trung kinh tế</p> <p>5.1.1. Khái niệm, đặc điểm của tập trung kinh tế</p> <p>5.1.2. Phân loại tập trung kinh tế</p> <p>5.1.3. Ảnh hưởng của tập trung kinh tế đối với môi trường cạnh tranh</p> <p>5.1.4. Một số quan điểm và mô hình về kiểm soát tập trung kinh tế</p> <p>5.2. Quy định về tập trung kinh tế theo Luật cạnh tranh Việt Nam</p> <p>5.2.1. Các hình thức tập trung kinh tế</p> <p>5.2.2. Hậu quả pháp lý của tập trung kinh tế</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống
Tiết 29-36	<p>Chương 6: Pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh</p> <p>6.1. Khái quát về cạnh tranh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống

	<p>không lành mạnh</p> <p>6.1.1. Khái niệm cạnh tranh không lành mạnh</p> <p>6.1.2. Các đặc điểm của hành vi cạnh tranh không lành mạnh</p> <p>6.1.3. Phân loại hành vi cạnh tranh không lành mạnh</p> <p>6.2. Quy định của pháp luật Việt Nam về hành vi cạnh tranh không lành mạnh</p> <p>6.2.1. Chi dẫn gây nhầm lẫn</p> <p>6.2.2. Xâm phạm bí mật kinh doanh</p> <p>6.2.3. Ép buộc trong kinh doanh</p> <p>6.2.4. Gièm pha doanh nghiệp khác</p> <p>6.2.5. Gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác</p> <p>6.2.6. Quảng cáo nhằm cạnh tranh không lành mạnh</p> <p>6.2.7. Khuyến mại nhằm cạnh tranh không lành mạnh</p> <p>6.2.8. Phân biệt đối xử của hiệp hội</p> <p>6.2.9. Bán hàng đa cấp bất chính</p> <p>6.2.10. Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong</p>	giải đáp	
--	--	----------	--

	<p>lĩnh vực sở hữu trí tuệ</p> <p>6.10.11. Hình thức xử lý đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh</p>		
Tiết 37-43	<p>Chương 7: Tổ tụng cạnh tranh, thủ tục miễn trừ và xử lý vi phạm pháp luật cạnh tranh</p> <p>7.1. Tổ tụng cạnh tranh</p> <p>7.1.1. Khái niệm, đặc điểm của tổ tụng cạnh tranh</p> <p>7.1.2. Chủ thể tiến hành và tham gia tổ tụng cạnh tranh</p> <p>7.1.3. Thủ tục tổ tụng cạnh tranh</p> <p>7.2. Thủ tục miễn trừ đối với hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm</p> <p>7.2.1. Nhận thức chung về miễn trừ đối với hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm</p> <p>7.2.2. Thẩm quyền quyết định việc hưởng miễn trừ</p> <p>7.2.3. Trình tự xem xét, quyết định việc hưởng miễn trừ</p> <p>7.3. Xử lý vi phạm pháp luật cạnh tranh</p> <p>7.3.1. Hình thức xử lý vi phạm pháp luật cạnh tranh</p>	<p>- Diễn giảng</p> <p>- Đặt câu hỏi, nêu tình huống</p> <p>- Hướng dẫn, giải đáp</p>	<p>- Nghe giảng</p> <p>- Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống</p>

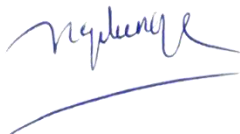
	7.3.2. Thâm quyền xử lý vi phạm pháp luật cạnh tranh bằng biện pháp hành chính		
Tiết 44-45	Ôn tập kết thúc môn	Tóm lược các nội dung cơ bản, giải đáp thắc mắc	Lắng nghe; đặt các câu hỏi còn thắc mắc

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

Tên học phần: Luật Cạnh tranh

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã học phần: 0101000673

Số tín chỉ: 03

Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	25	5	0	15	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết:

Học phần học trước:

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu chung của môn học

Sau khi học xong môn học Luật cạnh tranh, sinh viên đạt được các kết quả sau đây:

3.1. Về kiến thức

M1: Hiểu được khái niệm, đặc điểm và nội dung cơ bản của pháp luật cạnh tranh;

M2: Xác định được nội dung các hành vi hạn chế cạnh tranh và cạnh tranh không lành mạnh;

M3: Xác định được thẩm quyền và trình tự thủ tục giải quyết các vụ việc cạnh tranh.

3.2. Về kỹ năng

Kỹ năng nghề nghiệp

M4: Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể;

M5: Hình thành và phát triển kỹ năng so sánh, bình luận, đánh giá các vấn đề của pháp luật cạnh tranh.

M6: Có khả năng vận dụng các quy định của pháp luật về cạnh tranh để nhận diện, đánh giá, phân tích các hành vi phản cạnh tranh trên thị trường, từ đó đưa ra phương hướng giải quyết;

M7: Có kỹ năng bình luận, đánh giá các quy định của pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng.

Kỹ năng mềm

M8: Có khả năng thuyết trình, lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm của mình;

M9: Có khả năng tự học, tự nghiên cứu.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M10: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M11: Tự định hướng và đưa ra các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.

3.4. Về thái độ

M12: Tích cực nâng cao trình độ nhận thức về bảo vệ cạnh tranh trên thị trường;

M13: Khách quan hơn đối với các lợi ích cần được bảo vệ của các chủ thể kinh doanh trên thị trường, quyền được tự do cạnh tranh của các thương nhân.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
0101000673	Luật Cạnh tranh	0	0	3	0	0	3	2	2	2	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3	CO1	Hiểu, đánh giá, phân tích được các nội dung cơ bản của pháp luật cạnh tranh, các hành vi hạn chế cạnh tranh và cạnh tranh không lành mạnh và trình tự thủ tục giải quyết các vụ việc cạnh tranh	PO3
Kỹ năng			
MT4	CO2	Có năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể về Cạnh tranh	PO6
MT5	CO3	Có khả năng năng so sánh, bình luận, đánh giá các vấn đề của pháp luật cạnh tranh	PO7
MT6	CO4	Có khả năng vận dụng các quy định của pháp luật về cạnh tranh để nhận diện, đánh giá, phân tích các hành vi phản cạnh tranh trên thị trường, từ đó đưa ra phương hướng giải quyết	PO8
MT7	CO5	Có kỹ năng bình luận, đánh giá các quy định của pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng	PO9
MT8 MT9	CO6	Có khả năng tranh luận, lập luận để bảo vệ quan điểm của mình, có khả năng đánh giá, phê phán, có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có kỹ năng tự cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu.	PO11, PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT11 MT12 MT13 MT14	CO7	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ	PO15, PO16, PO17, PO18

	xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	
--	---	--

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Luật cạnh tranh là học phần cung cấp các kiến thức pháp luật về bảo vệ cạnh tranh trong kinh doanh. Luật cạnh tranh nghiên cứu 7 nội dung sau: (1) Những vấn đề lý luận chung về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh; (2) Căn cứ xác định hành vi hạn chế cạnh tranh; (3) Pháp luật về kiểm soát thoả thuận hạn chế cạnh tranh; (4) Pháp luật về kiểm soát lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị thế độc quyền; (5) Pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế; (6) Pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh; (7) Tổ tụng cạnh tranh, thủ tục miễn trừ và chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3, CO4, CO5, CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Thị Vân Anh [Chủ biên], Giáo trình luật cạnh tranh, Nxb CAND, năm 2020;
2. Luật Cạnh tranh và các văn bản hướng dẫn thi hành

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Hà Thị Thanh Bình [Chủ biên], Giáo trình luật cạnh tranh và giải quyết tranh chấp thương mại, Nxb Hồng Đức, năm 2016
2. Phạm Hoài Huân, Nhữ Ngọc Tiên, Pháp luật chống lạm dụng vị trí thống lĩnh vị trí độc quyền để hạn chế cạnh tranh về giá (Sách chuyên khảo), Nxb Chính trị QGST, năm 2013

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên
Tiết 1-4	Chương 1: Những vấn đề lý luận về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh 1.1. Khái quát về cạnh tranh	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn,	- Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống

	<p>1.1.1. Khái niệm cạnh tranh</p> <p>1.1.2. Các hình thức cạnh tranh</p> <p>1.1.3. Vai trò và ý nghĩa của cạnh tranh và nhu cầu điều tiết cạnh tranh bằng chính sách cạnh tranh</p> <p>1.2. Những vấn đề lý luận về pháp luật cạnh tranh</p> <p>1.2.1. Khái niệm, đặc trưng của pháp luật cạnh tranh</p> <p>1.2.2. Quá trình phát triển và hoàn thiện pháp luật cạnh tranh trên thế giới</p> <p>1.3. Khái quát về pháp luật cạnh tranh Việt Nam</p> <p>1.3.1. Sự phát triển pháp luật cạnh tranh ở Việt Nam</p> <p>1.3.2. Hiệu lực của Luật cạnh tranh</p> <p>1.3.3. Nguồn của pháp luật cạnh tranh Việt Nam</p>	giải đáp	
<p>Tiết 5-9</p>	<p>Chương 2: Căn cứ xác định hành vi hạn chế cạnh tranh</p> <p>2.1. Xác định thị trường liên quan</p> <p>2.1.1. Những khái niệm cơ bản về thị trường liên quan trên thế giới</p> <p>2.1.2. Quy định của pháp luật</p>	<p>- Diễn giảng</p> <p>- Đặt câu hỏi, nêu tình huống</p> <p>- Hướng dẫn, giải đáp</p>	<p>- Nghe giảng</p> <p>- Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống</p>

	<p>Việt Nam hiện hành về thị trường liên quan</p> <p>2.2. Sức mạnh thị trường</p> <p>2.2.1. Những khái niệm cơ bản về sức mạnh thị trường ở trên thế giới</p> <p>2.2.2. Quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về sức mạnh thị trường</p>		
Tiết 10-14	<p>Chương 3: Pháp luật về kiểm soát thỏa thuận hạn chế cạnh tranh</p> <p>3.1. Khái quát về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh</p> <p>3.1.1. Khái niệm thỏa thuận hạn chế cạnh tranh</p> <p>3.1.2. Đặc điểm hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh</p> <p>3.1.3. Phân loại thỏa thuận hạn chế cạnh tranh</p> <p>3.2. Quy định về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh trong Luật cạnh tranh Việt Nam</p> <p>3.2.1. Các hình thức thỏa thuận hạn chế cạnh tranh</p> <p>3.2.2. Hậu quả pháp lý của việc thực hiện hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh</p> <p>3.2.3. Áp dụng Luật cạnh tranh trong việc kiểm soát thỏa thuận hạn chế cạnh</p>	<p>- Diễn giảng</p> <p>- Đặt câu hỏi, nêu tình huống</p> <p>- Hướng dẫn, giải đáp</p>	<p>- Nghe giảng</p> <p>- Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống</p>

	tranh đối với các hiệp hội ngành nghề		
Tiết 15-21	<p>Chương 4: Pháp luật về kiểm soát lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền</p> <p>4.1. Khái quát về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền để hạn chế cạnh tranh</p> <p>4.1.1. Khái niệm, đặc điểm về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền để hạn chế cạnh tranh</p> <p>4.1.2. Phân loại hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền để hạn chế cạnh tranh</p> <p>4.2. Các quy định về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền để hạn chế cạnh tranh theo Luật cạnh tranh Việt Nam</p> <p>4.2.1. Xác định vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền của doanh nghiệp</p> <p>4.2.2. Các hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường</p> <p>4.2.3. Hành vi lạm dụng vị trí độc quyền để hạn chế cạnh tranh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống

	4.2.4. Các biện pháp xử lý đối với doanh nghiệp thực hiện hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền để hạn chế cạnh tranh		
Tiết 22-28	<p>Chương 5: Pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế</p> <p>5.1. Khái quát về tập trung kinh tế</p> <p>5.1.1. Khái niệm, đặc điểm của tập trung kinh tế</p> <p>5.1.2. Phân loại tập trung kinh tế</p> <p>5.1.3. Ảnh hưởng của tập trung kinh tế đối với môi trường cạnh tranh</p> <p>5.1.4. Một số quan điểm và mô hình về kiểm soát tập trung kinh tế</p> <p>5.2. Quy định về tập trung kinh tế theo Luật cạnh tranh Việt Nam</p> <p>5.2.1. Các hình thức tập trung kinh tế</p> <p>5.2.2. Hậu quả pháp lý của tập trung kinh tế</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống
Tiết 29-36	<p>Chương 6: Pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh</p> <p>6.1. Khái quát về cạnh tranh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống

	<p>không lành mạnh</p> <p>6.1.1. Khái niệm cạnh tranh không lành mạnh</p> <p>6.1.2. Các đặc điểm của hành vi cạnh tranh không lành mạnh</p> <p>6.1.3. Phân loại hành vi cạnh tranh không lành mạnh</p> <p>6.2. Quy định của pháp luật Việt Nam về hành vi cạnh tranh không lành mạnh</p> <p>6.2.1. Chi dẫn gây nhầm lẫn</p> <p>6.2.2. Xâm phạm bí mật kinh doanh</p> <p>6.2.3. Ép buộc trong kinh doanh</p> <p>6.2.4. Gièm pha doanh nghiệp khác</p> <p>6.2.5. Gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác</p> <p>6.2.6. Quảng cáo nhằm cạnh tranh không lành mạnh</p> <p>6.2.7. Khuyến mại nhằm cạnh tranh không lành mạnh</p> <p>6.2.8. Phân biệt đối xử của hiệp hội</p> <p>6.2.9. Bán hàng đa cấp bất chính</p> <p>6.2.10. Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong</p>	giải đáp	
--	--	----------	--

	<p>lĩnh vực sở hữu trí tuệ</p> <p>6.10.11. Hình thức xử lý đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh</p>		
Tiết 37-43	<p>Chương 7: Tổ tụng cạnh tranh, thủ tục miễn trừ và xử lý vi phạm pháp luật cạnh tranh</p> <p>7.1. Tổ tụng cạnh tranh</p> <p>7.1.1. Khái niệm, đặc điểm của tổ tụng cạnh tranh</p> <p>7.1.2. Chủ thể tiến hành và tham gia tổ tụng cạnh tranh</p> <p>7.1.3. Thủ tục tổ tụng cạnh tranh</p> <p>7.2. Thủ tục miễn trừ đối với hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm</p> <p>7.2.1. Nhận thức chung về miễn trừ đối với hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm</p> <p>7.2.2. Thẩm quyền quyết định việc hưởng miễn trừ</p> <p>7.2.3. Trình tự xem xét, quyết định việc hưởng miễn trừ</p> <p>7.3. Xử lý vi phạm pháp luật cạnh tranh</p> <p>7.3.1. Hình thức xử lý vi phạm pháp luật cạnh tranh</p>	<p>- Diễn giảng</p> <p>- Đặt câu hỏi, nêu tình huống</p> <p>- Hướng dẫn, giải đáp</p>	<p>- Nghe giảng</p> <p>- Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống</p>

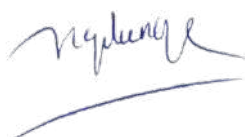
	7.3.2. Thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật cạnh tranh bằng biện pháp hành chính		
Tiết 44-45	Ôn tập kết thúc môn	Tóm lược các nội dung cơ bản, giải đáp thắc mắc	Lắng nghe; đặt các câu hỏi còn thắc mắc

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Luật tố tụng hình sự

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã học phần: 0101000701

Tổng số tín chỉ: 03

Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	45 + 90 = 135
	25	5	0	15	

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Luật hình sự 1, 2

Học phần học trước:

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Nắm được khái niệm, nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của TTHS.

M2: Xác định và phân biệt được khái niệm các chủ thể khác nhau trong quan hệ pháp luật TTHS và địa vị pháp lí của các chủ thể.

M3: Nắm được bản chất, thuộc tính của chứng cứ, các loại chứng cứ và những vấn đề khác có liên quan đến việc chứng minh.

M4: Nhận thức được bản chất, ý nghĩa và căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế khác. Nhận diện các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế cụ thể.

M5: Xác định được thẩm quyền, trình tự, thủ tục và các hoạt động cụ thể trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố vụ án hình sự. Căn cứ và nội dung của các quyết định tố tụng trong các giai đoạn này.

M6: Xác định được thẩm quyền, trình tự, thủ tục tiến hành các hoạt động trong giai đoạn xét xử sơ thẩm. xét xử phúc thẩm. xét lại bản án quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm. tái thẩm. thủ tục xem xét lại quyết định của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao. Căn cứ và nội dung của các quyết định tố tụng trong các giai đoạn này.

M7: Nhận thức được những quy định chung về thi hành án (những bản án và quyết định được đưa ra thi hành. thẩm quyền, thời hạn, thủ tục ra quyết định thi hành án). Nắm được trình tự, thủ tục, chủ thể thi hành bản án và quyết định của toà án.

3.2. Về kỹ năng

-Kỹ năng nghề nghiệp

M8: Có khả năng nhận diện và xác định đúng tư cách tố tụng của những người tham gia tố tụng.

M9: Có khả năng phân loại, kiểm tra, đánh giá và sử dụng chứng cứ trong việc xác định sự thật của vụ án cụ thể.

M10: Lựa chọn biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế phù hợp để áp dụng với từng đối tượng và trong từng trường hợp cụ thể.

M11: Lựa chọn, vận dụng phù hợp các quy định của luật TTHS để giải quyết các tình huống cụ thể trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử.

M12: Lựa chọn ra được những quyết định tố tụng chính xác để giải quyết các tình huống (vụ án) cụ thể.

-Kỹ năng mềm

M13: Hình thành và phát triển năng lực tư duy phê phán, giải quyết vấn đề.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M14: Phát triển kỹ năng cộng tác, LVN.

M15: Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi.

M16: Trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá.

M17: Phát triển kỹ năng thuyết trình trước công chúng.

M18: Phát triển kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, điều khiển, theo dõi kiểm tra hoạt động, lập mục tiêu, phân tích chương trình.

3.4. Về thái độ

M19: Nâng cao ý thức trách nhiệm về vai trò, sứ mạng của người cán bộ pháp lý trong giai đoạn mới. nhạy bén với cái mới, chủ động thích ứng với thay đổi.

M20: Hình thành niềm say mê nghề nghiệp, tư tưởng không ngừng học hỏi, tích cực đổi mới tư duy và cách thức giải quyết những vấn đề pháp lý.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp. 1 = Mức thấp. 2 = Mức trung bình. 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
0101000701	Luật tố tụng hình sự	0	0	3	0	0	1	2	2	1	2
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		2	2	0	0	1	2	2	2	3	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3 MT4 MT5 MT6 MT7	CO1	Nắm được khái niệm, nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của TTHS. Xác định và phân biệt được khái niệm các chủ thể khác nhau trong quan hệ pháp luật TTHS và địa vị pháp lý của các chủ thể	PO3
Kỹ năng			
MT8	CO2	Có khả năng cập nhật, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đến pháp luật kinh tế.	PO6
MT9	CO3	Có khả năng phân tích các tình huống thực tiễn trong lĩnh vực pháp luật kinh tế và đưa ra giải	PO7, PO8

MT10		pháp chuyên môn để giải quyết các tình huống đó. Có khả năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng. bước đầu có khả năng tư vấn pháp luật về kinh tế, soạn thư tư vấn và các văn bản có tính chất pháp lý phục vụ cho các công việc thuộc ngành đào tạo.	
MT11	CO4	Có khả năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm của mình. có khả năng phản biện, phê phán.	PO9,PO10
MT12 MT13	CO5	Có khả năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. Có khả năng tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.	PO11, PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT14 MT15 MT16 MT17 MT18	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	PO15,PO16
MT19 MT20	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học. nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học. có ý thức tuân thủ pháp luật.	PO17, PO18, PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học luật TTHS là môn khoa học pháp lí cung cấp những kiến thức lí luận và thực tiễn về TTHS và khả năng áp dụng trong thực tế. Môn học này gồm hai nội dung cơ bản: Những vấn đề lí luận chung về TTHS và những giai đoạn tố tụng cụ thể trong trình tự tố tụng giải quyết vụ án hình sự.

Môn học luật TTHS nghiên cứu các quy định của pháp luật và những quan điểm khoa học về trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và một số quy định về thi hành án, quyết định của Tòa án chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong tố tụng hình sự. hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3, CO4, CO5, CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7

Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

1. Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên), Phạm Bích Học, Dương Tuyết Miên..., *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Quyển 1 Phần các tội phạm)*, Nxb. Công An Nhân Dân (2018).
2. Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên), Hoàng Văn Hùng, Trần Văn Dũng..., *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb. Công An Nhân Dân (2019).
3. Hiến pháp năm 2013.
4. BLTTHS của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam năm 2015.
5. BLHS của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)
6. Luật luật sư năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư năm 2012
7. Luật tổ chức toà án nhân dân năm 2014.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Võ Thị Kim Oanh (chủ biên) (2016), *Bình luận những điểm mới cơ bản của bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb Hồng Đức.

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CĐR của HP
Tiết	Vấn đề 1. Khái niệm luật TTHS; nhiệm vụ	1,2,3	CO1, CO7

1-3	<p>và các nguyên tắc cơ bản của TTHS</p> <p>1.1. Khái niệm TTHS, luật TTHS, các giai đoạn TTHS, khoa học luật TTHS và mối liên quan với các ngành khoa học khác.</p> <p>1.2. Nhiệm vụ của luật TTHS; nguồn của luật Tổ tụng hình sự.</p> <p>1.3. Các nguyên tắc cơ bản của Tổ tụng hình sự.</p> <p>1.3.1. Các nguyên tắc đặc thù.</p> <p>1.3.2. Các nguyên tắc khác.</p>		
Tiết 4-11	<p>Vấn đề 2. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và người tham gia TTHS</p> <p>2.1. Xác định khái niệm, đặc điểm của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng; những quy định chung về việc thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.</p> <p>2.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; tổ chức, nguyên tắc hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; những trường hợp cụ thể thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 12-14	<p>Vấn đề 3. Chứng cứ và chứng minh</p> <p>3.1. Khái niệm chứng cứ, các thuộc tính của chứng cứ, nguồn chứng cứ. Đối tượng chứng minh và phân loại đối tượng chứng minh, nghĩa vụ chứng minh, quá trình chứng minh.</p> <p>3.2. Phân loại chứng cứ.</p> <p>3.3. Cơ sở lí luận của chứng cứ, các quan điểm về chứng cứ, phân loại chứng cứ. Quá</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

	trình chứng minh trong các giai đoạn tố tụng khác nhau .		
Tiết 15-18	<p>Vấn đề 4. Biện pháp ngăn chặn và các biện pháp cưỡng chế khác</p> <p>4.1. Khái niệm, căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn, phân biệt biện pháp ngăn chặn và biện pháp cưỡng chế khác; liệt kê được các biện pháp ngăn chặn cụ thể; phân tích biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam.</p> <p>4.2. Các biện pháp ngăn chặn khác.</p> <p>4.3. Thay đổi, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn.</p> <p>4.4. Biện pháp cưỡng chế khác.</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 18-20	<p>Vấn đề 5. Khởi tố vụ án hình sự</p> <p>5.1. Thẩm quyền khởi tố vụ án; căn cứ, cơ sở khởi tố vụ án hình sự; căn cứ không khởi tố vụ án; khởi tố vụ án theo yêu cầu của bị hại.</p> <p>5.2. Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của khởi tố vụ án hình sự; trình tự khởi tố vụ án.</p> <p>5.3. Quyền hạn, trách nhiệm của viện kiểm sát trong giai đoạn khởi tố.</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 21-25	<p>Vấn đề 6. Điều tra vụ án hình sự</p> <p>6.1. Thẩm quyền điều tra; các quyết định của cơ quan điều tra.</p> <p>6.2. Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa một số hoạt động điều tra: Khởi tố bị can, hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, khám xét, tạm giữ đồ vật, tài liệu khi khám xét, xem xét dấu vết trên thân thể, khám nghiệm hiện trường; biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.</p> <p>6.3. Những quy định chung về hoạt động điều tra; các hoạt động điều tra khác.</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 26-28	<p>Vấn đề 7. Truy tố</p> <p>7.1. Các quyết định của viện kiểm sát trong giai đoạn truy tố.</p> <p>7.2. Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của giai</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

	<p>đoạn truy tố.</p> <p>7.3. Các hoạt động của viện kiểm sát trong giai đoạn truy tố.</p>		
Tiết 29-34	<p>Vấn đề 8. Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự</p> <p>8.1. Thẩm quyền xét xử sơ thẩm của toà án; giới hạn xét xử; các quyết định của toà án trong quá trình chuẩn bị xét xử.</p> <p>8.2. Những quy định chung về xét xử vụ án hình sự; những quy định chung về thủ tục tố tụng tại phiên toà sơ thẩm.</p> <p>8.3. Hoạt động nhận, nghiên cứu hồ sơ; những việc cần làm sau khi kết thúc phiên toà.</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 35-37	<p>Vấn đề 9. Xét xử phúc thẩm vụ án hình sự</p> <p>9.1. Kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm; phạm vi xét xử phúc thẩm; thẩm quyền của toà án cấp phúc thẩm.</p> <p>9.2. Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của giai đoạn xét xử phúc thẩm; những quy định chung; trình tự phiên toà phúc thẩm.</p> <p>9.3. Phúc thẩm các quyết định của toà án sơ thẩm.</p>	1,2,5	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 37-39	<p>Vấn đề 10. Thi hành bản án, quyết định của toà án</p> <p>10.1. Một số quy định chung về thi hành bản án và quyết định của toà án.</p> <p>10.2. Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của thi hành án hình sự; một số thủ tục về thi hành hình phạt tử hình, hình phạt tù; hoãn, tạm đình chỉ thi hành án phạt tù.</p> <p>10.3. Thủ tục xét tha tù trước thời hạn có điều kiện; xoá án tích.</p>	1,2,5	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 40-43	<p>Vấn đề 11. Thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án</p> <p>11.1. Tính chất của giám đốc thẩm, tái thẩm; căn cứ kháng nghị theo thủ tục giám đốc</p>	1,2,5	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

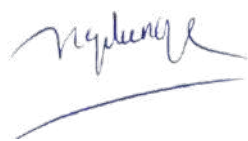
	thẩm, tái thẩm. 11.2. Những vấn đề pháp lí khác về giám đốc thẩm và tái thẩm. 11.3. Phân biệt thủ tục giám đốc thẩm với xét xử sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục tái thẩm. 11.4. Thủ tục xem xét lại quyết định của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.		
Tiết 44-45	ÔN TẬP KẾT THÚC MÔN		

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Luật Sở hữu trí tuệ

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã học phần: 0101000698

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	18	6	0	6	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Luật dân sự 1 và 2

Học phần học trước: Luật thương mại 1

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Xác định được quan hệ xã hội thuộc đối tượng điều chỉnh của luật sở hữu trí tuệ, phương pháp điều chỉnh, đối tượng điều chỉnh của luật sở hữu trí tuệ; hiểu và xác định được các văn bản được coi là nguồn của luật sở hữu trí tuệ.

M2: Mô tả được hệ thống các khái niệm cơ bản liên quan đến sở hữu trí tuệ.

M3: Mô tả được đặc trưng cơ bản của mỗi bộ phận của quyền sở hữu trí tuệ (quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả; quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng)

M4: Xác định được các quy định về quy trình đăng ký, xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả; quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng.

M5: Nắm được các quy định chung về chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ, các căn cứ xác lập, chấm dứt quyền sở hữu trí tuệ; thời hạn bảo hộ đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ

M6: Nhận diện được các đối tượng khác nhau của quyền sở hữu trí tuệ, điều kiện để chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ; Mô tả được các biện pháp bảo vệ quyền SHTT.

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M7: Cập nhật, phân tích, bình luận, đánh giá được các quy định của pháp luật liên quan đến chủ thể quan hệ pháp luật sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu; các quy định về điều kiện bảo hộ, quy trình xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả; quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng .

M8: Vận dụng được các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế liên quan đến chuyển giao quyền, bảo vệ sở hữu trí tuệ (quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả; quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng).

M9: Bước đầu có kỹ năng tư vấn pháp luật về quy trình xác lập quyền sở hữu trí tuệ, giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ.

- Kỹ năng mềm

M10: Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp.

M11: Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ; Có khả năng vận dụng pháp luật sở hữu trí tuệ để giải quyết hiệu quả các vấn đề pháp lý phát sinh trong lĩnh vực này.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M12: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M13: Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;

M14: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;

M15: Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.4. Về thái độ

M16: Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật;

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
0101000698	Luật Sở hữu trí tuệ	0	0	3	0	0	3	2	2	2	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3 MT4 MT5	CO1	Hiểu, đánh giá, phân tích được các quy định chung của Luật sở hữu trí tuệ, các quy định về điều kiện bảo hộ, căn cứ xác lập quyền, thời hạn bảo hộ, chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ (quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả; quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng); các hành vi xâm phạm và biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.	PO3
Kỹ năng			
MT6	CO2	Cập nhật được các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực luật đất đai	PO6
MT7	CO3	Có khả năng vận dụng pháp luật để giải quyết được các tình huống phát sinh trong thực tiễn có liên quan đến các vấn đề chung về luật sở hữu trí tuệ; về chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ, đăng ký bảo hộ, biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.	PO7
MT8	CO4	Bước đầu có khả năng tư vấn pháp luật có liên quan đến các quy định chung của luật sở hữu trí tuệ; quy định pháp luật về chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ, đăng ký bảo hộ, biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.	PO8
MT9	CO5	Có khả năng tranh luận, lập luận để bảo vệ	PO9,11,12

MT10		quan điểm của mình, có khả năng đánh giá, phê phán, có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có kỹ năng tự cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu.	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT11 MT12 MT13 MT14	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	PO15, PO16, PO17, PO18
MT15	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần luật sở hữu trí tuệ trang bị cho sinh viên các kiến thức chung về đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, khái niệm về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ, đăng ký bảo hộ, biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ, đăng ký bảo hộ, những hành vi xâm phạm và biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3,CO4,CO5,CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

khảo		
------	--	--

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận nhóm hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Vũ Thị Hải Yến-Chủ biên (2021), *Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
2. Phùng Trung Tập (2021), *Quyền sở hữu trí tuệ, bảo vệ và chuyển giao*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
3. Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 sửa đổi bổ sung năm 2009, năm 2019.
4. Bộ Luật Dân sự năm 2015 và Bộ luật hình sự Việt Nam năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Hồ Bích Hằng (Chủ biên)-Nguyễn Ngọc Hồng Phượng-Nguyễn Phương Thảo (2019), *Sách tình huống Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam: Bình luận và bản án*, Nxb. Hồng Đức - Hội Luật.

2. Lê Nét, Nguyễn Xuân Quang (2016), *Giáo trình luật sở hữu trí tuệ (tái bản có bổ sung)*, Nxb. Hồng Đức – Hội Luật.

3. Vũ Thị Phương Lan-Chủ biên (2018), *Bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số theo điều ước quốc tế và pháp luật Việt Nam: Sách chuyên khảo*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật.

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CDR của HP
Tiết 1-3	Vấn đề 1: Giới thiệu tổng quan về quyền SHTT 1.1. Khái niệm và đặc điểm của quyền SHTT 1.2. Các bộ phận cấu thành của quyền SHTT 1.2.1. Quyền tác giả và quyền liên quan 1.2.2. Quyền SHCN 1.2.3. Quyền đối với giống cây trồng 1.3. Hệ thống pháp luật SHTT quốc tế và Việt Nam 1.4. Vai trò của quyền SHTT đối với sự phát triển kinh tế, xã hội	1,2,3	CO1,CO7
Tiết 1-3	Vấn đề 2: Quyền tác giả và quyền liên quan 2.1. Quyền tác giả 2.1.1. Khái niệm tác giả, tác phẩm 2.1.2. Đặc điểm, phân loại 2.1.3. Chủ thể của QHPLDS về quyền tác giả 2.1.4. Đối tượng của QHPLDS về quyền tác giả	1,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	<p>2.1.5. Nội dung QHPLDS của quyền tác giả</p> <p>2.1.6. Chủ sở hữu quyền tác giả</p> <p>2.1.7. Các trường hợp giới hạn quyền tác giả</p> <p>2.1.8. Thời hạn bảo hộ quyền tác giả</p> <p>2.2. Quyền liên quan</p> <p>2.2.1. Khái niệm</p> <p>2.2.2. Đặc điểm</p> <p>2.2.3. Chủ thể QHPLDS về quyền liên quan</p> <p>2.2.4. Đối tượng của QHPLDS về quyền liên quan</p> <p>2.2.5. Nội dung QHPLDS của quyền liên quan</p> <p>2.2.6. Giới hạn quyền liên quan</p> <p>2.2.7. Thời hạn bảo hộ quyền liên quan</p> <p>2.3. Xác lập, chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan</p> <p>2.4. Hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan</p>		
Tiết 4-6	<p>Vấn đề 3: Sáng chế</p> <p>3.1. Khái niệm sáng chế</p> <p>3.2. Chủ thể của quyền SHCN đối với sáng chế</p> <p>3.4. Điều kiện bảo hộ sáng chế</p> <p>3.5. Các đối tượng không được bảo hộ sáng chế</p> <p>3.6. Quy trình xác lập quyền đối với sáng chế</p> <p>3.6.1. Căn cứ xác lập</p> <p>3.6.2. Quyền nộp đơn, cách</p>	1,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	<p><i>thức nộp đơn yêu cầu cấp quyền độc quyền sáng chế</i></p> <p><i>3.6.3. Nguyên tắc nộp đơn đầu tiên</i></p> <p><i>3.6.4. Nguyên tắc ưu tiên</i></p> <p><i>3.6.5. Các yêu cầu đối với đơn đăng ký sáng chế</i></p> <p><i>3.6.6. Tách đơn, chuyển giao đơn đăng ký sáng chế</i></p> <p><i>3.6.7. Quy trình xử lý đơn và cấp văn bằng bảo hộ</i></p> <p><i>3.7. Nội dung quyền của chủ sở hữu sáng chế</i></p> <p><i>3.7.1. Quyền sử dụng sáng chế</i></p> <p><i>3.7.2. Quyền ngăn cấm người khác sử dụng sáng chế trừ ngoại lệ</i></p> <p><i>3.7.3. Quyền định đoạt sáng chế</i></p> <p><i>3.7.4. Quyền tạm thời</i></p> <p><i>3.8. Hạn chế quyền đối với sáng chế</i></p> <p><i>3.8.1. Quyền của người sử dụng trước đối với sáng chế</i></p> <p><i>3.8.2. Thực hiện các nghĩa vụ của chủ sở hữu sáng chế</i></p> <p><i>3.8.3. Chuyển giao quyền sử dụng sáng chế</i></p>		
Tiết 4-6	<p>Vấn đề 4: Kiểu dáng công nghiệp</p> <p>4.1. Khái niệm kiểu dáng công nghiệp</p> <p>4.2. Sự khác biệt của kiểu dáng công nghiệp với một số đối tượng của QSHTT</p> <p>4.3. Điều kiện bảo hộ kiểu dáng công nghiệp</p>	1,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	<p>4.3.1. Tính mới</p> <p>4.3.2. Tính sáng tạo</p> <p>4.3.3. Khả năng áp dụng công nghiệp</p> <p>4.3.4. Các đối tượng không được bảo hộ với danh nghĩa là kiểu dáng công nghiệp</p> <p>4.4. Chủ thể của quyền sở hữu của kiểu dáng công nghiệp</p> <p>4.5. Xác lập quyền</p> <p>4.6. Thủ tục sau xác lập quyền</p>		
Tiết 7-9	<p>Vấn đề 5: Nhãn hiệu và Tên thương mại</p> <p>5.1. Nhãn hiệu</p> <p>5.1.1. Khái niệm nhãn hiệu</p> <p>5.1.2. Phân loại và chức năng của nhãn hiệu</p> <p>5.1.3. Điều kiện bảo hộ nhãn hiệu</p> <p>5.1.4. Các dấu hiệu không được bảo hộ là nhãn hiệu</p> <p>5.1.5 Chủ thể có quyền nộp đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu</p> <p>5.1.6. Đăng ký xác lập quyền đối với nhãn hiệu</p> <p>5.1.7. Chủ sở hữu, thời hạn bảo hộ, quyền và hạn chế quyền của chủ văn bằng</p> <p>5.2. Tên thương mại</p> <p>5.2.1. Khái niệm</p> <p>5.2.2. Điều kiện bảo hộ tên thương mại</p> <p>5.2.3. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu tên thương mại</p>	1,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 10-12	<p>Vấn đề 6: Bí mật kinh doanh và Chỉ dẫn địa lý</p> <p>6.1. Bí mật kinh doanh</p>	1,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	<p>6.1.1. Khái niệm</p> <p>6.1.2. Điều kiện bảo hộ bí mật kinh doanh</p> <p>6.1.3. Chủ sở hữu, thời hạn bảo hộ bí mật kinh doanh</p> <p>6.2. Chi dẫn địa lý</p> <p>6.2.1. Khái niệm</p> <p>6.2.1. Điều kiện bảo hộ</p> <p>6.2.3. Chủ thể có quyền nộp đơn</p> <p>6.2.4. Quy trình cấp văn bằng bảo hộ</p> <p>6.2.5. Chủ văn bằng, thời hạn bảo hộ, quyền của chủ văn bằng và chấm dứt, hủy bỏ văn bằng</p> <p>6.3. Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn</p>		
Tiết 13-15	<p>Vấn đề 7: Quyền đối với giống cây trồng</p> <p>7.1. Khái niệm và điều kiện bảo hộ</p> <p>7.2. Nội dung, giới hạn quyền của chủ sở hữu giống cây trồng</p> <p>7.3. Đăng ký xác lập quyền đối với giống cây trồng</p> <p>7.4. Chuyển giao quyền đối với giống cây trồng</p> <p>7.5. Hành vi xâm phạm quyền đối với giống cây trồng</p>	1,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 16-18	<p>Vấn đề 8: Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ</p> <p>8.1. Khái niệm</p> <p>8.2. Biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ</p> <p>8.3. Thẩm quyền xử lý</p> <p>8.4. Các hành vi xâm phạm</p> <p>8.4.1. Hành vi xâm phạm quyền tác giả</p> <p>8.4.2. Hành vi xâm phạm quyền đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố</p>	1,2,3,4	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

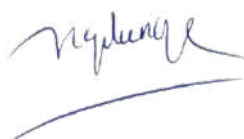
	<i>trí mạch tích hợp</i> 8.4.3. Hành vi xâm phạm quyền đối với bí mật kinh doanh 8.4.4. Hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý 8.4.5. Hành vi cạnh tranh không lành mạnh		
Tiết 19-21	Thảo luận 1 Bài tập nhóm/Báo cáo nhóm	1,2,3,4	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 22-24	Thảo luận 2 Bài tập nhóm/Báo cáo nhóm	1,2,3,4	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 25-27	Thảo luận 3 Bài tập nhóm/Báo cáo nhóm	1,2,3,4	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 28-30	Thảo luận 4 Bài tập nhóm/Báo cáo nhóm	1,2,3,4	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Tổ tụng hành chính

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã học phần: 0101001341

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	15	5	0	10	30+60=90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Luật Hành chính

Học phần học trước: Luật Hành chính

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1. Nắm được kiến thức cơ bản về tài phán hành chính; ngành luật tổ tụng hành chính;

M2. Phân tích được quyền và nghĩa vụ pháp lý tổ tụng hành chính của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

M3. Nắm được thẩm quyền, thủ tục giải quyết các vụ án hành chính và thi hành án hành chính;

M4. Nắm được kiến thức cần thiết để vận dụng pháp luật tổ tụng hành chính vào thực tiễn;

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M5. Có kỹ năng tranh tụng nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án hành chính.

M6. Có kỹ năng cần thiết để bình luận và đưa ra quan điểm cá nhân về pháp luật và thực hiện pháp luật về tổ tụng hành chính.

M7. Có kỹ năng cần thiết để đọc, hiểu và vận dụng pháp luật về tổ tụng hành chính vào thực tiễn.

- Kỹ năng mềm

M8. Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp.

M9. Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M10. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M11. Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;

M12. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;

M13. Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.4. Về thái độ

M14. Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật;

M15. Tích cực đấu tranh bảo vệ công lý; Nghiêm túc, khách quan trong nghiên cứu khoa học và đánh giá các vấn đề lí luận, thực tiễn giải quyết các vụ án hành chính;

M16. Có ý thức vận dụng các kiến thức và pháp luật đã học vào thực tiễn.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
		3	3	3	3	2	2	2	2	2	2

Tổ tụng hành chính	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16
	0	0	0	2	2	2

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3 MT4	CO1	Nắm được kiến thức cơ bản về tài phán hành chính; ngành luật tổ tụng hành chính; Phân tích được quyền và nghĩa vụ pháp lý tổ tụng hành chính của cơ quan, tổ chức, cá nhân; Nắm được thẩm quyền, thủ tục giải quyết các vụ án hành chính và thi hành án hành chính; Nắm được kiến thức cần thiết để vận dụng pháp luật tổ tụng hành chính vào thực tiễn;	PO1, PO2, PO3, PO4
Kỹ năng			
MT5	CO2	Có kỹ năng tranh tụng nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án hành chính.	PO5
MT6	CO3	Có kỹ năng cần thiết để bình luận và đưa ra quan điểm cá nhân về pháp luật và thực hiện pháp luật về tổ tụng hành chính.	PO6
MT7	CO4	Có kỹ năng cần thiết để đọc, hiểu và vận dụng pháp luật về tổ tụng hành chính vào thực tiễn.	PO7
MT8 MT9	CO5	Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp; Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;	PO8, PO9
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT10 MT11 MT12 MT13 MT14 MT15	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên	PO10, PO11, PO12, PO13, PO14, PO15

		môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động; Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật; Tích cực đấu tranh bảo vệ công lý; Nghiêm túc, khách quan trong nghiên cứu khoa học và đánh giá các vấn đề lí luận, thực tiễn giải quyết các vụ án hành chính;	
MT16	CO7	Có ý thức vận dụng các kiến thức và pháp luật đã học vào thực tiễn.	PO16

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Luật Tố tụng hành chính Việt Nam là môn khoa học pháp lí chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về tài phán hành chính; ngành luật tố tụng hành chính; quyền và nghĩa vụ pháp lí tố tụng hành chính của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; thẩm quyền, thủ tục giải quyết các vụ án hành chính và thí hành án hành chính, Những kiến thức này cần thiết cho việc xây dựng, tổ chức thực hiện và hoàn thiện pháp luật hành chính; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân và tổ chức trước sự xâm phạm trái pháp luật của việc thực thi quyền hành pháp.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO2, CO3, CO4, CO5
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO3, CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.	CO7	7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Cảnh Hợp *chủ biên* (2022), *Giáo trình luật Tố tụng hành chính Việt Nam*, Nxb Hồng Đức;
2. Luật Tố tụng hành chính 2015 (sửa đổi bổ sung 2019);
3. Luật Khiếu nại 2011;
4. Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 2014;
5. Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân 2014;
6. Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015;
7. Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân 2015;

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Ngọc Điệp (2016), *Bình luận khoa học tổ tụng hành chính 2015*, Nxb Lao động;
2. Trần Thị Lâm Thi (2020), *Cưỡng chế hành chính: Lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật;
3. Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 (sửa đổi, bổ sung 2020);
4. Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
5. Bộ luật Dân sự 2015;

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CDR của HP
Tiết 1-8	<p>Vấn đề 1. Khoa học, Ngành Luật Tố tụng hành chính và Thẩm quyền xét xử hành chính</p> <p>1.1. Khoa học Luật tố tụng hành chính.</p> <p>1.1.1. Tài phán hành chính.</p> <p>1.1.2. Đối tượng nghiên cứu của Khoa học Luật tố tụng hành chính.</p> <p>1.1.3. Phương pháp nghiên cứu của Khoa học Luật tố tụng hành chính.</p> <p>1.1.4. Nhiệm vụ của Khoa học Luật tố tụng hành chính.</p> <p>1.2. Ngành Luật tố tụng hành chính Việt Nam.</p> <p>1.2.1. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật tố tụng hành chính.</p> <p>1.2.2. Mối quan hệ giữa Luật tố tụng hành chính và một số</p>	1,2,3,4,5,6,7,8	CO1,CO7

	<p>ngành luật khác.</p> <p>1.3 Nguyên tắc cơ bản trong tổ tụng hành chính.</p> <p>1.3.1. Khái niệm nguyên tắc cơ bản trong tổ tụng hành chính.</p> <p>1.3.2. Những nguyên tắc cơ bản trong tổ tụng hành chính.</p> <p>1.4. Thẩm quyền xét xử hành chính của Tòa án nhân dân.</p> <p>1.4.1. Khái niệm thẩm quyền xét xử hành chính của Tòa án nhân dân.</p> <p>1.4.2. Cơ sở xác định thẩm quyền xét xử hành chính của Tòa án nhân dân.</p> <p>1.4.3. Phạm vi thẩm quyền xét xử hành chính của Tòa án nhân dân.</p>		
Tiết 8-14	<p>Chương 2. Chủ thể của quan hệ pháp luật tổ tụng hành chính, chứng minh, chứng cứ và biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tổ tụng hành chính.</p> <p>2.1. Chủ thể của quan hệ pháp luật tổ tụng hành chính.</p> <p>2.1.1. Cơ quan và người tiến hành tổ tụng hành chính.</p> <p>2.1.2. Người tham gia tổ tụng hành chính.</p> <p>2.1.3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác trong tổ tụng hành</p>	1,2,3,4,5,6,7,8	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	<p>chính.</p> <p>2.2. Chứng minh và chứng cứ trong tố tụng hành chính.</p> <p>2.2.1. Khái niệm chứng minh, chứng cứ trong tố tụng hành chính.</p> <p>2.2.2. Chứng minh trong tố tụng hành chính.</p> <p>2.2.3. Chứng cứ trong tố tụng hành chính.</p> <p>2.3. Biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng hành chính.</p> <p>2.3.1. Khái niệm biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng hành chính.</p> <p>2.3.2. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng hành chính.</p> <p>2.3.3. Thủ tục áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng hành chính.</p>		
Tiết 14-20	<p>Chương 3: Thủ tục sơ thẩm vụ án hành chính</p> <p>3.1. Khởi kiện và thụ lý vụ án hành chính.</p> <p>3.1.1. Vụ án hành chính.</p> <p>3.1.2. Khởi kiện vụ án hành chính.</p> <p>3.1.3. Thụ lý vụ án hành chính.</p> <p>3.2. Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành chính.</p>	1,2,3,4,5,6,7,8	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	<p>3.2.1. Khái niệm chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành chính.</p> <p>3.2.2. Nhiệm vụ của Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành chính.</p> <p>3.2.3. Các quyết định kết thúc giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành chính của Tòa án.</p> <p>3.3. Xét xử sơ thẩm vụ án hành chính.</p> <p>3.3.1. Khái niệm xét xử sơ thẩm vụ án hành chính.</p> <p>3.3.2. Chuẩn bị mở phiên tòa sơ thẩm vụ án hành chính.</p> <p>3.3.3. Phiên tòa sơ thẩm vụ án hành chính.</p> <p>3.3.4. Các thủ tục sau phiên tòa sơ thẩm vụ án hành chính.</p>		
Tiết 21-24	<p>Chương 4: Thủ tục xem xét lại bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính</p> <p>4.1. Thủ tục phúc thẩm vụ án hành chính.</p> <p>4.1.1. Khái niệm xét xử phúc thẩm vụ án hành chính.</p> <p>4.1.2. Kháng cáo, kháng nghị và thụ lý phúc thẩm vụ án hành chính.</p> <p>4.1.3. Chuẩn bị xét xử phúc thẩm vụ án hành chính.</p> <p>4.1.4. Phiên tòa, phiên họp</p>	1,2,3,5,6,7,8	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

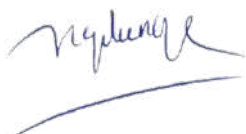
	<p>phúc thẩm vụ án hành chính.</p> <p>4.2. Thủ tục xem xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án về vụ án hành chính.</p> <p>4.2.1. Thủ tục giám đốc thẩm vụ án hành chính.</p> <p>4.2.2. Thủ tục tái thẩm vụ án hành chính.</p> <p>4.2.3. Thủ tục xem xét lại quyết định của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về vụ án hành chính.</p>		
Tiết 25-27	<p>Chương 5: Thủ tục rút gọn, Thi hành bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính</p> <p>5.1. Khái niệm và ý nghĩa của thi hành bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính.</p> <p>5.2. Thủ tục thi hành bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính.</p> <p>5.3. Vai trò của Viện kiểm sát nhân dân đối với việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính.</p>	1,2,3,4,6,7,8	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 28-30	Ôn tập	1,2,3,4,5,6,7,8	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (trương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Luật hình sự 1

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã học phần: 0101000686

Tổng số tín chỉ: 03

Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	45 + 90 = 135
	25	5	0	15	

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết:

Học phần học trước:

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Vận dụng được kiến thức về các nội dung cơ bản của luật hình sự Việt Nam như khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh, bản chất, nhiệm vụ, các nguyên tắc cơ bản và vấn đề về nguồn của luật hình sự.

M2: Vận dụng được kiến thức lý thuyết trong lĩnh vực pháp luật hình sự về tội phạm cùng các chế định liên quan tội phạm trong Phần Chung Bộ luật hình sự.

M3: Vận dụng được kiến thức lý thuyết trong lĩnh vực pháp luật hình sự về hình phạt cùng các chế định liên quan hình phạt trong Phần Chung Bộ luật hình sự.

3.2. Về kỹ năng

-Kỹ năng nghề nghiệp

M4: Giải quyết được các vấn đề pháp lý hình sự, sử dụng được cơ sở dữ liệu để tìm kiếm, phân loại, sắp xếp các văn bản quy phạm pháp luật hình sự phục vụ cho công việc của mình.

M5: Giải quyết được các vấn đề pháp lý hình sự, sử dụng cơ sở dữ liệu để tìm kiếm, phân loại, sắp xếp các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực hình sự phục vụ cho công việc của bản thân.

M6: Kết hợp được kỹ năng thuyết trình, tư vấn, phản biện, tranh luận, bảo vệ quan điểm cá nhân về lĩnh vực pháp lý hình sự.

M7: Hình thành và phát triển kỹ năng làm việc nhóm, soạn thảo văn bản, đánh giá chất lượng công việc của mình và của người khác sau khi hoàn thành công việc.

-Kỹ năng mềm

M8: Có kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác; kỹ năng chuyên tài, phổ biến kiến thức pháp luật hình sự.

M9: Kiến tạo kỹ năng trong việc thực hiện nhiệm vụ cụ thể trong quá trình học tập như dẫn dắt, lãnh đạo...

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M10: Xây dựng thái độ nghiêm túc trong làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

M11: Hình thành khả năng tự định hướng, lập kế hoạch, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động học tập và hình thành thói quen học tập suốt đời.

3.4. Về thái độ

M12: Hình thành thái độ tự tin đưa ra quan điểm và bảo vệ được quan điểm cá nhân khi xử lý các tình huống hình sự và có tác phong hành nghề chuyên nghiệp, có ý thức kỷ luật và đạo đức nghề nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp. 1 = Mức thấp. 2 = Mức trung bình. 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
0101000686	Luật hình sự 1										
		0	0	3	0	0	1	2	2	1	2
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		2	2	0	0	1	2	2	2	3	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3	CO1	Có khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản về tội phạm và hình phạt cùng những chế định liên quan theo quy định của Bộ luật hình sự.	PO3
Kỹ năng			
MT4	CO2	Có khả năng cập nhật, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đến pháp luật hình sự	PO6
MT5	CO3	Có khả năng phân tích các tình huống thực tiễn	PO7, PO8

MT6		trong lĩnh vực hình sự và đưa ra giải pháp chuyên môn để giải quyết các tình huống đó. Bước đầu có khả năng tư vấn pháp luật về hình sự. Phân tích được các văn bản có tính chất pháp lý phục vụ cho các công việc thuộc ngành luật hình sự.	
MT7	CO4	Giải quyết được các vấn đề pháp lý hình sự, sử dụng cơ sở dữ liệu để tìm kiếm, phân loại, sắp xếp các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực hình sự phục vụ cho công việc của bản thân.	PO9,PO10
MT8 MT9	CO5	Có khả năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. Có khả năng tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.	PO11, PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT10 MT11	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	PO15,PO16
MT12	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học. nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học. có ý thức tuân thủ pháp luật.	PO17, PO18, PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Luật hình sự là một học phần cơ bản trong chương trình đào tạo cử nhân luật, là học phần mang tính nền tảng, cơ sở lý luận để người học tiếp cận, nghiên cứu, học tập ở các học phần khác liên quan như: Luật hình sự phần riêng, Luật tố tụng hình sự và Tội phạm học.

Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản xoay quanh ba nhóm vấn đề: Những vấn đề khái quát chung về luật hình sự Việt Nam; Những vấn đề lý luận về tội phạm; Những vấn đề lý luận về hình phạt. Từ đó, sinh viên nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của ngành luật hình sự với những quy định Bộ luật hình sự trong việc áp dụng để xác định và giải quyết vấn đề trách nhiệm hình sự của chủ thể phạm tội.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3,CO4,CO5,CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.

- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.	CO7	7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

1. Hoàng Thị Minh Sơn (Chủ biên) Phan Thị Thanh Mai, Trần Văn Độ..., *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb. Công An Nhân Dân (2018).
2. Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên), Phạm Bích Học, Dương Tuyết Miên..., *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Quyển 1 Phần các tội phạm)*, Nxb. Công An Nhân Dân (2018).
3. Trần Thị Quang Vinh (Chủ biên)- Hội Luật Gia Việt Nam, *Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần các tội phạm - Quyển 2*, Nxb. Hồng Đức (2015)
4. Hiến pháp năm 2013

5. BLTTHS của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam năm 2015.

6. BLHS của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Võ Thị Kim Oanh (chủ biên) (2016), *Bình luận những điểm mới cơ bản của bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb Hồng Đức.

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CĐR của HP
Tiết 1-3	Vấn đề 1. Khái niệm luật TTHS; nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của TTHS 1.1. Khái niệm TTHS, luật TTHS, các giai đoạn TTHS, khoa học luật TTHS và mối liên quan với các ngành khoa học khác. 1.2. Nhiệm vụ của luật TTHS; nguồn của luật Tố tụng hình sự. 1.3. Các nguyên tắc cơ bản của Tố tụng hình sự. 1.3.1. Các nguyên tắc đặc thù. 1.3.2. Các nguyên tắc khác.	1,2,3	CO1,CO7
Tiết 4-11	Vấn đề 2. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và người tham gia TTHS 2.1. Xác định khái niệm, đặc điểm của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố	1,2,3	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

	<p>tụng, người tham gia tố tụng; những quy định chung về việc thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.</p> <p>2.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; tổ chức, nguyên tắc hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; những trường hợp cụ thể thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.</p>		
Tiết 12-14	<p>Vấn đề 3. Chứng cứ và chứng minh</p> <p>3.1. Khái niệm chứng cứ, các thuộc tính của chứng cứ, nguồn chứng cứ. Đối tượng chứng minh và phân loại đối tượng chứng minh, nghĩa vụ chứng minh, quá trình chứng minh.</p> <p>3.2. Phân loại chứng cứ.</p> <p>3.3. Cơ sở lí luận của chứng cứ, các quan điểm về chứng cứ, phân loại chứng cứ. Quá trình chứng minh trong các giai đoạn tố tụng khác nhau .</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 15-18	<p>Vấn đề 4. Biện pháp ngăn chặn và các biện pháp cưỡng chế khác</p> <p>4.1. Khái niệm, căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn, phân biệt biện pháp ngăn chặn và biện pháp cưỡng chế khác;</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

	<p>liệt kê được các biện pháp ngăn chặn cụ thể; phân tích biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam.</p> <p>4.2. Các biện pháp ngăn chặn khác.</p> <p>4.3. Thay đổi, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn.</p> <p>4.4. Biện pháp cưỡng chế khác.</p>		
Tiết 18-20	<p>Vấn đề 5. Khởi tố vụ án hình sự</p> <p>5.1. Thẩm quyền khởi tố vụ án; căn cứ, cơ sở khởi tố vụ án hình sự; căn cứ không khởi tố vụ án; khởi tố vụ án theo yêu cầu của bị hại.</p> <p>5.2. Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của khởi tố vụ án hình sự; trình tự khởi tố vụ án.</p> <p>5.3. Quyền hạn, trách nhiệm của viện kiểm sát trong giai đoạn khởi tố.</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 21-25	<p>Vấn đề 6. Điều tra vụ án hình sự</p> <p>6.1. Thẩm quyền điều tra; các quyết định của cơ quan điều tra.</p> <p>6.2. Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa một số hoạt động điều tra: Khởi tố bị can, hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, khám xét, tạm giữ đồ vật, tài liệu khi khám xét, xem xét dấu vết trên thân thể, khám nghiệm hiện trường; biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.</p> <p>6.3. Những quy định chung về hoạt</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

	động điều tra; các hoạt động điều tra khác.		
Tiết 26-28	<p>Vấn đề 7. Truy tố</p> <p>7.1. Các quyết định của viện kiểm sát trong giai đoạn truy tố.</p> <p>7.2. Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của giai đoạn truy tố.</p> <p>7.3. Các hoạt động của viện kiểm sát trong giai đoạn truy tố.</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 29-34	<p>Vấn đề 8. Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự</p> <p>8.1. Thẩm quyền xét xử sơ thẩm của toà án; giới hạn xét xử; các quyết định của toà án trong quá trình chuẩn bị xét xử.</p> <p>8.2. Những quy định chung về xét xử vụ án hình sự; những quy định chung về thủ tục tố tụng tại phiên toà sơ thẩm.</p> <p>8.3. Hoạt động nhận, nghiên cứu hồ sơ; những việc cần làm sau khi kết thúc phiên toà.</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 35-37	<p>Vấn đề 9. Xét xử phúc thẩm vụ án hình sự</p> <p>9.1. Kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm; phạm vi xét xử phúc thẩm; thẩm quyền của toà án cấp phúc thẩm.</p> <p>9.2. Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của giai đoạn xét xử phúc thẩm; những quy định chung; trình tự phiên toà phúc</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

	<p>thẩm.</p> <p>9.3. Phúc thẩm các quyết định của toà án sơ thẩm.</p>		
Tiết 37-39	<p>Vấn đề 10. Thi hành bản án, quyết định của toà án</p> <p>10.1. Một số quy định chung về thi hành bản án và quyết định của toà án.</p> <p>10.2. Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của thi hành án hình sự; một số thủ tục về thi hành hình phạt tử hình, hình phạt tù; hoãn, tạm đình chỉ thi hành án phạt tù.</p> <p>10.3. Thủ tục xét tha tù trước thời hạn có điều kiện; xoá án tích.</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 40-43	<p>Vấn đề 11. Thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án</p> <p>11.1. Tính chất của giám đốc thẩm, tái thẩm; căn cứ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.</p> <p>11.2. Những vấn đề pháp lí khác về giám đốc thẩm và tái thẩm.</p> <p>11.3. Phân biệt thủ tục giám đốc thẩm với xét xử sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục tái thẩm.</p> <p>11.4. Thủ tục xem xét lại quyết định của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết	ÔN TẬP KẾT THÚC MÔN		

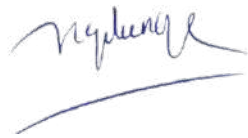
44-45			
-------	--	--	--

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Luật hình sự 2

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã học phần: 0101001345

Tổng số tín chỉ: 02

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	30 + 90 = 120
	15	5	5	5	

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Luật hình sự 1

Học phần học trước:

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về lĩnh vực hình sự như lý luận về định tội danh, phương pháp định tội danh và khung hình phạt

M2: Hiểu và áp dụng tốt kiến thức pháp luật hình sự về định tội và định khung hình phạt của tội phạm cụ thể quy định trong Bộ luật hình sự.

M3: Phân biệt những tội khác nhau trong Bộ luật hình sự.

M4: Nắm vững kỹ năng truyền đạt thông tin, chuyển tải và phổ biến kiến thức pháp luật hình sự về định tội và định khung hình phạt đến chủ thể khác. Kiến tạo kỹ năng trong quá trình xác định tội danh và định khung hình phạt.

3.2. Về kỹ năng

-Kỹ năng nghề nghiệp

M5: Giải quyết được các vấn đề pháp lý hình sự về định tội danh và định khung hình phạt.

M6: Sử dụng tốt cơ sở dữ liệu để tìm kiếm văn bản quy phạm pháp luật hình sự, án lệ có liên quan trong quá trình định tội danh và định khung hình phạt.

M7: Nắm vững kỹ năng truyền đạt thông tin, chuyển tải và phổ biến kiến thức pháp luật hình sự về định tội và định khung hình phạt đến chủ thể khác.

M8: Có kỹ năng giải quyết vụ án hình sự về định tội danh và định khung hình phạt, sử dụng tốt cơ sở dữ liệu để tìm kiếm văn bản quy phạm pháp luật hình sự có liên quan.

M9: Kết hợp kỹ năng thuyết trình, tư vấn, phản biện, tranh luận trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

-Kỹ năng mềm

M10: Hình thành kỹ năng làm việc nhóm, soạn thảo văn bản, đánh giá chất lượng công việc của mình và của người khác sau khi hoàn thành công việc.

M11: Kiến tạo kỹ năng trong việc thực hiện nhiệm vụ cụ thể trong quá trình học tập như dẫn dắt, lãnh đạo...

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M12: Hình thành khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

M13: Phát triển được sự tự tin, vững vàng khi phán đoán, lập luận, bảo vệ được quan điểm cá nhân khi xử lý các tình huống hình sự.

M14: Có cách ứng xử đúng mực, tư duy công bằng, có ý thức kỷ luật và có đạo đức nghề nghiệp; có tác phong hành nghề chuyên nghiệp.

M15: Hình thành thói quen học tập suốt đời, có khả năng tự định hướng, lập kế hoạch, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động

3.4. Về thái độ

M16: Có cách ứng xử đúng mực, tư duy công bằng, làm đúng Hiến pháp và pháp luật.

M17: Có ý thức trách nhiệm công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và tác phong nghề nghiệp trong lĩnh vực tư pháp hình sự.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
0101001345	Luật hình sự 2	0	0	3	0	0	1	1	0	3	2
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		2	2	0	0	2	2	2	2	3	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3 MT4	CO1	Vận dụng được kiến thức pháp luật hình sự về định tội và định khung hình phạt để xác định chính xác tội danh, khung hình phạt cụ thể được quy định trong Bộ luật hình sự. Phân tích được sự giống và khác nhau giữa các tội danh trong Bộ luật hình sự.	PO3
Kỹ năng			
MT5	CO2	Giải quyết được các vấn đề pháp lý hình sự về định tội danh và định khung hình phạt, sử dụng tốt cơ sở dữ liệu để tìm kiếm văn bản quy phạm pháp luật hình sự, án lệ có liên quan trong quá trình định tội danh và định khung hình phạt.	PO6

MT6 MT7 MT8	CO3	Kết hợp kỹ năng thuyết trình, tư vấn, phản biện, tranh luận trong quá trình giải quyết vụ án hình sự về định tội danh, định khung hình phạt đối với một tội danh cụ thể. Có cách ứng xử đúng mực, tư duy công bằng, làm đúng Hiến pháp và pháp luật. Có ý thức trách nhiệm công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và tác phong nghề nghiệp trong lĩnh vực tư pháp hình sự.	PO7
MT9	CO4	Có khả năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm của mình; có khả năng phản biện, phê phán.	PO9,PO10
MT10 MT11	CO5	Có khả năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. Có khả năng tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.	PO11, PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT12 MT13 MT14 MT15	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	PO15,PO16
MT16 MT17	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	PO17, PO18, PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Cung cấp cho sinh viên có khả năng định tội một cách chính xác đối với bất kỳ tội phạm nào được quy định trong Bộ luật hình sự Việt Nam là mục tiêu chính yếu của môn học. Vì thế, trong môn này sẽ tập trung vào việc định tội danh và xác định khung hình phạt để giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan, hiểu và nắm được tầm quan trọng của việc xác định tội danh chính xác. Qua đó, môn học cũng hướng dẫn sinh viên các bước của quy trình xác định tội danh nhằm tạo nền tảng cho sinh viên tinh tế trong kỹ năng phát hiện vấn đề và giải quyết vụ án. Sau đó môn học hướng sinh viên đến phân định tội đối với các tội phạm cụ thể được quy định trong Bộ luật hình sự.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức	Mục đích	CDR của HP đạt được
-------------------------------	-----------------	----------------------------

tổ chức dạy học		
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3,CO4,CO5,CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5,	10

giữa kỳ			CO6,CO7	
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

1. Hoàng Thị Minh Sơn (Chủ biên) Phan Thị Thanh Mai, Trần Văn Độ..., *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb. Công An Nhân Dân (2018)

2. Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên), Phạm Bích Học, Dương Tuyết Miên..., *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Quyển 1 Phần các tội phạm)*, Nxb. Công An Nhân Dân (2018)

3. Trần Thị Quang Vinh (Chủ biên)- Hội Luật Gia Việt Nam, *Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần các tội phạm - Quyển 2*, Nxb. Hồng Đức (2015)

4. Hiến pháp năm 2013

5. BLTTHS của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam năm 2015.

6. BLHS của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Võ Thị Kim Oanh (chủ biên) (2016), *Bình luận những điểm mới cơ bản của bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb. Hồng Đức.

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CĐR của HP
Tiết 1-2	Vấn đề 1. Một số vấn đề lý luận về xác định. Tội danh và phương pháp xác định tội danh 1.1. Khái quát về định tội 1.2. Cơ sở pháp lý để định tội 1.3. Phương pháp định tội và xác định khung hình phạt	1,2,3	CO1,CO7

	1.4. Định tội danh trong một số trường hợp đặc biệt		
Tiết 3	Vấn đề 2. Các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia 2.1. Khái niệm và đặc điểm các tội xâm phạm an ninh quốc gia 2.2. Các tội xâm phạm an ninh quốc gia cụ thể	1,2,3,6	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 4-5	Vấn đề 3. Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người 3.1. Khái niệm và đặc điểm các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người 3.2. Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người cụ thể	1,2,3,6	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 6-7	Vấn đề 4. Các tội xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do, dân chủ của công dân 4.1. Khái niệm và đặc điểm các tội xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do, dân chủ của công dân 4.2. Các tội xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do, dân chủ của công dân cụ thể	1,2,3,6	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 8	Vấn đề 5. Các tội xâm phạm sở hữu 5.1. Khái niệm và đặc điểm các tội xâm phạm sở hữu 5.2. Các tội xâm phạm sở hữu cụ thể	1,2,3,6	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 9-10	Vấn đề 6. Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình 6.1. Khái niệm và đặc điểm các tội xâm	1,2,3,6	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

	<p>phạm chế độ hôn nhân và gia đình</p> <p>6.2. Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình cụ thể</p>		
Tiết 11-12	<p>Vấn đề 7. Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế</p> <p>7.1. Khái niệm và đặc điểm các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế</p> <p>7.2. Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế cụ thể</p>	1,2,3,6	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 13-14	<p>Vấn đề 8. Các tội phạm về môi trường</p> <p>8.1. Khái niệm và đặc điểm các tội phạm về môi trường</p> <p>8.2. Các tội phạm về môi trường cụ thể</p>	1,2,3,6	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 15-16	<p>Vấn đề 9. Các tội phạm về ma túy</p> <p>9.1. Khái niệm và đặc điểm các tội phạm về ma túy</p> <p>9.2. Các tội phạm về ma túy cụ thể</p>	1,2,3,6	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 17-18	<p>Vấn đề 10. Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng</p> <p>10.1. Khái niệm và đặc điểm các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng</p> <p>10.2. Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng cụ thể</p>	1,2,3,6	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 19-20	<p>Vấn đề 11. Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính</p> <p>11.1. Khái niệm và đặc điểm các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế</p> <p>11.2. Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế cụ thể</p>	1,2,3,6	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 21-22	<p>Vấn đề 12. Các tội phạm về chức vụ</p> <p>12.1. Khái niệm và đặc điểm các tội phạm về chức vụ</p>	1,2,3,6	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6

	12.2. Các tội phạm về chức vụ cụ thể		CO7
Tiết 23-24	Vấn đề 13. Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp 13.1. Khái niệm và đặc điểm các tội xâm phạm hoạt động tư pháp 13.2. Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp cụ thể	1,2,3,6	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 25-26	Vấn đề 14. Các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm quân nhân và trách nhiệm của người phối thuộc với quân đội trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu. 14.1. Khái niệm và đặc điểm các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm quân nhân và trách nhiệm của người phối thuộc với quân đội trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu. 14.2. Các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm quân nhân và trách nhiệm của người phối thuộc với quân đội trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu cụ thể	1,2,3,6	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 27-28	Vấn đề 15. Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh 15.1 Khái niệm và đặc điểm các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh 15.2. Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh cụ thể	1,2,3,6	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 29-30	ÔN TẬP KẾT THÚC MÔN		

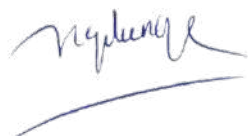
12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).

- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Luật So sánh

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã học phần: 0101000688

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	20	0	0	15	30 + 60 = 90

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Lý luận nhà nước và pháp luật 1&2

Học phần học trước: Luật Hiếp pháp

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Luật học so sánh là học phần cung cấp những kiến thức liên quan đến hệ thống pháp luật nước ngoài, từ đó phân tích, vận dụng và so sánh các hệ thống quốc gia trên thế giới. Đặc biệt, nguồn gốc, sự hình thành và sự ảnh hưởng của các nguồn luật khác nhau.

M2: Khái quát và vai trò của luật so sánh; Một số vấn đề liên quan đến hoạt động nghiên cứu pháp luật nước ngoài; Các hệ thống pháp luật thế giới chủ yếu; Pháp luật Anh; Pháp luật nước Pháp; Pháp luật hợp chủng quốc Hoa Kỳ.

M3: Có khả năng phân tích, so sánh và đánh giá nguồn luật của các quốc gia khác nhau trong quá trình nghiên cứu các hệ thống pháp luật; Có kiến thức về lịch sử hình thành, phát triển của các truyền thống pháp luật chủ đạo trên thế giới và xu thế chung của sự phát triển;

M4: Nhận biết và giải thích về những chế định pháp luật đặc thù trong các hệ thống pháp luật điển hình của các truyền thống pháp luật chủ đạo.

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M5: Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn và đưa ra giải pháp chuyên môn để giải quyết các tình huống;

M6: Hình thành kỹ năng tìm kiếm, thu thập, tổng hợp và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau liên quan đến nghiên cứu khóa học pháp lý chuyên ngành một cách nghiêm túc và khoa học;

M7: Có khả năng phân tích, đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn, đưa ra được các ý kiến cá nhân về xu hướng phát triển của các truyền thống pháp luật; xác định được giải pháp chung được áp dụng ở các nước khác nhau khi điều chỉnh về cùng một mối quan hệ xã hội;

- Kỹ năng mềm

M8: Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp.

M9: Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M10: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M11: Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;

M12: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;

M13: Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.4. Về thái độ

M14: Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật;

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT

0101000688	Luật So sánh	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
		0	3	0	0	0	3	2	0	2	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3 MT4	CO1	Có khả năng phân tích, so sánh và đánh giá nguồn luật của các quốc gia khác nhau trong quá trình nghiên cứu các hệ thống pháp luật; Có kiến thức về lịch sử hình thành, phát triển của các truyền thống pháp luật chủ đạo trên thế giới và xu thế chung của sự phát triển;	PO2
Kỹ năng			
MT5	CO2	Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn và đưa ra giải pháp chuyên môn để giải quyết các tình huống;	PO6
MT6	CO3	Hình thành kỹ năng tìm kiếm, thu thập, tổng hợp và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau liên quan đến nghiên cứu khóa học pháp lý chuyên ngành một cách nghiêm túc và khoa học;	PO7
MT7	CO4	Có khả năng phân tích, đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn, đưa ra được các ý kiến cá nhân về xu hướng phát triển của các truyền thống pháp luật; xác định được giải pháp chung được áp dụng ở các nước khác nhau khi điều chỉnh về cùng một mối quan hệ xã hội;	PO9
MT8 MT9	CO5	Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp; Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;	PO9,11,12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT10 MT11 MT12 MT13	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập	PO15, PO16, PO17, PO18

		kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	
MT14	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật;	PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Luật học so sánh là học phần cung cấp những kiến thức liên quan đến hệ thống pháp luật nước ngoài, từ đó phân tích, vận dụng và so sánh các hệ thống quốc gia trên thế giới. Đặc biệt, nguồn gốc, sự hình thành và sự ảnh hưởng của các nguồn luật khác nhau.

Khái quát và vai trò của luật so sánh; Một số vấn đề liên quan đến hoạt động nghiên cứu pháp luật nước ngoài; Các hệ thống pháp luật thế giới chủ yếu; Pháp luật Anh; Pháp luật nước Pháp; Pháp luật hợp chủng quốc Hoa Kỳ.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3, CO4, CO5, CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Thị Anh Vân (chủ biên), Nguyễn Quốc Hoàn, Bùi Minh Hồng...(2022), *Giáo trình luật so sánh*, Nxb Tư pháp;

2. Luật Tổ chức Tòa án 2014.

10.2. Tài liệu tham khảo

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CĐR của HP
Tiết 1-6	Chương 1: Khái quát và vai trò của Luật so sánh 1.1. Tên gọi và vị trí của môn học 1.2. Khái niệm, đối tượng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu 1.3. Vai trò và mục đích của Luật so sánh	1,2	CO1, CO7

<p>Tiết 7-12</p>	<p>Chương 2: Một số vấn đề liên quan đến hoạt động nghiên cứu pháp luật nước ngoài</p> <p>2.1. Quy tắc chung của hoạt động nghiên cứu, so sánh pháp luật nước ngoài</p> <p>2.2. Lựa chọn và sử dụng các nguồn thông tin trong hoạt động nghiên cứu, so sánh pháp luật nước ngoài</p> <p>2.3. Nguyên tắc giải thích và sử dụng các nguồn luật</p>	<p>1,2</p>	<p>CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7</p>
<p>Tiết 13-18</p>	<p>Chương 3: Hệ thống pháp luật thế giới chủ yếu</p> <p>3.1. Khái niệm hệ thống pháp luật quốc gia và hệ thống pháp luật thế giới</p> <p>3.2. Các tiêu chí để phân định hệ thống pháp luật quốc gia và hệ thống pháp luật thế giới</p> <p>3.3. Hệ thống pháp luật thế giới (các gia đình luật) chủ yếu</p>	<p>1,2</p>	<p>CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7</p>
<p>Tiết 19-21</p>	<p>Chương 4: Pháp luật Anh</p> <p>4.1. Các thành phần chủ yếu của luật Anh</p> <p>4.2. Hệ thống cơ quan Tòa án</p> <p>4.3. Nghề luật và đào tạo luật ở nước Anh</p>	<p>1,2</p>	<p>CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7</p>
<p>Tiết 22-24</p>	<p>Chương 5: Pháp luật nước Pháp</p>	<p>1,2</p>	<p>CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7</p>

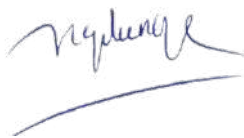
	1. Lịch sử hình thành pháp luật nước Pháp 2. Bộ luật dân sự Pháp 3. Hệ thống cơ quan Tòa án 4. Đào tạo luật và hành nghề luật tại Pháp		
Tiết 25-27	Chương 6: Pháp luật hợp chủng quốc Hoa kỳ 1. Lịch sử hình thành 2. Hiến pháp Liên bang – Hiến pháp Hoa kỳ 3. Hệ thống cơ quan Tòa án 4. Đào tạo luật và hành nghề luật tại Pháp Kiểm tra	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 28-30	Ôn tập kết thúc môn	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Xây dựng văn bản pháp luật

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã học phần: 0101001270

Tổng số tín chỉ: 02

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 90 = 120
T = Bài tập					
P = Thực hành	15	5	5	5	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Lý luận nhà nước và pháp luật 1

Học phần học trước:

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Nêu và phân tích được những vấn đề lý luận chung về văn bản pháp luật như khái niệm văn bản pháp luật, ngôn ngữ trong văn bản pháp luật;

M2: Xác định được các tiêu chí đánh giá chất lượng văn bản pháp luật;

M3: Xác định được quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và văn bản áp dụng pháp luật;

M4: Xác định được tên loại văn bản pháp luật và kỹ thuật trình bày hình thức văn bản pháp luật;

M5: Xác định được các nội dung cần thiết của văn bản pháp luật;

M6: Xác định và trình bày được quy trình kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản pháp luật

3.2. Về kỹ năng

-Kỹ năng nghề nghiệp

M7: Có khả năng nhận diện về thẩm quyền giải quyết công việc của chủ thể ban hành văn bản pháp luật; hình thức văn bản pháp luật và các dạng khiếm khuyết của văn bản pháp luật;

M8: Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để soạn thảo một số văn bản pháp luật điển hình như nghị quyết, quyết định, chỉ thị;

M9: Có kỹ năng phân tích và lập luận; có tư duy phản biện; có khả năng đánh giá các vấn đề pháp luật.

-Kỹ năng mềm

M10: Có khả năng tranh luận, hùng biện; có kỹ năng thuyết trình, diễn thuyết trước công chúng;

M11: Có khả năng tự cập nhật kiến thức, có khả năng tự nghiên cứu và sử dụng công nghệ thông tin phục vụ việc tra cứu và soạn thảo văn bản pháp luật.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M12: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M13: Tự định hướng và đưa ra các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.

3.4. Về thái độ

M14: Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học;

M15: Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học;

M16 : Sinh viên có nhận thức đúng đắn về vai trò của văn bản pháp luật và hoạt động xây dựng văn bản pháp luật trong quản lý nhà nước.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
0101001270	Xây dựng văn bản PL	1	0	0	0	0	1	2	3	2	2
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		2	3	0	1	2	2	2	1	3	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3 MT4 MT5 MT6	CO1	Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về xây dựng văn bản pháp luật. Xác định và trình bày được quy trình kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản pháp luật.	PO1
Kỹ năng			
MT7	CO2	Có khả năng phân tích được những vấn đề lý luận chung về văn bản pháp luật như khái niệm văn bản pháp luật, ngôn ngữ trong văn bản pháp luật.	PO6
MT8	CO3	Có khả năng phân tích các tình huống thực tiễn trong lĩnh vực xây dựng bản bản luật và đưa ra giải pháp chuyên môn để giải quyết các tình huống đó. Có khả năng xây dựng ý kiến về các văn bản luật; bước đầu có khả năng xây dựng văn bản pháp luật và các văn bản có tính chất pháp lý	PO7, PO8

		phục vụ cho các công việc thuộc ngành đào tạo.	
MT9	CO4	Có khả năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm của mình; có khả năng phản biện, phê phán.	PO9,PO10
MT10 MT11	CO5	Có khả năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. Có khả năng năng tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.	PO11, PO12,PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT12 MT13	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	PO15,PO16
MT14 MT15	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	PO17, PO18, PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về văn bản pháp luật và kỹ năng xây dựng văn bản pháp luật như thẩm quyền ban hành, thủ tục, trình tự ban hành; quy tắc sử dụng ngôn ngữ để soạn thảo văn bản pháp luật, cách thức soạn thảo hình thức, nội dung văn bản pháp luật và kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản pháp luật.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3,CO4,CO5,CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7
--	--	-----------------

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

1. Đoàn Thị Tố Uyên (chủ biên), *Giáo trình xây dựng văn bản pháp luật*, Bộ Tư pháp (2021).

2. Hiến pháp Việt Nam năm 2013.
3. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Luật tổ chức Chính phủ năm 2015;
2. Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CĐR của HP
Tiết 1-2	<p>Vấn đề 1: Khái quát về văn bản pháp luật</p> <p>1.1. Khái niệm văn bản pháp luật</p> <p>1.1.1. Định nghĩa văn bản pháp luật</p> <p>1.1.2. Đặc điểm văn bản pháp luật</p> <p>1.1.3. Phân loại văn bản pháp luật</p> <p>1.2. Tiêu chí đánh giá chất lượng văn bản pháp luật</p> <p>1.2.1. Tiêu chí về chính trị</p> <p>1.2.2. Tiêu chí về tính hợp hiến, hợp pháp</p> <p>1.2.3. Tiêu chí về tính hợp lý</p>	1	CO1,CO7
Tiết 3-5	<p>Vấn đề 2: Quy trình xây dựng văn bản pháp luật</p> <p>2.1. Quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>2.1.1. Xây dựng văn bản quy</p>	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

	<p>phạm pháp luật theo thủ tục thông thường</p> <p>2.1.2. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo thủ tục rút gọn</p> <p>2.2. Quy trình xây dựng văn bản áp dụng pháp luật</p> <p>2.2.1. Xác định thẩm quyền giải quyết công việc cần áp dụng pháp luật và lựa chọn quy phạm pháp luật để áp dụng pháp luật.</p> <p>2.2.2. Soạn thảo văn bản áp dụng pháp luật.</p> <p>2.2.3. Trình, thông qua, ký và ban hành văn bản áp dụng pháp luật.</p>		
Tiết 6-7	<p>Vấn đề 3: Ngôn ngữ trong văn bản pháp luật</p> <p>3.1. Khái niệm ngôn ngữ trong văn bản pháp luật</p> <p>3.2. Yêu cầu đối với ngôn ngữ trong văn bản pháp luật</p> <p>3.2.1. Đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan</p> <p>3.2.2. Đảm bảo tính chính xác, rõ ràng</p> <p>3.2.3. Đảm bảo tính phổ thông, thống nhất</p> <p>3.3. Kỹ thuật sử dụng ngôn ngữ</p>	1,2	<p>CO1,CO2,CO3</p> <p>CO4,CO5,CO6</p> <p>CO7</p>

	<p>trong văn bản pháp luật</p> <p>3.3.1. Kỹ thuật sử dụng từ trong văn bản pháp luật</p> <p>3.3.2. Sử dụng câu trong văn bản pháp luật</p> <p>3.3.3. Xây dựng đoạn trong văn bản pháp luật</p>		
Tiết 8-13	<p>Vấn đề 4: Hình thức văn bản pháp luật</p> <p>4.1. Xác định tên loại văn bản pháp luật</p> <p>4.1.1. Sự cần thiết phải xác định tên loại văn bản pháp luật</p> <p>4.1.2. Căn cứ xác định tên loại văn bản pháp luật</p> <p>4.2. Kỹ thuật trình bày hình thức văn bản pháp luật</p> <p>4.2.1. Yêu cầu về mẫu giấy và vùng trình bày văn bản pháp luật</p> <p>4.2.2. Cách thức trình bày hình thức văn bản pháp luật</p>	1,2,3	<p>CO1,CO2,CO3</p> <p>CO4,CO5,CO6</p> <p>CO7</p>
Tiết 14-18	<p>Vấn đề 5: Nội dung văn bản pháp luật</p> <p>5.1. Soạn thảo nội dung văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>5.1.1. Soạn thảo cơ sở ban hành văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>5.1.2. Soạn thảo các quy định của</p>	1,2	<p>CO1,CO2,CO3</p> <p>CO4,CO5,CO6</p> <p>CO7</p>

	<p>văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>5.1.3. Soạn thảo quy định về hiệu lực pháp lý của văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>5.1.4. Kỹ thuật phân chia, sắp xếp các quy phạm pháp luật</p> <p>5.2. Soạn thảo nội dung văn bản áp dụng pháp luật</p> <p>5.2.1. Soạn thảo cơ sở ban hành văn bản áp dụng pháp luật</p> <p>5.2.2. Soạn thảo mệnh lệnh của chủ thể áp dụng pháp luật</p> <p>5.2.3. Soạn thảo quy định về hiệu lực pháp lý của văn bản áp dụng pháp luật</p>		
Tiết 19-22	<p>Vấn đề 6: Kiểm tra, rà soát và xử lý văn bản pháp luật</p> <p>6.1. Kiểm tra văn bản pháp luật</p> <p>6.1.1. Khái niệm và đặc điểm kiểm tra văn bản pháp luật</p> <p>6.1.2. Ý nghĩa của hoạt động kiểm tra văn bản pháp luật</p> <p>6.1.3. Nguyên tắc và phương thức kiểm tra văn bản pháp luật</p> <p>6.1.4. Nội dung kiểm tra văn bản pháp luật</p> <p>6.1.5. Quy trình kiểm tra văn bản pháp luật</p>	1,2,3	<p>CO1,CO2,CO3</p> <p>CO4,CO5,CO6</p> <p>CO7</p>

	<p>6.2. Rà soát văn bản pháp luật</p> <p>6.3. Xử lý văn bản pháp luật khiếm khuyết</p> <p>6.3.1. Những khiếm khuyết của văn bản pháp luật</p> <p>6.3.2. Nguyên tắc xử lý văn bản pháp luật khiếm khuyết</p> <p>6.3.3. Thẩm quyền xử lý văn bản pháp luật khiếm khuyết</p> <p>6.3.4. Cách thức xử lý văn bản pháp luật khiếm khuyết</p>		
Tiết 23-28	<p>Vấn đề 7: Soạn thảo một số văn bản pháp luật điển hình</p> <p>7.1. Nghị quyết</p> <p>7.1.1. Thẩm quyền ban hành nghị quyết</p> <p>7.1.2. Nội dung của nghị quyết</p> <p>7.1.3. Cách thức soạn thảo nghị quyết</p> <p>7.2. Quyết định</p> <p>7.2.1. Thẩm quyền ban hành quyết định</p> <p>7.2.2. Nội dung của quyết định</p> <p>7.2.3. Cách thức soạn thảo quyết định</p> <p>7.3. Chỉ thị</p> <p>7.3.1. Thẩm quyền ban hành và</p>	1,2,3	<p>CO1,CO2,CO3</p> <p>CO4,CO5,CO6</p> <p>CO7</p>

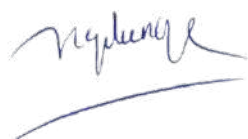
	nội dung của chỉ thị 7.3.2. Cách thức soạn thảo chỉ thị		
Tiết 29-30	Ôn tập kết thúc môn		

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Công pháp quốc tế

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã học phần: 0101000593

Tổng số tín chỉ: 02

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 90 = 120
T = Bài tập					
P = Thực hành	15	5	5	5	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết:

Học phần học trước:

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Nêu và phân tích được những vấn đề lý luận chung về hệ thống luật quốc tế như khái niệm, đặc điểm, lịch sử hình thành và phát triển, nguồn của luật quốc tế và mối quan hệ giữa các loại nguồn.

M2: Nêu và phân tích được cơ sở, tính chất và nội dung của mối quan hệ giữa luật quốc tế và luật quốc gia.

M3: Trình bày được nội dung và thực tiễn thực hiện các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế.

M4: Nêu và phân tích được những vấn đề pháp lý liên quan đến quốc gia như khái niệm, các yếu tố cấu thành, vấn đề công nhận quốc gia, chính phủ mới và hệ quả pháp lý, vấn đề kế thừa quốc gia và các nguyên tắc giải quyết kế thừa cho những trường hợp kế thừa cụ thể.

M5: Xác định được các vấn đề pháp lý liên quan đến quốc tịch và dân cư trong quan hệ quốc tế như chế độ pháp lý của người nước ngoài, cư trú chính trị, bảo hộ công dân.

M6: Nêu được khái niệm, các bộ phận cấu thành, tính chất chủ quyền của quốc gia đối với từng vùng lãnh thổ.

M7 : Phân tích được khái niệm và quy chế pháp lí các vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia và các vùng biển nằm ngoài quyền tài phán quốc gia.

M8: Phân tích được những vấn đề pháp lí cơ bản về cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và phái đoàn đại diện thường trực của quốc gia tại các tổ chức quốc tế.

3.2. Về kỹ năng

-Kỹ năng nghề nghiệp

M9: Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để phân tích và giải thích hiện tượng nhà nước trong thực tế;

M10: Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu các vấn đề pháp lý cụ thể của hệ thống pháp luật quốc tế;

M11: Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề của hệ thống luật quốc tế;

M12: Kỹ năng phân tích và lập luận; có tư duy phản biện; có khả năng đánh giá và xây dựng lập luận để giải quyết tình huống cụ thể của luật quốc tế.

-Kỹ năng mềm

M13: Có khả năng tranh luận, hùng biện; có kỹ năng thuyết trình, diễn thuyết trước công chúng;

M14: Có khả năng đánh giá được chất lượng công việc và kết quả đạt được của các thành viên trong nhóm.

M15: Có khả năng tự cập nhật kiến thức và có khả năng tự nghiên cứu.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M16: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M17: Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;

M18: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;

M19: Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.4. Về thái độ

M20 : Hình thành sự chủ động trong nghiên cứu, bổ sung và củng cố trình độ nhận thức về các vấn đề quốc tế trong bối cảnh hội nhập;

M21: Chủ động vận dụng các kiến thức đã học trong phân tích và giải quyết các vấn đề pháp lý của hệ thống luật quốc tế;

M22: Hình thành tính chủ động, tự tin, bản lĩnh cho sinh viên.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
0101000593	Công pháp quốc tế	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
		0	0	0	3	0	1	2	1	1	2
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		2	2	0	0	2	1	1	2	3	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3 MT4 MT5 MT6 MT7 MT8	CO1	<p>Hiểu và vận dụng khối ngành liên quan đến công pháp quốc tế. phân tích được những vấn đề lý luận chung về hệ thống luật quốc tế như khái niệm, đặc điểm, lịch sử hình thành và phát triển, nguồn của luật quốc tế và mối quan hệ giữa các loại nguồn.</p> <p>Phân tích được những vấn đề pháp lý cơ bản về cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và phái đoàn đại diện thường trực của quốc gia tại các tổ chức quốc tế.</p>	PO4
Kỹ năng			
MT9	CO2	Có khả năng cập nhật, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đến pháp luật kinh tế.	PO6
MT10	CO3	Có khả năng phân tích các tình huống thực tiễn	PO7, PO8

MT11		trong lĩnh vực pháp luật kinh tế và đưa ra giải pháp chuyên môn để giải quyết các tình huống đó. Có khả năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng; bước đầu có khả năng tư vấn pháp luật về kinh tế, soạn thư tư vấn và các văn bản có tính chất pháp lý phục vụ cho các công việc thuộc ngành đào tạo.	
MT12 MT13	CO4	Có khả năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm của mình; có khả năng phản biện, phê phán.	PO9,PO10
MT14 MT15	CO5	Có khả năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. Có khả năng tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.	PO11, PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT16 MT17 MT18 MT19	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	PO15,PO16
MT20 MT21 MT22	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	PO17, PO18, PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về hệ thống luật pháp quốc tế đương đại và các ngành luật tiêu biểu của nó. Chương trình học được chia làm hai phần: những vấn đề chung về Luật quốc tế và các ngành luật điển hình. Về phần kiến thức

chung, chương khái quát cung cấp cho người học cái nhìn tổng quan về hệ thống luật pháp quốc tế cũng như sự hình thành và phát triển của nó. Chủ thể và các nguyên tắc 3 cơ bản của hệ thống pháp luật này là hai nội dung trọng tâm của học phần. Về phần kiến thức chuyên ngành, ý thức được tầm quan trọng của Điều ước quốc tế trong việc kiến tạo và phát triển các mối quan hệ quốc tế nên đây là bài đầu tiên của phần học này. Lãnh thổ, biển và đại dương đã trở thành tâm điểm trong chính sách đối ngoại của các quốc gia nên Luật về Lãnh thổ và Luật biển quốc tế đã được đưa vào chương trình giảng dạy.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3,CO4,CO5,CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.

- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.	CO7	7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

1. Trần Thị Thùy Dương (Chủ biên), Nguyễn Thị Yên (Chủ biên) - Hội Luật Gia Việt Nam, *Giáo trình công pháp quốc tế - quyển 1*, Nxb. Hồng Đức (2015).

2. Trần Thị Thùy Dương (Chủ biên), Trần Thăng Long (Chủ biên) - Hội Luật Gia Việt Nam, *Giáo trình Công pháp quốc tế - quyển 2*, Nxb. Hồng Đức (2014).

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Công ước Viên năm 1963 về quan hệ Lãnh sự;
2. Luật biển Việt Nam năm 2012;
3. Luật điều ước quốc tế năm 2016.

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CĐR của HP
Tiết 1-4	<p>Vấn đề 1. Lý luận chung về luật quốc tế</p> <p>1.1. Khái niệm luật quốc tế</p> <p>1.1.1. Định nghĩa luật quốc tế</p> <p>1.1.2. Quy phạm pháp luật quốc tế</p> <p>1.2. Đặc trưng của luật quốc tế</p> <p>1.3. Lịch sử phát triển của luật quốc tế</p> <p>1.4. Quan hệ giữa luật quốc tế và luật quốc gia</p> <p>1.5. Một số nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế</p>	1	CO1,CO7
Tiết 5-8	<p>Vấn đề 2: Nguồn của luật quốc tế</p> <p>2.1. Lý luận chung về</p>	1,4	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

	<p>nguồn của luật quốc tế</p> <p>2.1.1. Khái niệm nguồn của luật quốc tế</p> <p>2.1.2. Các loại nguồn của luật quốc tế</p> <p>2.2. Điều ước quốc tế</p> <p>2.2.1. Khái niệm điều ước quốc tế</p> <p>2.2.2. Phân loại điều ước quốc tế</p> <p>2.2.3. Quy trình ký kết điều ước quốc tế</p> <p>2.3. Tập quán quốc tế</p> <p>2.3.1. Khái niệm tập quán quốc tế</p> <p>2.3.2. Điều kiện trở thành nguồn luật quốc tế của tập quán quốc tế</p> <p>2.3.3. So sánh điều ước quốc tế với tập quán quốc tế</p> <p>2.4. Các phương tiện hỗ trợ nguồn luật quốc tế</p>		
Tiết 9-12	<p>Vấn đề 3: Chủ thể của luật quốc tế</p> <p>3.1. Khái niệm chủ thể của luật quốc tế</p> <p>3.2. Quốc gia – chủ thể</p>	1,4	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

	<p>cơ bản của luật quốc tế</p> <p>3.2.1. Các yếu tố cấu thành quốc gia</p> <p>3.2.2. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản của quốc gia</p> <p>3.2.3. Công nhận quốc tế đối với quốc gia</p> <p>3.2.4. Vấn đề kế thừa quốc gia trong luật quốc tế</p> <p>3.3. Các dân tộc đang đấu tranh giành quyền dân tộc tự quyết</p> <p>3.4. Tổ chức quốc tế liên chính phủ</p>		
Tiết 13-17	<p>Vấn đề 4: Lãnh thổ và biên giới quốc gia</p> <p>4.1. Những vấn đề pháp lý về lãnh thổ quốc gia</p> <p>4.1.1. Khái niệm về lãnh thổ</p> <p>4.1.2. Phân loại lãnh thổ trong luật quốc tế</p> <p>4.1.3. Chủ quyền quốc gia đối với lãnh thổ</p> <p>4.1.4. Thay đổi và xác lập chủ quyền quốc gia</p>	1,2,3,4	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

	<p>đối với lãnh thổ</p> <p>4.2. Những vấn đề pháp lý cơ bản về biên giới quốc gia</p> <p>4.2.1. Khái niệm, các bộ phận cấu thành và kiểu biên giới quốc gia</p> <p>4.2.2. Hoạch định biên giới quốc gia</p> <p>4.3.3. Quy chế pháp lý của biên giới quốc gia</p>		
Tiết 18-23	<p>Vấn đề 5: Luật biển quốc tế</p> <p>5.1. Khái quát về luật biển quốc tế</p> <p>5.1.1. Khái niệm luật biển quốc tế</p> <p>5.1.2. Nguồn của luật biển quốc tế</p> <p>5.1.3. Các nguyên tắc của luật biển quốc tế</p> <p>5.2. Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia</p> <p>5.2.1. Nội thủy</p> <p>5.2.2. Lãnh hải</p> <p>5.3. Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền</p>	1,2,3,4	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

	<p>và quyền tài phán của quốc gia</p> <p>5.3.1. Vùng tiếp giáp lãnh hải</p> <p>5.3.2. Vùng đặc quyền kinh tế</p> <p>5.3.3. Thềm lục địa</p>		
Tiết 24-28	<p>Vấn đề 6: Luật ngoại giao và lãnh sự</p> <p>6.1. Khái quát về luật ngoại giao và lãnh sự</p> <p>6.1.1. Khái niệm luật ngoại giao và lãnh sự</p> <p>6.1.2. Nguồn của luật ngoại giao và lãnh sự</p> <p>6.1.3. Các nguyên tắc của luật ngoại giao và lãnh sự</p> <p>6.2. Cơ quan đại diện ngoại giao</p> <p>6.2.1. Khái niệm và phân loại cơ quan đại diện ngoại giao</p> <p>6.2.2. Cấp, hàm và chức vụ ngoại giao</p> <p>6.2.3. Thành viên của cơ quan đại diện ngoại giao</p> <p>6.2.4. Quyền ưu đãi,</p>	1,2	<p>CO1,CO2,CO3</p> <p>CO4,CO5,CO6</p> <p>CO7</p>

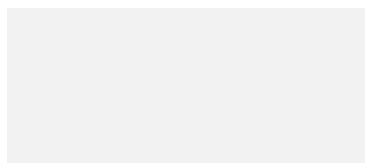
	miễn trừ ngoại giao 6.3. Cơ quan lãnh sự 6.3.1. Khái niệm và chức năng của cơ quan lãnh sự 6.3.2. Cấp của cơ quan lãnh sự và người đứng đầu cơ quan lãnh sự 6.3.3. Cơ cấu tổ chức và thành viên của cơ quan lãnh sự 6.3.4. Quyền ưu đãi và miễn trừ lãnh sự		
Tiết 29-30	Ôn tập kết thúc môn		

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

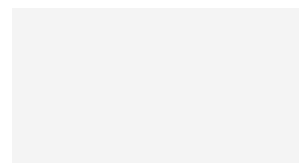
Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Tư pháp quốc tế

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã học phần: 101000809

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30+60=90
T = Bài tập					
P = Thực hành	15	5	0	10	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Luật Dân sự

Học phần học trước: Luật Dân sự

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1. Nêu và phân tích được những vấn đề lý luận chung về Tư pháp quốc tế như khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, phạm vi điều chỉnh của Tư pháp quốc tế; các nguyên tắc cơ bản của Tư pháp quốc tế; nguồn của Tư pháp quốc tế;

M2. Xác định được đặc điểm và bản chất các quan hệ tư pháp quốc tế; đồng thời phân biệt được quan hệ Tư pháp quốc tế với các quan hệ của Luật dân sự, Luật thương mại, Hôn nhân và gia đình, Lao động, quan hệ công pháp quốc tế;

M3. Xác định được các loại chủ thể tham gia vào quan hệ Tư pháp quốc tế;

M5. Nêu và phân tích được xung đột pháp luật, phương pháp giải quyết xung đột pháp luật trong Tư pháp quốc tế

M6. Xác định được thẩm quyền của toà án quốc gia đối với các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài.

M7. Giải quyết được xung đột pháp luật trong một số quan hệ cụ thể của Tư pháp quốc tế, bao gồm: quan hệ thừa kế, quan hệ hợp đồng, quan hệ hôn nhân gia đình;

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M8. Thành thạo một số kỹ năng tìm kiếm và sử dụng các quy định của Tư pháp quốc tế để giải quyết những tình huống cơ bản, điển hình

M9. Giúp người học bước đầu có khả năng áp dụng các kiến thức về Tư pháp quốc tế để tư vấn pháp luật và bảo vệ quyền lợi của mình khi tham gia vào các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài

M10. Phát triển kỹ năng lập luận, góp ý xây dựng pháp luật trong lĩnh vực tư pháp quốc tế; khả năng lập luận, tranh luận bảo vệ quan điểm của mình; có khả năng phản biện, phê phán; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình.

- Kỹ năng mềm

M11. Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp.

M12. Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M13. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M14. Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;

M15. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;

M16. Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.4. Về thái độ

M17. Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật;

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
	Tư pháp quốc tế	0	0	3	0	0	2	2	0	2	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3 MT4 MT5 MT6 MT7	CO1	Nêu và phân tích được những vấn đề lý luận chung về Tư pháp quốc tế như khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, phạm vi điều chỉnh của Tư pháp quốc tế; các nguyên tắc cơ bản của Tư pháp quốc tế; nguồn của Tư pháp quốc tế; Xác định được đặc điểm và bản chất các quan hệ tư pháp quốc tế; đồng thời phân biệt được quan hệ Tư pháp quốc tế với các quan hệ của Luật dân sự, Luật thương mại, Hôn nhân và gia đình, Lao động, quan hệ công pháp quốc tế; Xác định được các loại chủ thể tham gia vào quan hệ Tư pháp quốc tế; Nêu và phân tích được xung đột pháp luật, phương pháp giải quyết xung đột pháp luật trong Tư pháp quốc tế; Xác định được thẩm	PO2, PO3

		quyền của toà án quốc gia đối với các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài; Giải quyết được xung đột pháp luật trong một số quan hệ cụ thể của Tư pháp quốc tế, bao gồm: quan hệ thừa kế, quan hệ hợp đồng, quan hệ hôn nhân gia đình	
Kỹ năng			
MT8	CO2	Thành thạo một số kỹ năng tìm kiếm và sử dụng các quy định của Tư pháp quốc tế để giải quyết những tình huống cơ bản, điển hình	PO4
MT9	CO3	Giúp người học bước đầu có khả năng áp dụng các kiến thức về Tư pháp quốc tế để tư vấn pháp luật và bảo vệ quyền lợi của mình khi tham gia vào các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài	PO5
MT10	CO4	Phát triển kỹ năng lập luận, góp ý xây dựng pháp luật trong lĩnh vực tư pháp quốc tế; khả năng lập luận, tranh luận bảo vệ quan điểm của mình; có khả năng phản biện, phê phán; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình.	PO6, PO7
MT11 MT12	CO5	Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp. Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;	PO9, PO10
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT13 MT14 MT15 MT16	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập	PO13, PO14, PO15, PO16

		kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	
MT17	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	PO17, PO18,PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức như: Lý luận cơ bản về tư pháp quốc tế với tư cách là một bộ môn khoa học pháp lý và một lĩnh vực pháp luật đặc thù trong hệ thống Pháp luật quốc gia; Vấn đề xung đột pháp luật và áp dụng pháp luật nước ngoài; nguyên tắc cũng như các quy định thực định của Pháp luật Việt Nam về giải quyết xung đột pháp luật trong các lĩnh vực: năng lực pháp luật của cá nhân, pháp nhân; hợp đồng; thừa kế; hôn nhân và gia đình; Nguyên tắc và các quy định thực chất của Pháp luật Việt Nam điều chỉnh trực tiếp các quan hệ có tính chất dân sự có yếu tố nước ngoài.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3,CO4,CO5,CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7
--	--	-----------------

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.	CO7	7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình Tư pháp quốc tế*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
2. Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2020), *Giáo trình Tư pháp quốc*

tế, NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam.

3. Ngô Hữu Phước, Lê Đức Phương (2014), *Các Hiệp định tương trợ tư pháp giữa Việt Nam với nước ngoài: Phục vụ học tập, nghiên cứu luật dân sự, tố tụng dân sự, hình sự, tố tụng hình sự, luật quốc tế, tư pháp quốc tế, thương mại quốc tế*, NXB. Hồng Đức

4. Bộ luật Dân sự năm 2015;

5. Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

6. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

7. Luật Hộ tịch 2014

8. Luật Nuôi con nuôi 2010

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Lê Thị Nam Giang (2014), *Tư pháp quốc tế*. NXB. Đại học quốc gia TP.HCM.

2. Bành Quốc Tuấn (2017), *Giáo trình Tư pháp quốc tế*, NXB. Chính trị quốc gia sự thật

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CDR của HP
Tiết 1-6	Chương 1. Tổng quan về tư pháp quốc tế 1.1. Các học thuyết cơ bản về Tư pháp quốc tế và tên gọi của ngành luật 1.2. Đối tượng điều chỉnh của Tư pháp quốc tế 1.3. Phương pháp điều chỉnh của Tư pháp quốc tế 1.3.1. Phương pháp thực chất 1.3.2. Phương pháp xung đột 1.4. Các nguyên tắc cơ bản của Tư pháp quốc tế Việt Nam 1. 1.5. Nguồn của Tư pháp quốc tế	1,2,3,4,5,6,7,8	CO1,CO7

Tiết 7-12	Chương 2. Xung đột pháp luật và áp dụng pháp luật nước ngoài 2.1. Khái quát về xung đột pháp luật 2.1.1. Khái niệm và nguyên nhân phát sinh xung đột pháp luật 2.1.2. Phạm vi của xung đột pháp luật 2.2 Phương pháp giải quyết xung đột pháp luật 2.3. Quy phạm xung đột 2.3.1. Khái niệm 2.3.2. Cơ cấu quy phạm xung đột 2.3.3. Phân loại quy phạm xung đột 2.3.4. Các kiểu hệ thuộc luật cơ bản 2.4. Áp dụng pháp luật nước ngoài 2.4.1. Sự cần thiết áp dụng pháp luật nước ngoài 2.4.2. Nguyên tắc áp dụng pháp luật nước ngoài 2.4.3. Một số vấn đề phát sinh khi áp dụng pháp luật nước ngoài	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 13-16	Chương 3: Chủ thể của Tư pháp quốc tế	1,2,3,4,5	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	<p>3.1. Khái quát về chủ thể của Tư pháp quốc tế</p> <p>3.2. Người nước ngoài</p> <p>3.3. Pháp nhân nước ngoài</p> <p>3.4. Quốc gia- chủ thể đặc biệt của Tư pháp quốc tế</p>		
Tiết 17-21	<p>Chương 4: Thẩm quyền của Tòa án quốc gia đối với các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài</p> <p>4.1. Khái quát về thẩm quyền xét xử của tòa án quốc gia đối với vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài</p> <p>4.2. Xác định thẩm quyền của tòa án Việt Nam đối với vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài</p> <p>4.2.1. Xác định thẩm quyền của tòa án Việt Nam theo các Hiệp định tương trợ tư pháp</p> <p>4.2.2. Xác định thẩm quyền của tòa án Việt Nam theo pháp luật Việt Nam</p> <p>4.3. Công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài</p>	1,2,3,5	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 22-24	<p>Chương 5: Thừa kế trong tư pháp quốc tế</p> <p>5.1. Khái niệm thừa kế trong tư pháp quốc tế</p>	1,2,3,4,6,7,8	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	<p>5.2. Giải quyết xung đột pháp luật về thừa kế theo quy định của pháp luật các nước và pháp luật Việt Nam</p> <p>5.3. Giải quyết xung đột pháp luật về thừa kế theo các điều ước quốc tế</p> <p>5.4. Một số nội dung khác thuộc lĩnh vực thừa kế trong tư pháp quốc tế</p>		
Tiết 25-27	<p>Chương 6. Hôn nhân và gia đình trong tư pháp quốc tế</p> <p>6.1. Khái quát về quan hệ hôn nhân và gia đình trong tư pháp quốc tế</p> <p>6.2. Giải quyết xung đột pháp luật về quan hệ kết hôn có yếu tố nước ngoài</p> <p>6.3. Giải quyết xung đột pháp luật về quan hệ li hôn có yếu tố nước ngoài</p> <p>6.4. Giải quyết xung đột pháp luật về quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản giữa vợ và chồng có yếu tố nước ngoài</p> <p>6.5. Giải quyết xung đột pháp luật về quan hệ giữa cha mẹ và con có yếu tố nước ngoài</p> <p>6.6. Giải quyết xung đột pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài</p>	1,2,3	

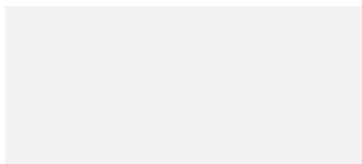
Tiết 28- 30	Ôn tập	1,2,3,4,5,6,7,8	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
------------------------	---------------	-----------------	--------------------------------

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

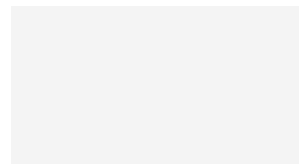
Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Luật hôn nhân & gia đình

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã học phần: 0101000689

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	30 + 60 = 90
	18	6	0	6	

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Luật dân sự 1 và 2

Học phần học trước: Luật dân sự 1 và 2

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Xác định được quan hệ xã hội thuộc đối tượng điều chỉnh của luật hôn nhân và gia đình, phương pháp điều chỉnh, đối tượng điều chỉnh của luật hôn nhân và gia đình; hiểu và xác định được các văn bản được coi là nguồn của luật hôn nhân và gia đình.

M2: Xác định các vấn đề lý luận chung của Luật hôn nhân và gia đình như: khái niệm, đặc điểm, các nguyên tắc cơ bản của Luật hôn nhân và gia đình, đối tượng điều

chính, phương pháp điều chỉnh, quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình.

M3: Nắm vững các quy định về điều kiện kết hôn, thẩm quyền, thủ tục đăng ký kết hôn, kết hôn trái pháp luật, hủy kết hôn trái pháp luật và hậu quả pháp lý; Các trường hợp được công nhận và không công nhận vợ chồng, hậu quả pháp lý của việc không công nhận vợ chồng

M4: Xác định được các quy định về chấm dứt hôn nhân (chết, ly hôn) giải quyết vấn đề tài sản và con sau khi chấm dứt hôn nhân; quan hệ nhân thân và tài sản giữa vợ-chồng; chế độ cấp dưỡng; quyền và nghĩa vụ của vợ-chồng và các thành viên khác trong gia đình.

M5: Nhận biết được các quy định về xác định cha mẹ cho con, nhận nuôi con nuôi và mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M6: Cập nhật, phân tích, bình luận, đánh giá được các quy định của pháp luật liên quan đến chủ thể quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình, điều kiện kết hôn, kết hôn trái pháp luật, và hậu quả pháp lý; Các trường hợp được công nhận và không công nhận vợ chồng, hậu quả pháp lý của việc không công nhận vợ chồng; vấn đề chấm dứt hôn nhân (chết, ly hôn) giải quyết vấn đề tài sản và con sau khi chấm dứt hôn nhân; quan hệ nhân thân và tài sản giữa vợ-chồng; chế độ cấp dưỡng; quyền và nghĩa vụ của vợ-chồng và các thành viên khác trong gia đình; xác định cha mẹ cho con, nhận nuôi con nuôi và mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.

M7: Vận dụng được các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế liên quan đến kết hôn, ly hôn, giải quyết quyền lợi tài sản, nghĩa vụ cấp dưỡng, quyền và nghĩa vụ đối với con sau khi ly hôn; Các trường hợp được công nhận và không công nhận vợ chồng, hậu quả pháp lý của việc không công nhận vợ chồng.

M8: Bước đầu có kỹ năng tư vấn pháp luật về kết hôn, ly hôn, phân chia tài sản, quyền nuôi con, cấp dưỡng, xác định cha mẹ cho con, nhận nuôi con nuôi và mang thai hộ vì mục đích nhân đạo...

- Kỹ năng mềm

M9: Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp.

M10: Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ; Có khả năng vận dụng pháp luật hôn nhân và gia đình để giải quyết hiệu quả các vấn đề pháp lý phát sinh trong lĩnh vực này.

3.3. *Mức tự chủ và trách nhiệm*

M11: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M12: Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;

M13: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;

M14: Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.4. *Về thái độ*

M15: Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật;

4. **Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
0101000689	Luật hôn nhân & gia đình	0	0	3	0	0	3	2	2	2	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. **Chuẩn đầu ra của học phần (CO)**

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
		Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	

Kiến thức			
MT1 MT2 MT3 MT4 MT5	CO1	Hiểu, đánh giá, phân tích được các quy định chung của Luật hôn nhân & gia đình, các quy định về điều kiện kết hôn, kết hôn trái pháp luật, và hậu quả pháp lý; Các trường hợp được công nhận và không công nhận vợ chồng, hậu quả pháp lý của việc không công nhận vợ chồng; vấn đề chấm dứt hôn nhân (chết, ly hôn) giải quyết vấn đề tài sản và con sau khi chấm dứt hôn nhân; quan hệ nhân thân và tài sản giữa vợ-chồng; chế độ cấp dưỡng; quyền và nghĩa vụ của vợ-chồng và các thành viên khác trong gia đình; xác định cha mẹ cho con, nhận nuôi con nuôi và mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.	PO3
Kỹ năng			
MT6	CO2	Cập nhật được các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực luật hôn nhân và gia đình	PO6
MT7	CO3	Có khả năng vận dụng pháp luật để giải quyết được các tình huống phát sinh trong thực tiễn có liên quan đến các vấn đề chung về luật hôn nhân và gia đình như kết hôn, kết hôn trái pháp luật, vấn đề không công nhận quan hệ vợ chồng và hậu quả pháp lý, chấm dứt hôn nhân, quan hệ tài sản của vợ-chồng, cấp dưỡng, nuôi con nuôi, mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.	PO7
MT8	CO4	Bước đầu có khả năng tư vấn pháp luật có liên quan đến các quy định chung của luật hôn nhân và gia đình như kết hôn, kết hôn trái pháp luật, vấn đề không công nhận quan hệ vợ chồng và hậu quả pháp lý, chấm dứt hôn nhân,	PO8

		quan hệ tài sản của vợ-chồng, cấp dưỡng, nuôi con nuôi, mang thai hộ vì mục đích nhân đạo	
MT9 MT10	CO5	Có khả năng tranh luận, lập luận để bảo vệ quan điểm của mình, có khả năng đánh giá, phê phán, có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có kỹ năng tự cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu.	PO9,11,12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT11 MT12 MT13 MT14	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	PO15, PO16, PO17, PO18
MT15	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần luật hôn nhân trang bị cho sinh viên các kiến thức chung về đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, các khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc cơ bản của Luật hôn nhân & gia đình.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật về quyền và nghĩa vụ giữa vợ-chồng-con-các thành viên khác trong gia đình, kết hôn, kết hôn trái pháp luật, vấn đề không công nhận quan hệ vợ chồng và hậu quả pháp lý, chấm dứt hôn nhân, quan hệ tài sản của vợ-chồng, cấp dưỡng, nuôi con nuôi, mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức	Mục đích	CDR của HP đạt được
-------------------------------	-----------------	----------------------------

tổ chức dạy học		
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3,CO4,CO5,CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận nhóm hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,	3

		Số buổi học tham dự bắt buộc.	CO7	7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Trường Đại học Luật TP.HCM, Nguyễn Văn Tiến (Chủ biên) Lê Vĩnh Châu, Trần Thị Hương, Lê Thị Mận (2018), *Giáo trình luật hôn nhân và gia đình (tái bản có bổ sung)*, Nxb. Hồng Đức-Hội Luật.
2. Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
3. Luật hộ tịch năm 2014; Luật nuôi con nuôi năm 2010.
4. Bộ Luật Dân sự năm 2015 và Bộ luật hình sự Việt Nam năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Quách Văn Dương (2019), *Chế độ hôn nhân và chế độ tài sản của vợ chồng theo pháp luật hôn nhân và gia đình*, Nxb. Tư pháp.
3. Lê Vĩnh Châu (Chủ biên)-Đỗ Văn Đại-Trần Thị Hương (2018), *Sách tình huống luật hôn nhân và gia đình: Bình luận bản án*, Nxb. Hồng Đức.
4. Nguyễn Thị Chi (2018), *Bình luận Luật hôn nhân và gia đình : Biên soạn theo các tài liệu mới nhất*, Nxb. Lao động.
5. Nguyễn Ngọc Điệp (2018), *So sánh luật hôn nhân và gia đình năm 2000 - năm 2014 & các văn bản pháp luật về dân sự, hôn nhân, gia đình mới nhất*, Nxb. Thế giới.

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CĐR của HP
------	--------------------	----------	------------

lượng			
Tiết 1-3	<p>Vấn đề 1: Lý luận chung về hôn nhân và gia đình</p> <p>1.1. Các hình thái hôn nhân và gia đình trong lịch sử</p> <p>1.2. Khái niệm và các đặc điểm của hôn nhân</p> <p>1.3. Khái niệm và các chức năng cơ bản của gia đình</p> <p>1.4. Khái niệm Luật hôn nhân và Gia đình Việt Nam</p> <p>1.5. Các nguyên tắc cơ bản của Luật hôn nhân và gia đình</p>	1,2	CO1,CO7
Tiết 1-3	<p>Vấn đề 2: Quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình</p> <p>2.1. Khái niệm, đặc điểm quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình</p> <p>2.2. Các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình</p> <p>2.3. Thực hiện, bảo vệ quyền và nghĩa vụ hôn nhân và gia đình</p> <p>2.4. Căn cứ phát sinh, thay đổi, chấm dứt, phục hồi quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình</p>	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 4-6	<p>Vấn đề 3: Kết hôn và kết hôn trái pháp luật</p> <p>3.1. Kết hôn</p>	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	<p>3.1.1. <i>Khái niệm kết hôn</i></p> <p>3.1.2. <i>Điều kiện kết hôn</i></p> <p>3.1.3. <i>Đăng ký kết hôn</i></p> <p>3.1.4. <i>Những trường hợp nam, nữ chung sống không đăng ký kết hôn nhưng được Nhà nước thừa nhận là vợ, chồng</i></p> <p>3.2. <i>Kết hôn trái pháp luật</i></p> <p>3.2.1. <i>Khái niệm</i></p> <p>3.2.2. <i>Thẩm quyền hủy kết hôn trái pháp luật</i></p> <p>3.2.3. <i>Căn cứ hủy kết hôn trái pháp luật</i></p> <p>3.2.4. <i>Chủ thể có thẩm quyền yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật</i></p> <p>3.2.5. <i>Hậu quả pháp lý</i></p> <p>3.3. <i>Không công nhận quan hệ vợ, chồng</i></p> <p>3.3.1. <i>Khái niệm</i></p> <p>3.3.2. <i>Hậu quả pháp lý</i></p>		
Tiết 7-9	<p>Vấn đề 4: Quan hệ giữa vợ chồng</p> <p>4.1. <i>Khái niệm</i></p> <p>4.2. <i>Quyền và nghĩa vụ về nhân thân</i></p> <p>4.2.1. <i>Quyền và nghĩa vụ mang tính chất cảm tính, riêng tư giữa vợ, chồng</i></p> <p>4.2.2. <i>Quyền và nghĩa vụ mang tính chất tự do, dân chủ</i></p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	<p>4.3. Chế độ tài sản</p> <p>4.3.1. Nguyên tắc chung</p> <p>4.3.2. Chế độ tài sản theo thỏa thuận</p> <p>4.3.3. Chế độ tài sản theo luật định</p> <p>4.3.4. Quan hệ cấp dưỡng giữa vợ, chồng</p> <p>4.3.5. Quyền thừa kế của vợ, chồng</p> <p>4.4. Đại diện giữa vợ và chồng</p>		
Tiết 10-12	<p>Vấn đề 5: Quan hệ giữa cha mẹ, con và các thành viên khác trong gia đình</p> <p>5.1. Căn cứ làm phát sinh quan hệ giữa cha mẹ, con</p> <p>5.1.1. Sự kiện sinh đẻ</p> <p>5.1.2. Sự kiện nuôi dưỡng</p> <p>5.1.3. Sự kiện sống chung</p> <p>5.2. Nghĩa vụ và quyền của cha mẹ và con</p> <p>5.2.1. Quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con</p> <p>5.2.2. Quan hệ giữ cha mẹ, mẹ kế với con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể với cha mẹ chồng/vợ</p> <p>5.2.3. Hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên</p> <p>5.3. Quan hệ pháp luật giữa</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	các thành viên khác trong gia đình		
Tiết 13-15	<p>Vấn đề 6: Chấm dứt hôn nhân</p> <p>6.1. Chấm dứt hôn nhân do một trong hai bên vợ chồng chết hoặc bị tòa án tuyên bố là đã chết</p> <p><i>6.1.2. Hậu quả pháp lý</i></p> <p><i>6.1.3. Thời điểm chấm dứt</i></p> <p>6.2. Chấm dứt hôn nhân trong trường hợp ly hôn</p> <p><i>6.2.1. Khái quát chung về ly hôn</i></p> <p><i>6.2.2. Hậu quả pháp lý</i></p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 16-18	<p>Vấn đề 7: Quan hệ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình</p> <p>7.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại nghĩa vụ cấp dưỡng</p> <p><i>7.1.2. Khái niệm, đặc điểm</i></p> <p><i>7.1.3. Phân loại nghĩa vụ cấp dưỡng</i></p> <p>7.2. Mức cấp dưỡng, phương thức thực hiện cấp dưỡng</p> <p><i>7.2.1. Mức cấp dưỡng</i></p> <p><i>7.2.2. Phương thức thực hiện</i></p> <p><i>7.2.3. Người có quyền yêu cầu Tòa án thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng</i></p> <p>7.3. Các trường hợp cấp dưỡng</p>	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

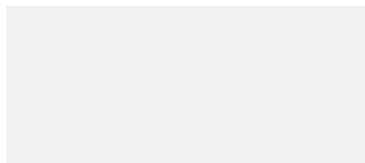
Tiết 16-18	Vấn đề 8: Quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài 8.1. Khái niệm quan hệ HNGĐ có yếu tố nước ngoài 8.2. Nguyên tắc áp dụng luật và thẩm quyền giải quyết quan hệ HNGĐ có yếu tố nước ngoài <i>8.2.1. Nguyên tắc áp dụng luật trong quan hệ HNGĐ có yếu tố nước ngoài</i> <i>8.2.2. Thẩm quyền giải quyết quan hệ HNGĐ có yếu tố nước ngoài</i> 8.3.4. Kết hôn, Ly hôn có yếu tố nước ngoài	1,2,3,4	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 19-21	Thảo luận 1 Bài tập nhóm/Báo cáo nhóm	1,2,3,4	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 22-24	Thảo luận 2 Bài tập nhóm/Báo cáo nhóm	1,2,3,4	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 25-27	Thảo luận 3 Bài tập nhóm/Báo cáo nhóm	1,2,3,4	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 28-30	Thảo luận 4 Bài tập nhóm/Báo cáo nhóm	1,2,3,4	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

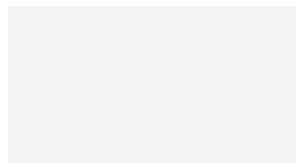
Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Pháp luật cộng đồng Asean

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã học phần: 0101001432

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	15	5	0	10	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Luật Thương mại

Học phần học trước: Luật Thương mại

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Hiểu và nêu được một số khái niệm cơ bản về điều ước quốc tế.

M2: Nhận diện được nội dung và vận dụng một số kỹ năng áp dụng pháp luật về điều ước quốc tế.

M3: Hiểu và nắm được một số khái niệm cơ bản trong hoạt động áp dụng pháp luật về điều ước quốc tế.

M4: Nhận diện được nội dung và kỹ thuật tương ứng trong lĩnh vực pháp luật quốc tế.

M5: Nêu được các dạng tranh chấp phổ biến trong pháp luật về điều ước quốc tế.

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M6: Thành thạo kỹ năng tìm kiếm và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết những tình huống pháp luật cơ bản, điển hình trong pháp luật quốc tế.

M7: Phát triển kỹ năng xác định và giải quyết vấn đề pháp lý trong các điều ước quốc tế.

M8: Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu các vấn đề pháp lý cụ thể của hệ thống pháp luật quốc tế.

- Kỹ năng mềm

M9: Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp.

M10: Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M11: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M12: Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;

M13: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;

M14: Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.4. Về thái độ

M15: Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật;

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
	Pháp luật cộng đồng Asean	0	0	3	0	0	3	2	2	2	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CĐR của CTĐT
-------------	------------	---	--------------

Kiến thức			
MT1 MT2 MT3 MT4 MT5	CO1	Hiểu và phân tích được những vấn đề lý luận chung về hệ thống luật quốc tế như khái niệm, đặc điểm, lịch sử hình thành và phát triển, nguồn của luật quốc tế và mối quan hệ giữa các loại nguồn. Phân tích được cơ sở, tính chất và nội dung của mối quan hệ giữa luật quốc tế và luật quốc gia.	PO3
Kỹ năng			
MT6	CO2	Thành thạo kỹ năng tìm kiếm và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết những tình huống pháp luật cơ bản, điển hình pháp luật quốc tế	PO6
MT7	CO3	Phát triển kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học để phân tích và giải thích hiện tượng nhà nước trong thực tế.	PO7
MT8	CO4	Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề của hệ thống luật quốc tế.	PO8
MT9 MT10	CO5	Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp. Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.	PO9,11,12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT11 MT12 MT13 MT14	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	PO15, PO16, PO17, PO18
MT15	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Pháp luật về điều ước quốc tế trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật quốc tế, cụ thể là các vấn đề sau: lý luận chung về điều ước quốc tế,

nguồn của luật quốc tế, chủ thể của luật quốc tế, lãnh thổ và biên giới quốc gia, luật biên quốc tế, luật ngoại giao và lãnh sự.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3, CO4, CO5, CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận,	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4,	10

kiểm tra giữa kỳ			CO5, CO6,CO7	
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Lê Mai Anh (2018), Giáo trình Luật quốc tế, Nxb. Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam;

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Trường Đại học Luật TP.HCM (2015), Giáo trình Công pháp quốc tế, Nxb. Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam;
2. Công ước Viên năm 1961 về quan hệ Ngoại giao;
3. Công ước Viên năm 1963 về quan hệ Lãnh sự;
4. Luật biển Việt Nam năm 2012;
5. Luật điều ước quốc tế năm 2016.

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CDR của HP
Tiết 1-4	<p>Chương 1. Lý luận chung về luật quốc tế</p> <p>1.1. Khái niệm luật quốc tế</p> <p>1.1.1. Định nghĩa luật quốc tế</p> <p>1.1.2. Quy phạm pháp luật quốc tế</p> <p>1.2. Đặc trưng của luật quốc tế</p> <p>1.3. Lịch sử phát triển của luật quốc tế</p> <p>1.4. Quan hệ giữa luật quốc tế và luật quốc gia</p> <p>1. 1.5. Một số nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế</p>	1,3	CO1,CO7

Tiết 5-8	Chương 2: Nguồn của luật quốc tế 2.1. Lý luận chung về nguồn của luật quốc tế 2.1.1. Khái niệm nguồn của luật quốc tế 2.1.2. Các loại nguồn của luật quốc tế 2.2. Điều ước quốc tế 2.2.1. Khái niệm điều ước quốc tế 2.2.2. Phân loại điều ước quốc tế 2.2.3. Quy trình ký kết điều ước quốc tế 2.3. Tập quán quốc tế 2.3.1. Khái niệm tập quán quốc tế 2.3.2. Điều kiện trở thành nguồn luật quốc tế của tập quán quốc tế 2.3.3. So sánh điều ước quốc tế với tập quán quốc tế 2.4. Các phương tiện hỗ trợ nguồn luật quốc tế	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 9-12	Chương 3: Chủ thể của luật quốc tế 3.1. Khái niệm chủ thể của luật quốc tế 3.2. Quốc gia – chủ thể cơ bản của luật quốc tế 3.2.1. Các yếu tố cấu thành quốc gia	1,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	<p>3.2.2. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản của quốc gia</p> <p>3.2.3. Công nhận quốc tế đối với quốc gia</p> <p>3.2.4. Vấn đề kế thừa quốc gia trong luật quốc tế</p> <p>3.3. Các dân tộc đang đấu tranh giành quyền dân tộc tự quyết</p> <p>3.4. Tổ chức quốc tế liên chính phủ</p>		
Tiết 13-17	<p>Chương 4: Lãnh thổ và biên giới quốc gia</p> <p>4.1. Những vấn đề pháp lý về lãnh thổ quốc gia</p> <p>4.1.1. Khái niệm về lãnh thổ</p> <p>4.1.2. Phân loại lãnh thổ trong luật quốc tế</p> <p>4.1.3. Chủ quyền quốc gia đối với lãnh thổ</p> <p>4.1.4. Thay đổi và xác lập chủ quyền quốc gia đối với lãnh thổ</p> <p>4.2. Những vấn đề pháp lý cơ bản về biên giới quốc gia</p> <p>4.2.1. Khái niệm, các bộ phận cấu thành và kiểu biên giới quốc gia</p> <p>4.2.2. Hoạch định biên giới quốc gia</p> <p>4.3.3. Quy chế pháp lý của biên giới quốc gia</p>	1,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 18-23	<p>Chương 5: Luật biển quốc tế</p> <p>5.1. Khái quát về luật biển quốc tế</p> <p>5.1.1. Khái niệm luật biển quốc tế</p> <p>5.1.2. Nguồn của luật biển quốc tế</p>	1,2,4	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	<p>5.1.3. Các nguyên tắc của luật biển quốc tế</p> <p>5.2. Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia</p> <p>5.2.1. Nội thủy</p> <p>5.2.2. Lãnh hải</p> <p>5.3. Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia</p> <p>5.3.1. Vùng tiếp giáp lãnh hải</p> <p>5.3.2. Vùng đặc quyền kinh tế</p> <p>5.3.3. Thềm lục địa</p>		
Tiết 24-28	<p>Chương 6: Luật ngoại giao và lãnh sự</p> <p>6.1. Khái quát về luật ngoại giao và lãnh sự</p> <p>6.1.1. Khái niệm luật ngoại giao và lãnh sự</p> <p>6.1.2. Nguồn của luật ngoại giao và lãnh sự</p> <p>6.1.3. Các nguyên tắc của luật ngoại giao và lãnh sự</p> <p>6.2. Cơ quan đại diện ngoại giao</p> <p>6.2.1. Khái niệm và phân loại cơ quan đại diện ngoại giao</p> <p>6.2.2. Cấp, hàm và chức vụ ngoại giao</p> <p>6.2.3. Thành viên của cơ quan đại diện ngoại giao</p> <p>6.2.4. Quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao</p>	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

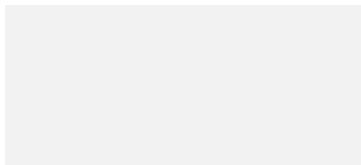
	<p>6.3. Cơ quan lãnh sự</p> <p>6.3.1. Khái niệm và chức năng của cơ quan lãnh sự</p> <p>6.3.2. Cấp của cơ quan lãnh sự và người đứng đầu cơ quan lãnh sự</p> <p>6.3.3. Cơ cấu tổ chức và thành viên của cơ quan lãnh sự</p> <p>6.3.4. Quyền ưu đãi và miễn trừ lãnh sự</p>		
Tiết 29-30	Ôn tập kết thúc môn	1,2,3,4	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (trương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

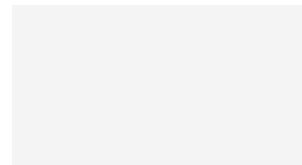
Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Pháp luật quyền con người

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã học phần: 010100067603

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	20+10 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	20	0	0	10	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Lý luận nhà nước và pháp luật 1&2

Học phần học trước: Lý luận nhà nước và pháp luật 1&2

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Có kiến thức về quyền con người như khái niệm, nguồn gốc, tính chất, đặc điểm, phân loại quyền con người cũng như lịch sử phát triển của tư tưởng về quyền con người và vấn đề nghĩa vụ quốc gia trong việc bảo đảm quyền con người.

M2: Mô tả được những yếu tố về pháp luật cơ chế quốc tế về bảo đảm quyền con người; quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền con người, cơ chế quốc gia bảo vệ, bảo đảm quyền

con người.

3.2. Về kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

M3: Có khả năng tự cập nhật các văn bản pháp luật trong nước và quốc tế có liên quan đến quyền con người.

M4: Có khả năng vận dụng phù hợp với thực tế ở Việt Nam, đề xuất các giải pháp xây dựng và hoàn thiện pháp luật, thiết chế và phương thức bảo vệ, bảo đảm quyền con người ở Việt Nam trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế hiện nay

3.2.2. Kỹ năng mềm

M5: Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp; hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ; có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M6: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có khả năng hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; có khả năng lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.4. Về thái độ

M7: Hình thành, củng cố thái độ tích cực trong tuyên truyền, vận động và chủ động thực hiện quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật của Nhà nước Việt Nam về quyền con người; ủng hộ việc tiếp thu những quan điểm tiến bộ, phù hợp với thực tiễn Việt Nam, đấu tranh chống lại những biểu hiện xâm phạm quyền con người trên thực tế; hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
010100067 603	Luật Dân sự 1	0	0	3	0	0	3	2	2	2	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	

		2	2	0	0	2	2	2	2	2
--	--	---	---	---	---	---	---	---	---	---

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2	CO1	Có khả năng mô tả được, phân tích được, bình luận được các vấn đề lý luận, các quy định pháp luật của Việt Nam và pháp luật quốc tế về quyền con người.	PO3
Kỹ năng			
MT3	CO2	Cập nhật được các văn bản pháp luật có liên quan đến quyền con người.	PO6
MT4	CO3	Có khả năng vận dụng pháp luật để giải quyết được các tình huống phát sinh trong thực tiễn có liên quan đến quyền con người. Bước đầu có khả năng đưa ra được những nhận định, đề xuất góp phần xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm thể chế hóa quyền con người.	PO7, PO8
M5	CO5	Có khả năng tranh luận, lập luận để bảo vệ quan điểm của mình, có khả năng đánh giá, phê phán, có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có kỹ năng tự cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu.	PO9,11,12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
M6	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	PO15, PO16, PO17, PO18
MT7	CO7	Có tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học Pháp luật về quyền con người cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản về quyền con người như khái niệm, nguồn gốc, các đặc trưng cơ bản về quyền con người dựa trên cơ sở sự phân biệt với quyền công dân; các quan điểm quốc tế, khu vực

và quốc gia về quyền con người; những tiêu chuẩn của pháp luật quốc tế về nhân quyền và cơ chế quốc tế về bảo đảm quyền con người. Môn học cũng cung cấp quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về bảo đảm quyền con người, cơ chế quốc gia bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân; đối thoại, đấu tranh bảo đảm nhân quyền ở Việt Nam hiện nay. Bên cạnh việc cung cấp kiến thức, môn học còn bồi dưỡng năng lực tư duy, phương pháp để nghiên cứu về quyền con người, quyền công dân.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3,CO4,CO5,CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa Luật (2015), Giáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người”, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2. Hiến pháp năm 2013

10.2. Tài liệu tham khảo

11. Lịch trình cụ thể

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CDR của HP
Tiết 1-6	Vấn đề 1: Khái quát về quyền con người 1.1. Khái niệm, nguồn gốc, tính chất và đặc điểm của quyền con người 1.2. Lịch sử phát triển của tư tưởng về quyền con người. 1.3. Phân loại quyền con người 1.4. Quyền con người và một số phạm trù có liên quan 1.5. Vấn đề nghĩa vụ quốc gia trong việc bảo đảm quyền con người và một số khía cạnh mới của quyền con người.	1,2	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Tiết 6-15	Vấn đề 2: Pháp luật và cơ chế quốc tế về bảo đảm quyền con người	1,2	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

	<p>2.1. Khái quát luật quốc tế về quyền con người</p> <p>2.1.1. Khái niệm, vị trí, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và nguồn của luật quốc tế về quyền con người</p> <p>2.1.2. Mối quan hệ giữa luật quốc tế về quyền con người và pháp luật quốc gia</p> <p>2.1.3. Mối quan hệ giữa luật quốc tế về quyền con người và luật nhân đạo quốc tế</p> <p>2.1.4. Lịch sử hình thành và phát triển của luật quốc tế về quyền con người</p> <p>2.2. Quyền con người trong pháp luật quốc tế</p> <p>2.2.1. Các quyền dân sự và chính trị</p> <p>2.2.2. Các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa</p> <p>2.2.3. Quyền của một số nhóm người dễ bị tổn thương</p>		
Tiết 16-19	<p><i>Vấn đề 3: Lịch sử phát triển và quan điểm, chính sách cơ bản của Đảng, Nhà nước Việt Nam về quyền con người</i></p> <p>3.1. Khái quát sự phát triển tư tưởng về quyền con người trong lịch sử Việt Nam</p> <p>3.2. Quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quyền con người</p> <p>3.3. Chính sách cơ bản của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quyền con người</p> <p><i>Làm bài kiểm tra cá nhân</i></p>		
Tiết 20 – 30	<p><i>Vấn đề 4: Pháp luật và cơ chế thực hiện, thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam</i></p> <p>4.1. Quyền con người trong pháp luật Việt Nam</p> <p>4.1.1. Quyền dân sự và chính trị</p> <p>4.1.2. Quyền kinh tế, xã hội và văn hóa</p> <p>4.1.3. Quyền của một số nhóm</p>	1,2	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

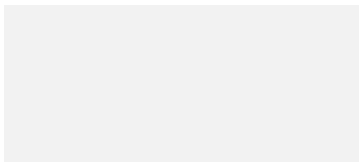
	<p>đề bị tổn thương</p> <p>4.2. Khái quát về cơ chế thực hiện và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam</p>		
--	--	--	--

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

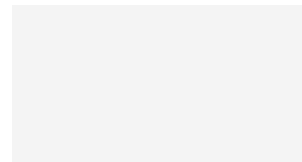
Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Tư pháp đối với người chưa thành niên

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã học phần: 010100067603

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	20+10 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	20	0	0	10	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Lý luận nhà nước và pháp luật 1&2

Học phần học trước: Lý luận nhà nước và pháp luật 1&2

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

MT1: Trang bị kiến thức lý luận và quy định pháp luật có liên quan đến tư pháp đối với người chưa thành niên.

3.2. Về kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng chuyên môn

MT2: Rèn luyện kỹ năng cập nhật văn bản, kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các tình huống pháp lý có liên quan đến tư pháp đối với người chưa thành niên.

MT3: Rèn luyện kỹ năng lập luận, tranh luận; kỹ năng thuyết trình, phản biện; khả năng tự nghiên cứu, học tập suốt đời.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

MT4: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

2.4. Về thái độ

MT5: Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
010100067603	Tư pháp đối với người chưa thành niên	0	0	3	0	0	3	2	2	2	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Có khả năng áp dụng nguyên tắc “vì lợi ích tốt nhất của trẻ em” trong mọi vấn đề có liên quan đến trẻ em và người chưa thành niên	PO3

		<p>khi tiếp xúc với hệ thống tư pháp; có khả năng so sánh các yếu tố cơ bản của pháp luật Việt Nam với các quy phạm và chuẩn mực quốc tế cũng như với những thực tiễn tốt nổi bật của các quốc gia khác trong lĩnh vực tư pháp đối với người chưa thành niên; có khả năng áp dụng các biện pháp can thiệp nhạy cảm với người chưa thành niên trong những vụ việc liên quan; có khả năng ủng hộ và đẩy mạnh việc tiếp cận tư pháp cho người chưa thành niên; có các kỹ năng cơ bản để cung cấp những tư vấn pháp lý và đại diện cho người chưa thành niên trong tiếp xúc với hệ thống tư pháp.</p>	
Kỹ năng			
MT2	CO2	<p>Có khả năng cập nhật văn bản, có kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các tình huống pháp lý có liên quan đến tư pháp đối với người chưa thành niên; có kỹ năng lập luận, tranh luận; kỹ năng thuyết trình, phản biện.</p>	PO6, PO7, PO8
MT3	CO3	<p>Có khả năng tranh luận, lập luận để bảo vệ quan điểm của mình, có khả năng đánh giá, phê phán, có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có kỹ năng tự cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu, học tập suốt đời.</p>	PO9, PO10, PO11, PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT4	CO4	<p>Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có khả năng hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; có thể tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; có khả năng lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.</p>	PO15, PO16, PO17, PO18
MT5	CO5	<p>Có tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;</p>	PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần “Tư pháp với người chưa thành niên” là học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về pháp luật và cơ chế thực thi pháp luật Việt Nam về người chưa thành niên, với sự tham chiếu khung pháp lý quốc tế quan trọng. Học phần gắn kết sinh viên

vào việc đánh giá có hệ thống về các nguyên tắc của tư pháp đối với người chưa thành niên và về cách các nguyên tắc đó được áp dụng trong tất cả các hoạt động liên quan đến người chưa thành niên, dù được thực hiện bởi tòa án, cơ quan hành chính hay các cơ quan khác. Học phần đồng thời giới thiệu cho sinh viên các khía cạnh cơ bản của sự phát triển của trẻ em, bao gồm cả hiểu biết về ảnh hưởng của sự lạm dụng, sự bỏ bê và những trải nghiệm bất lợi khác tới sự phát triển của trẻ em, cũng như sự cần thiết của những can thiệp nhạy cảm (thân thiện) với trẻ em.

Pháp luật về an sinh

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3, CO4, CO5
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO3, CO5

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), *Giáo trình Luật hành chính Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân.
2. Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (phần chung)*, Nxb. CAND, Hà Nội.
3. Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb. CAND, Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Công ước về quyền trẻ em, Liên Hợp Quốc, 1989.
2. Các qui tắc tiêu chuẩn tối thiểu của Liên Hợp Quốc về thực hiện tư pháp đối với người chưa thành niên (Quy tắc Bắc Kinh), Nghị quyết 40/33 ngày 29/11/1985 của Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc.
3. Những Quy tắc của Liên Hợp Quốc về bảo vệ người chưa thành niên bị tước quyền tự do, Nghị quyết 45/11 của Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc, 1990.

11. Lịch trình cụ thể

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CDR của HP
Tiết 1-5	<p>Vấn đề 1. Khái quát về tư pháp đối với người chưa thành niên</p> <p>1.1 Khái niệm người chưa thành niên trong pháp luật quốc tế và quốc gia</p> <p>1.2. Khái niệm, đặc điểm, mục đích và ý</p>	1,2,3	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

	<p>nghĩa của tư pháp đối với người chưa thành niên</p> <p>1.2.1. Khái niệm tư pháp đối với người chưa thành niên</p> <p>1.2.2. Đặc điểm của tư pháp đối với người chưa thành niên</p> <p>1.2.3. Mục đích và ý nghĩa của tư pháp đối với người chưa thành niên</p> <p>1.3. Những nguyên tắc định hướng tư pháp đối với người chưa thành niên</p> <p>1.3.1. Các nguyên tắc chung của tư pháp đối với người chưa thành niên</p> <p>1.3.2. Các nguyên tắc đặc thù của tư pháp đối với người chưa thành niên</p> <p>1.4. Các quy phạm, chuẩn mực quốc tế và các mô hình tư pháp đối với người chưa thành niên</p> <p>1.4.1. Các quy phạm và chuẩn mực quốc tế về tư pháp đối với người chưa thành niên</p> <p>1.4.2. Các mô hình tư pháp đối với người chưa thành niên điển hình</p>		
<p>Tiết 6-8</p>	<p>Vấn đề 2. Sự phát triển của người chưa thành niên và các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi vi phạm pháp luật của người chưa thành niên</p> <p>2.1. Khái niệm, đặc điểm về sự phát triển của người chưa thành niên</p> <p>2.1.1. Khái niệm sự phát triển của người chưa thành niên</p> <p>2.1.2. Đặc điểm về sự phát triển của người chưa thành niên</p> <p>2.2. Các giai đoạn phát triển của người chưa thành niên</p> <p>2.2.1. Giai đoạn sơ sinh (từ 0 đến 1 tuổi)</p> <p>2.2.2. Giai đoạn từ 1 đến 3 tuổi</p> <p>2.2.3. Giai đoạn từ 3 đến 6 tuổi</p> <p>2.2.4. Giai đoạn từ 6 đến 12 tuổi</p> <p>2.2.5. Giai đoạn từ 12 đến dưới 18 tuổi</p> <p>2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi vi phạm pháp luật của người chưa thành niên và những biện pháp xử lý hiệu quả đối với người chưa thành niên vi phạm pháp luật</p> <p>2.3.1. Thuyết hành vi của người sắp thành niên và sự phát triển não bộ</p> <p>2.3.2. Các yếu tố nguy cơ dẫn đến vi phạm</p>	<p>1,2,3</p>	<p>CO1, CO2, CO3, CO4, CO5</p>

	<p>pháp luật của người chưa thành niên</p> <p>2.3.3. Các giải pháp hiệu quả và không hiệu quả trong phòng ngừa, xử lý người chưa thành niên vi phạm pháp luật</p>		
Tiết 9-11	<p>Vấn đề 3. Hệ thống và các biện pháp bảo vệ người chưa thành niên tại Việt Nam</p> <p>3.1. Bảo vệ người chưa thành niên trước nguy cơ xâm hại</p> <p>3.1.1. Khái niệm bảo vệ người chưa thành niên</p> <p>3.1.2. Nguy cơ xâm hại người chưa thành niên</p> <p>3.2. Hệ thống bảo vệ người chưa thành niên</p> <p>3.2.1. Các tổ chức thực hiện bảo vệ người chưa thành niên</p> <p>3.2.2. Các cấp độ bảo vệ người chưa thành niên</p> <p>3.3. Các biện pháp bảo vệ người chưa thành niên trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng</p> <p>3.3.1. Các yêu cầu bảo vệ người chưa thành niên trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng</p> <p>3.3.2. Bảo vệ người chưa thành niên trong quá trình tố tụng</p> <p>3.3.3. Bảo vệ người chưa thành niên trong quá trình xử lý vi phạm hành chính</p> <p>3.3.4. Phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng dành cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật</p> <p><i>Làm bài kiểm tra cá nhân</i></p>	1,2,3	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Tiết 12-20	<p>Vấn đề 4. Tư pháp đối với người chưa thành niên trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính</p> <p>4.1. Các chuẩn mực quốc tế về tư pháp đối với người chưa thành niên trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính</p> <p>4.1.1. Chuẩn mực quốc tế về tư pháp đối với người chưa thành niên trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính, tương quan với pháp luật Việt Nam</p> <p>4.1.2. Một số quy định đặc thù của chuẩn mực quốc tế về tư pháp đối với người chưa</p>	1,2,3	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

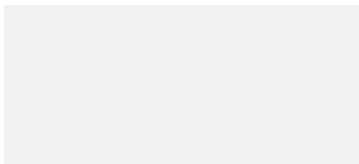
	<p>thành niên trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính</p> <p>4.2. Xử lý hành chính đối với người chưa thành niên theo pháp luật Việt Nam</p> <p>4.2.1. Vi phạm pháp luật và vi phạm hành chính của người chưa thành niên</p> <p>4.2.2. Khái quát về xử lý hành chính và xử lý hành chính người chưa thành niên vi phạm pháp luật</p> <p>4.3. Khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính về xử lý hành chính người chưa thành niên vi phạm pháp luật</p>		
Tiết 21-23	<p>Vấn đề 5. Xử lý hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội và người có hành vi xâm phạm người chưa thành niên</p> <p>5.1. Các nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội</p> <p>5.1.1. Nguyên tắc thứ nhất</p> <p>5.1.2. Nguyên tắc thứ hai</p> <p>5.1.3. Nguyên tắc thứ ba</p> <p>5.1.4. Nguyên tắc thứ tư</p> <p>5.1.5. Nguyên tắc thứ năm</p> <p>5.1.6. Nguyên tắc thứ sáu</p> <p>5.2. Xử lý hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015</p> <p>5.2.1. Phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội</p> <p>5.2.2. Các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp người chưa thành niên được miễn trách nhiệm hình sự</p> <p>5.2.3. Biện pháp tư pháp, hình phạt áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội</p> <p>5.2.4. Quyết định hình phạt, tổng hợp hình phạt, giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích đối với người chưa thành niên phạm tội</p> <p>5.3. Xử lý hình sự đối với người có hành vi xâm phạm người chưa thành niên theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015</p> <p>5.3.1. Quy định về tội danh</p> <p>5.3.2. Quy định về tình tiết định khung tăng nặng</p> <p>5.3.3. Quy định về tình tiết tăng nặng trách</p>	1,2,3	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

	nhiệm hình sự		
Tiết 24-26	<p>Vấn đề 6. Tư pháp đối với người chưa thành niên trong tố tụng hình sự</p> <p>6.1. Các chuẩn mực quốc tế và nguyên tắc tiến hành tố tụng hình sự đối với người chưa thành niên tại Việt Nam</p> <p>6.1.1. Bảo đảm thủ tục tố tụng hình sự thân thiện và bảo đảm lợi ích tốt nhất cho người chưa thành niên</p> <p>6.1.2. Bảo đảm giữ bí mật cá nhân của người chưa thành niên</p> <p>6.1.3. Bảo đảm quyền tham gia tố tụng của người đại diện Nhà trường, Đoàn Thanh niên và các cá nhân, tổ chức khác</p> <p>6.1.4. Tôn trọng quyền được tham gia, trình bày ý kiến của người chưa thành niên</p> <p>6.1.5. Bảo đảm quyền bào chữa, quyền được trợ giúp pháp lý của người chưa thành niên</p> <p>6.1.6. Bảo đảm các nguyên tắc xử lý của Bộ luật Hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội</p> <p>6.1.7. Bảo đảm giải quyết nhanh chóng, kịp thời các vụ án liên quan đến người chưa thành niên</p> <p>6.2. Các chuẩn mực quốc tế và thủ tục tố tụng hình sự đối với người chưa thành niên tại Việt Nam</p> <p>6.2.1. Tiêu chuẩn về người tiến hành tố tụng trong việc áp dụng các thủ tục tố tụng hình sự đối với người chưa thành niên</p> <p>6.2.2. Quyền của người chưa thành niên</p> <p>6.2.3. Việc áp dụng các biện pháp giám sát, giáo dục và ngăn chặn đối với người chưa thành niên</p> <p>6.2.4. Những vấn đề cần xác định khi tiến hành tố tụng hình sự đối với người chưa thành niên</p> <p>6.2.5. Khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đối với người chưa thành niên</p>	1,2,3	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Tiết 27-29	<p>Vấn đề 7. Các biện pháp thay thế quy trình tư pháp và tái hòa nhập cộng đồng đối với người chưa thành niên phạm tội</p> <p>7.1. Các biện pháp thay thế quy trình tư pháp</p>	1,2,3	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

	<p>7.1.1. Xử lý chuyển hướng</p> <p>7.1.2. Tư pháp phục hồi</p> <p>7.1.3. Pháp luật Việt Nam về xử lý chuyển hướng và tư pháp phục hồi</p> <p>7.2. Tái hòa nhập đối với phạm nhân chưa thành niên</p> <p>7.2.1. Khái niệm và vai trò của tái hòa nhập đối với phạm nhân chưa thành niên</p> <p>7.2.2. Các chuẩn mực quốc tế</p> <p>7.2.3. Một số kinh nghiệm quốc tế về tái hòa nhập cộng đồng</p> <p>7.2.4. Pháp luật về tái hòa nhập cộng đồng đối với phạm nhân chưa thành niên tại Việt Nam</p> <p>Ôn tập kết thúc môn</p>		
--	--	--	--

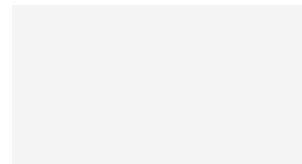
Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Pháp luật về giao dịch bảo đảm

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã học phần: 0101001525

Tổng số tín chỉ: 02

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 90 = 120
T = Bài tập					
P = Thực hành	15	5	5	5	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Luật dân sự

Học phần học trước:

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Các giao dịch bảo đảm cụ thể, bản chất của từng giao dịch bảo đảm.

M2: Điều kiện của tài sản bảo đảm và các phương thức xử lý tài sản bảo đảm.

M3: Xác lập giao dịch bảo đảm và hiệu lực của giao dịch bảo đảm.

M4: Khái niệm, ý nghĩa, mục đích, trình tự, thủ tục đăng ký, thay đổi, bổ sung, xóa đăng ký giao dịch bảo đảm.

M5: Các giao dịch bảo đảm đặc thù.

3.2. Về kỹ năng

-Kỹ năng nghề nghiệp

M6: Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tìm kiếm, kỹ năng tổng hợp các quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm để giải quyết những tình huống cơ bản, điển hình trên thực tế;

M7: Hình thành và phát triển kỹ năng so sánh, bình luận đánh giá các vấn đề của pháp luật về giao dịch bảo đảm;

M8: Có khả năng vận dụng các quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm để có thể đưa ra các phương hướng giải quyết tranh chấp và cách thức bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong quan hệ bảo đảm;

M9: Có kỹ năng bình luận, đánh giá các quy định của pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng.

-Kỹ năng mềm

M10: Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm;

M11: Góp phần phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi; góp phần trau dồi, phát triển năng lực đánh giá;

M12: Góp phần rèn kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, theo dõi kiểm tra việc thực hiện chương trình học tập.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M13: Đảm bảo cho học viên tự tin trước những vấn đề pháp lý phát sinh liên quan giao dịch bảo đảm.

3.4. Về thái độ

M14: Tích cực nâng cao trình độ nhận thức và việc hiểu biết nhằm đảm bảo quyền của các chủ thể khi tham gia vào giao dịch bảo đảm;

M15: Khách quan hơn đối với các lợi ích cần được bảo vệ của các chủ thể là bên nhận bảo đảm, bên bảo đảm cũng như những người có quyền và lợi ích liên quan.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
0101001525	PL về										
	giao	1	0	0	0	0	3	1	1	1	1
	dịch bảo	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
	đảm	1	2	0	1	0	2	2	2	3	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3 MT4 MT5	CO1	Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản của pháp luật về giao dịch bảo đảm.	PO1
Kỹ năng			
MT6	CO2	Có khả năng vận dụng các quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm để có thể đưa ra các phương hướng giải quyết tranh chấp và cách thức bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong quan hệ bảo đảm.	PO6

MT7 MT8	CO3	Có khả năng phân tích các tình huống thực tiễn trong lĩnh vực pháp luật kinh tế và đưa ra giải pháp chuyên môn để giải quyết các tình huống đó. Kỹ năng tìm kiếm, kỹ năng tổng hợp các quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm để giải quyết những tình huống cơ bản, điển hình trên thực tế.	PO7, PO8
MT9	CO4	Có khả năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm của mình; có khả năng phản biện, phê phán.	PO9,PO10
MT10 MT11 MT12	CO5	Có khả năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. Có khả năng năng tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.	PO11, PO12 PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT13 MT14	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	PO15,PO16
MT15	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	PO17, PO18, PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Giao dịch bảo đảm là giao dịch được xác lập với mục đích bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ dân sự. Pháp luật Việt Nam hiện hành đã quy định chín biện pháp bảo đảm nghĩa vụ (cầm cố tài sản, thế chấp tài sản, bảo lãnh, đặt cọc, ký cược, ký quỹ, tín chấp,

bảo lưu quyền sở hữu, cầm giữ tài sản); quy định về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3,CO4,CO5,CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.	CO7	7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

1. Phạm văn Tuyết – Trần Thị Huệ (2022), *Giáo trình luật dân sự Việt Nam tập 2*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội
2. Bộ luật Dân sự năm 2015.
3. Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm nghĩa vụ dân sự.

10.2. Tài liệu tham khảo

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CDR của HP
------------	--------------------	----------	------------

Tiết 1 - 5	Vấn đề 1. Khái quát chung về giao dịch bảo đảm 1.1. Khái niệm và đặc điểm của giao dịch bảo đảm 1.2. Các biến thể của giao dịch bảo đảm 1.3. Các loại quyền của bên nhận bảo đảm trong giao dịch bảo đảm 1.4. Đối tượng để bảo đảm và đối tượng được bảo đảm 1.5. Chủ thể trong giao dịch bảo đảm 1.6. Khái quát hệ thống pháp luật về giao dịch bảo đảm	1,2	CO1,CO7
Tiết 6 - 8	Vấn đề 2. Tài sản bảo đảm và xử lý tài sản bảo đảm 2.1 Tài sản bảo đảm 2.2 Xử lý tài sản bảo đảm	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 9 - 12	Vấn đề 3. Xác lập, thực hiện và chấm dứt giao dịch bảo đảm 3.1 Xác lập giao dịch bảo đảm 3.2 Thực hiện giao dịch bảo đảm 3.3 Chấm dứt giao dịch bảo đảm	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 13 – 17	Vấn đề 4. Đăng kí giao dịch bảo đảm 4.1 Khái quát về đăng ký giao dịch bảo đảm 4.2 Hệ thống cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm 4.3 Các trường hợp đăng ký giao dịch	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

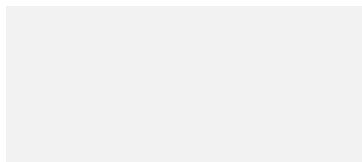
	<p>bảo đảm</p> <p>4.4 Phân loại đăng ký giao dịch bảo đảm</p>		
Tiết 18-27	<p>Vấn đề 5. Các giao dịch bảo đảm đặc thù</p> <p>5.1 Thế chấp dự án bất động sản và nhà ở hình thành trong tương lai</p> <p>5.2 Thế chấp quyền tài sản</p> <p>5.3 Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất</p> <p>5.4 Thế chấp hàng hoá luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh</p> <p>5.5 Bảo lãnh trong dân sự và trong hoạt động tín dụng ngân hàng</p>	1,2	<p>CO1,CO2,CO3</p> <p>CO4,CO5,CO6</p> <p>CO7</p>
Tiết 28 - 29	<p>Vấn đề 6. Giải quyết tranh chấp về giao dịch bảo đảm</p> <p>6.1 Nhận diện các dạng tranh chấp về giao dịch bảo đảm</p> <p>6.2 Các loại chứng cứ có giá trị chứng minh quyền trong giao dịch bảo đảm</p> <p>6.3 Trình tự giải quyết tranh chấp</p> <p>6.4 Lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp trong giao dịch bảo đảm.</p>	1,2	<p>CO1,CO2,CO3</p> <p>CO4,CO5,CO6</p> <p>CO7</p>
Tiết 30	Ôn tập kết thúc môn		

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giảng viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

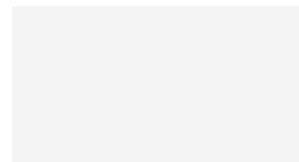
Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Luật Kinh doanh bất động sản

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã học phần: 0101000691

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	15	5	5	5	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Luật đất đai

Học phần học trước: Pháp luật dân sự 1, Luật dân sự 2

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Hiểu và phân tích được quy định pháp luật về kinh doanh bất động sản để giải quyết các vấn đề trong các hoạt động kinh doanh bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản.

M2: Hiểu kiến thức về sự điều chỉnh hoạt động kinh doanh bất động sản

M3: Hiểu kiến thức pháp luật kinh doanh bất động sản như: kinh doanh nhà và công trình xây dựng, kinh doanh quyền sử dụng đất, kinh doanh dịch vụ bất động sản, quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bất động sản.

M4: Hiểu kiến thức pháp luật về các loại hợp đồng trong kinh doanh bất động sản

M5: Xác định được các quy định chung về kinh doanh bất động sản và các điều kiện kinh doanh bất động sản

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M6: Biết khả năng đàm phán các hợp đồng và tình huống tranh chấp trong hoạt động kinh doanh bất động sản; Tự tin và biết khả năng thuyết trình trước đám đông, lắng nghe ý kiến đóng góp và thảo luận của lãnh đạo và các thành viên khác trong công việc

M7: Áp dụng kiến thức đã học về các loại hợp đồng kinh doanh bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản để có thể tham gia vào quá trình đàm phán, tư vấn, soạn thảo hợp đồng trong các giao dịch bất động sản.

M8: Bước đầu có kỹ năng tư vấn pháp luật về giao dịch liên quan đến kinh doanh bất động sản

- Kỹ năng mềm

M9: Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp.

M10: Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M11: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M12: Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;

M13: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;

M14: Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.4. Về thái độ

M15: Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật;

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
0101000691	Luật kinh doanh bất động sản	0	0	3	0	0	3	2	2	2	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3 MT4 MT5	CO1	Hiểu, đánh giá, phân tích được các quy định chung của Luật kinh doanh bất động sản, các quy định về quyền và nghĩa vụ của chủ thể kinh doanh bất động sản, điều kiện kinh doanh bất động sản nói chung	PO3
Kỹ năng			
MT6	CO2	Cập nhật được các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực kinh doanh bất động sản	PO6
MT7	CO3	Có khả năng vận dụng pháp luật để giải quyết được các tình huống phát sinh trong thực tiễn có liên quan đến các vấn đề về kinh doanh bất động sản	PO7
MT8	CO4	Bước đầu có khả năng tư vấn pháp luật có liên quan đến các quy định chung của luật kinh doanh bất động sản	PO8
MT9 MT10	CO5	Có khả năng tranh luận, lập luận để bảo vệ quan điểm của mình, có khả năng đánh giá, phê phán, có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có kỹ năng tự cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu.	PO9,11,12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT11 MT12 MT13 MT14	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	PO15, PO16, PO17, PO18
MT15	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong	PO19

		nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3,CO4,CO5,CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
-----------	--------------	-------------------	------------	-------------

Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1 Tài liệu chính

[1] Trần Quang Huy, *Giáo trình Luật đất đai*, NXB Công an nhân dân, 2021

[2] Luật Nhà ở năm 2014

[3] Luật kinh doanh bất động sản năm 2014

10.2 Tài liệu tham khảo khác

[4] Nguyễn Minh Oanh (chủ biên), Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Quang Hợi, *Bình luận Luật nhà ở 2014*, NXB Lao Động, 2018

[5] Lê Minh Hùng, *Hình thức của hợp đồng*, NXB Hồng Đức, 2015

[6] Doãn Hồng Nhung (chủ biên), Nguyễn Thị Hồng Hạnh, *Pháp luật về môi giới bất động sản ở Việt Nam*, NXB tư pháp, 2019

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CDR của HP
Tiết 1-5	<p>Chương 1. Tổng quan thị trường bất động sản và pháp luật kinh doanh bất động sản</p> <p>I. Bất động sản</p> <p>1. Khái niệm.</p> <p>2. Phân loại.</p> <p>3. Đặc điểm.</p> <p>4. Điều kiện để BĐS trở thành hàng hoá trên thị trường</p>	1,3	CO1, CO7

	<p>II. Tổng quan thị trường bất động sản</p> <p>1. Khái quát về sự ra đời thị trường bất động sản</p> <p>2. Khái niệm và đặc điểm thị trường bất động sản 2.1. Khái niệm</p> <p>2.2. Phân loại thị trường bất động sản.</p> <p>2.3. 2.4. Vai trò của thị trường bất động sản.</p> <p>2.5. Quan điểm và định hướng phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam</p> <p>III. Pháp luật kinh doanh bất động sản.</p> <p>1. Khái niệm và đặc điểm của pháp luật kinh doanh bất động sản</p> <p>2. Lịch sử hình thành và phát triển pháp luật kinh doanh bất động sản</p> <p>3. Nguồn luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh bất động sản</p>		
<p>Tiết 6-10</p>	<p>Chương 2. Hoạt động kinh doanh bất động sản.</p> <p>I. Những vấn đề pháp lý chung về kinh doanh bất động sản</p> <p>1. Khái niệm kinh doanh bất động sản.</p> <p>2. Nguyên tắc kinh doanh bất động sản</p> <p>3. Các hành vi bị cấm trong KDBĐS</p> <p>4. Các hoạt động cụ thể trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản.</p> <p>5. Chủ thể kinh doanh bất động sản</p> <p>6. Yêu cầu đối với dự án đầu tư bất động sản để kinh doanh</p> <p>7. Trách nhiệm của chủ đầu tư dự án kinh doanh bất động sản</p>	<p>1,3,5</p>	<p>CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7</p>

	<p>II. Một số nội dung cơ bản trong các hợp đồng giao dịch bất động sản.</p> <p>1. Giá mua bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê mua bất động sản</p> <p>2. Thanh toán trong giao dịch bất động sản</p> <p>3. Công chứng hợp đồng kinh doanh bất động sản.</p> <p>4. Thời điểm có hiệu lực của hợp đồng</p>		
<p>Tiết 10-15</p>	<p>Chương 3. Kinh doanh bất động sản có sẵn</p> <p>I. Kinh doanh bất động sản có sẵn</p> <p>1. Khái niệm, phân loại bất động sản có sẵn.</p> <p>2. Nhà ở, công trình xây dựng.</p> <p>3. Dự án bất động sản</p> <p>4. Quyền sử dụng đất.</p> <p>II. Các hoạt động kinh doanh bất động sản có sẵn.</p> <p>1. Mua bán nhà, công trình xây dựng.</p> <p>2. Cho thuê nhà, công trình xây dựng</p> <p>3. Thuê mua nhà, công trình xây dựng.</p> <p>4. Chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại QSDĐ.</p> <p>5. Chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ DABĐS.</p>	1,2,3,4	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
<p>Tiết 16-20</p>	<p>Chương 4. Kinh doanh bất động sản hình thành trong tương lai.</p> <p>I. Bất động sản hình thành trong tương lai</p> <p>1. Khái niệm, phân loại, đặc điểm bất động sản hình thành trong tương lai.</p> <p>2. Điều kiện của bất động sản hình thành trong tương lai được đưa vào kinh doanh</p> <p>II. Những quy định pháp luật về bất động sản hình thành trong tương lai.</p>	1,2,4	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	<p>1. Bảo lãnh trong bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai</p> <p>2. Thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở và thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai</p> <p>III. Hợp đồng mua bán thuê nhà ở hình thành trong tương lai</p> <p>3. Nghĩa vụ cung cấp thông tin tiến độ đầu tư xây dựng, việc sử dụng tiền ứng trước và kiểm tra thực tế tại công trình</p> <p>1. Điều khoản thanh toán trong mua bán, thuê mua bất động sản hình thành trong tương lai</p> <p>2. Chuyển nhượng HĐMB, thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai.</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch nhà ở hình thành trong tương lai.</p> <p>4. Thời điểm chuyển quyền sở hữu.</p> <p>5. Điều khoản về phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại.</p>		
Tiết 21-25	<p>Chương 5. Kinh doanh dịch vụ bất động sản</p> <p>I. Khái quát về dịch vụ bất động sản</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Đặc điểm</p> <p>II. Các loại hình dịch vụ bất động sản</p> <p>1. Môi giới bất động sản. 2. Sàn giao dịch bất động sản.</p> <p>3. Tư vấn bất động sản</p> <p>4. Quản lý bất động sản</p> <p>III. Các loại hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản.</p> <p>1. Hợp đồng môi giới bất động sản.</p> <p>2. Hợp đồng tư vấn bất động sản</p> <p>3. Hợp đồng quản lý bất động sản</p>	1,3,5	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

Tiết 25-30	ÔN TẬP KIỂM TRA	1,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
-----------------------------	----------------------------------	-----	--------------------------------

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Luật Thương mại quốc tế

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã học phần: 101000707

Số tín chỉ: 03

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	
T = Bài tập					
P = Thực hành	25	10	0	10	30+60=90
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Luật Thương mại 2;

Học phần học trước: Luật Thương mại 2;

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Nêu và phân tích được những vấn đề lý luận chung về Luật Thương mại quốc tế như khái niệm thương mại quốc tế và luật thương mại quốc tế, chủ thể, nguồn của luật thương mại quốc tế

M2: Xác định được các thiết chế cơ bản điều chỉnh thương mại quốc tế

M3: Nêu và phân tích được các nguyên tắc cơ bản của WTO và các quy định cơ bản của WTO về thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ.

M4 : Nêu và phân tích được những vấn đề lý luận về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế đồng thời xác định được pháp luật điều chỉnh những vấn đề liên quan đến hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế.

M5 : Nêu và phân tích được các phương thức giải quyết tranh chấp trong thương mại quốc tế giữa các thương nhân;

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M6: Thành thạo một số kỹ năng tìm kiếm và sử dụng các quy định của Luật thương mại quốc tế để giải quyết những tình huống cơ bản, điển hình trong các quan hệ thương mại quốc tế;

M7: Giúp người học bước đầu có khả năng áp dụng pháp luật thương mại quốc tế để tư vấn pháp luật và bảo vệ quyền lợi của mình khi thực hiện các Hợp đồng thương mại quốc tế;

M8: Phát triển kỹ năng lập luận, góp ý xây dựng pháp luật trong lĩnh vực thương mại quốc tế; khả năng lập luận, tranh luận bảo vệ quan điểm của mình; có khả năng phản biện, phê phán; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình.

- Kỹ năng mềm

M9: Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp.

M10: Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M11: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M12: Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;

M13: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;

M14: Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.4. Về thái độ

M15: Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật;

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
	Luật Thương mại quốc tế	0	0	0	3	0	2	2	2	2	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3 MT4 MT5	CO1	Nêu và phân tích được những vấn đề lý luận chung về Luật Thương mại quốc tế như khái niệm thương mại quốc tế và luật thương mại quốc tế, chủ thể, nguồn của luật thương mại quốc tế; Xác định được các thiết chế cơ bản điều chỉnh thương mại quốc tế; Nêu và phân tích được các nguyên tắc cơ bản của WTO và các quy định cơ bản của WTO về thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ; Nêu và phân tích được những vấn đề lý luận về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế đồng thời xác định được pháp luật điều chỉnh những vấn đề liên quan đến hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế; Nêu và phân tích được các phương thức giải quyết tranh chấp trong thương mại quốc tế giữa các thương nhân;	PO4
Kỹ năng			
MT6	CO2	Thành thạo một số kỹ năng tìm kiếm và sử dụng các quy định của Luật thương mại quốc tế để giải quyết những tình huống cơ bản, điển hình trong các quan hệ thương mại quốc tế;	PO4
MT7	CO3	Giúp người học bước đầu có khả năng áp dụng pháp luật thương mại quốc tế để tư vấn pháp luật và bảo vệ quyền lợi của mình khi thực hiện các Hợp đồng thương mại quốc tế;	PO6, PO7

MT8	CO4	Phát triển kỹ năng lập luận, góp ý xây dựng pháp luật trong lĩnh vực thương mại quốc tế; khả năng lập luận, tranh luận bảo vệ quan điểm của mình; có khả năng phản biện, phê phán; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình.	PO7
MT9 MT10	CO5	Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp. Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;	PO8, PO9
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT11 MT12 MT13 MT14	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	PO11,PO12, PO15
MT15	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	PO16,PO17, PO18, PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận và thực tiễn về pháp luật trong lĩnh vực thương mại quốc tế, gồm 4 nhóm nội dung cơ bản: Các vấn đề có tính lý luận về luật thương mại quốc tế; Các quy định nền tảng của WTO về các lĩnh vực thương mại hàng hoá, dịch vụ; Các vấn đề lý luận pháp lý và thực tiễn về những giao dịch hợp đồng thương mại quốc tế quan trọng, như hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế, hợp đồng vận tải quốc tế, hợp đồng bảo hiểm quốc tế, hợp đồng chuyển giao công nghệ quốc tế. Đồng thời cũng cung cấp các kiến thức cần thiết về những vấn đề như thanh toán, tín dụng quốc tế, thương mại điện tử quốc tế; Các vấn đề lý luận và thực tiễn về các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế như thương lượng, hoà giải, trọng tài, toà án.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1

Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3,CO4,CO5,CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Trường Đại học Luật TPHCM (2022), *Giáo trình Luật thương mại quốc tế*

(Phần I), NXB. Hồng Đức

2. Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), *Giáo trình Luật thương mại quốc tế*, NXB.CAND, Hà Nội

3. Các Hiệp định của WTO

4. Công ước Viên 1980

5. Incoterms 2010, 2020

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình Pháp Luật về giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế*, NXB. Tư pháp

2. Trường Đại học Luật TPHCM (2020), *Giáo trình Tư pháp quốc tế*, NXB. Hồng Đức

3. Nguyễn Ngọc Lâm (2014), *Giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế : Nhận dạng tranh chấp, biện pháp ngăn ngừa và phương pháp giải quyết (Sách chuyên khảo)*, NXB. Hồng Đức

4. Tô Bình Minh (2020), *Incoterms 2020 – Giải thích và hướng dẫn sử dụng thực tiễn và lưu ý khi sử dụng thông qua các tranh chấp phổ biến*, NXB. H. Tài Chính

5. Võ Thanh Thu (2011), *Hỏi và đáp về Incoterms 2010*, NXB. TPHCM

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CDR của HP
Tiết 1-8	Vấn đề 1. Một số vấn đề lý luận về Luật thương mại quốc tế 1. Khái niệm thương mại quốc tế và luật thương mại quốc tế 2. Chủ thể của thương mại quốc tế 3. Nguồn của luật thương mại quốc tế	1,3,4	CO1,CO7
Tiết 9-15	Vấn đề 2. Nguyên tắc cơ bản của WTO 1. Nguyên tắc tối huệ quốc 2. Nguyên tắc đối xử quốc gia 3. Nguyên tắc mở cửa thị	1,3,4	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	<p>trường</p> <p>4. Nguyên tắc minh bạch</p> <p>5. Nguyên tắc thương mại công bằng</p>		
Tiết 15-22	<p>Vấn đề 3. Pháp luật điều chỉnh một số lĩnh vực của thương mại quốc tế</p> <p>1. Các quy định cơ bản về thương mại hàng hoá</p> <p>1.1 Thuế quan</p> <p>1.2 Các quy định về nông nghiệp và nông sản</p> <p>1.3 Các quy định về tiêu chuẩn và an toàn sản phẩm</p> <p>1.4 Các rào cản phi thuế quan</p> <p>1.5 Các quy định về các biện pháp phòng vệ thương mại</p> <p>2. Các quy định cơ bản về thương mại dịch vụ</p> <p>2.1 Khái niệm về dịch vụ và thương mại dịch vụ quốc tế</p> <p>2.2 Cấu trúc của Hiệp định GATS</p>	1,3,4	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 22-35	<p>Vấn đề 4. Hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế</p> <p>1. Khái quát chung về Hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế</p> <p>2. Công ước Viên 1980 của Liên hợp quốc về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế</p> <p>3. Các điều kiện cơ sở giao</p>	2,3,5,6	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

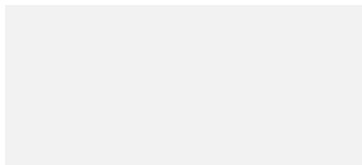
	hàng trong mua bán hàng hoá quốc tế theo Incoterms 4. Pháp luật Việt Nam điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế		
Tiết 36-43	Vấn đề 5. Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các thương nhân 1. Thương lượng 2. Hoà giải 3. Toà án quốc gia 4. Trọng tài thương mại	2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 43-45	Ôn tập	1,2,3,4,5,6	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

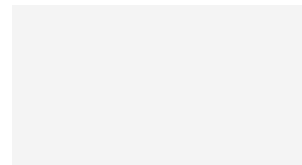
Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Luật Đầu tư

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã học phần: 0101000681

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	20	0	0	15	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Luật Thương mại 1&2

Học phần học trước: Luật Thương mại 1&2

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Có những hiểu biết toàn diện về hoạt động đầu tư và pháp luật về đầu tư trong nền kinh tế thị trường; Nắm được cách thức thực hiện quy trình, thủ tục đầu tư và triển khai dự án đầu tư;

M2: Hiểu rõ quy định về các biện pháp bảo đảm, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư, đối tượng và phạm vi áp dụng các biện pháp đó;

M3: Nhận biết đầy đủ về quy chế pháp lý các khu kinh tế đặc biệt;

M4: Hiểu biết các quy định cơ bản về đầu tư theo hợp đồng; Nắm được những nội

dung cơ bản của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài.

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M5: Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong môi quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề của luật đầu tư;

M6: Thành thạo một số kỹ năng tìm, tra cứu và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn đầu tư;

M7: Vận dụng kiến thức đã học để có thể tư vấn lựa chọn hình thức đầu tư phù hợp; Vận dụng kiến thức đã học để có thể tư vấn quy trình, thủ tục, triển khai hoạt động đầu tư; Có kỹ năng bình luận, đánh giá các quy định pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng.

- Kỹ năng mềm

M8: Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp.

M9: Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M10: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M11: Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;

M12: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;

M13: Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.4. Về thái độ

M14: Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật;

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
010100	Luật	0		0	3	0	2	2	3	2	0

Luật Đầu tư	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19
	2	2	0	0	2	2	3	2	2

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3 MT4	CO1	Có những hiểu biết toàn diện về hoạt động đầu tư và pháp luật về đầu tư trong nền kinh tế thị trường; Nắm được cách thức thực hiện quy trình, thủ tục đầu tư và triển khai dự án đầu tư; Hiểu rõ quy định về các biện pháp bảo đảm, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư, đối tượng và phạm vi áp dụng các biện pháp đó;	PO4
Kỹ năng			
MT5	CO2	Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề của luật đầu tư;	PO6
MT6	CO3	Thành thạo một số kỹ năng tìm, tra cứu và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn đầu tư;	PO7
MT7	CO4	Vận dụng kiến thức đã học để có thể tư vấn lựa chọn hình thức đầu tư phù hợp; Vận dụng kiến thức đã học để có thể tư vấn quy trình, thủ tục, triển khai hoạt động đầu tư; Có kỹ năng bình luận, đánh giá các quy định pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng.	PO8,9
MT8 MT9	CO5	Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp; Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;	PO11,12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT10 MT11 MT12 MT13	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề	PO15, PO16, PO17, PO18

		ngành; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	
MT14	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật;	PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Luật học so sánh là học phần cung cấp những kiến thức liên quan đến hệ thống pháp luật nước ngoài, từ đó phân tích, vận dụng và so sánh các hệ thống quốc gia trên thế giới. Đặc biệt, nguồn gốc, sự hình thành và sự ảnh hưởng của các nguồn luật khác nhau.

Khái quát và vai trò của luật so sánh; Một số vấn đề liên quan đến hoạt động nghiên cứu pháp luật nước ngoài; Các hệ thống pháp luật thế giới chủ yếu; Pháp luật Anh; Pháp luật nước Pháp; Pháp luật hợp chủng quốc Hoa Kỳ.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3, CO4, CO5, CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.

- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Đoàn Trung Kiên (2009), *Giáo trình luật đầu tư*, Nxb Giáo dục.
2. Luật Đầu tư năm 2020

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Luật Doanh nghiệp năm 2020.

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CDR của HP
Tiết 1-3	<p>Vấn đề 1: Những vấn đề chung về luật đầu tư</p> <p>1.1. Khái quát về đầu tư</p> <p>1.1.1. Khái niệm đầu tư</p> <p>1.1.2. Phân loại đầu tư</p> <p>1.1.3. Các hình thức đầu tư</p> <p>1.2. Khái quát về pháp luật đầu tư</p>	1,2,3	CO1, CO7

	<p>1.2.1. Khái niệm pháp luật đầu tư</p> <p>1.2.2. Đối tượng điều chỉnh của pháp luật đầu tư</p> <p>1.2.3. Phương pháp điều chỉnh của pháp luật đầu tư</p>		
Tiết 4-6	<p>Vấn đề 2: Pháp luật về thủ tục đầu tư</p> <p>2.1. Khái quát về dự án đầu tư</p> <p>2.1.1. Khái niệm và đặc điểm dự án đầu tư</p> <p>2.1.2. Phân loại dự án đầu tư</p> <p>2.2. Nội dung cơ bản của quy trình, thủ tục đầu tư và triển khai dự án đầu tư</p> <p>2.2.1. Chuẩn bị đầu tư</p> <p>2.2.2. Thủ tục đầu tư</p> <p>2.2.3. Triển khai dự án đầu tư</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 7-10	<p>Vấn đề 3: Pháp luật về các biện pháp bảo đảm, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư</p> <p>3.1. Bảo đảm đầu tư</p> <p>3.1.1. Những vấn đề chung về biện pháp bảo đảm đầu tư</p> <p>3.1.2. Nội dung các biện pháp bảo đảm đầu tư</p> <p>3.2. Ưu đãi đầu tư</p> <p>3.2.1. Những vấn đề chung về biện pháp ưu đãi đầu tư</p> <p>3.2.2. Nội dung các biện pháp ưu đãi đầu tư</p> <p>3.3. Hỗ trợ đầu tư</p> <p>3.3.1. Những vấn đề chung về biện pháp hỗ trợ đầu tư</p> <p>3.3.2. Nội dung các biện pháp hỗ trợ đầu tư</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

Tiết 11 – 15	<p>Vấn đề 4: Pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư vào các tổ chức kinh tế</p> <p>4.1. Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế</p> <p>4.1.1. Khái niệm, đặc điểm của đầu tư thành lập tổ chức kinh tế</p> <p>4.1.2. Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ</p> <p>4.1.3. Thủ tục đầu tư thành lập tổ chức kinh tế</p> <p>4.2. Đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế</p> <p>4.2.1. Khái niệm, đặc điểm của hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế</p> <p>4.2.2. Hình thức và điều kiện góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế</p> <p>4.2.3. Thủ tục đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 16- 19	<p>Vấn đề 5: Pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư theo hợp đồng</p> <p>5.1. Đầu tư theo hình thức hợp đồng đối tác công tư (hợp đồng PPP)</p> <p>5.1.1. Khái niệm, đặc điểm hợp đồng PPP</p> <p>5.1.2. Các loại hợp đồng PPP</p> <p>5.1.3. Thủ tục đầu tư theo hợp đồng PPP</p> <p>5.2. Đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh (hợp đồng BCC)</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	<p>5.2.1. Khái niệm, đặc điểm hợp đồng BCC</p> <p>5.1.2. Nội dung hợp đồng BCC</p> <p>5.1.3. Thủ tục đầu tư theo hợp đồng BCC</p>		
Tiết 20-23	<p>Vấn đề 6: Pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư vào các khu kinh tế đặc biệt</p> <p>6.1. Sự hình thành, phát triển các khu kinh tế đặc biệt</p> <p>6.2. Khái niệm và đặc điểm của các khu kinh tế đặc biệt</p> <p>6.2.1. Khu công nghiệp</p> <p>6.2.2. Khu chế xuất</p> <p>6.2.3. Khu công nghệ cao</p> <p>6.2.4. Khu kinh tế</p> <p>6.3. Những quy định cơ bản về hoạt động đầu tư vào các khu kinh tế đặc biệt</p> <p>6.3.1. Quy định về nhà đầu tư</p> <p>6.3.2. Quy định về các doanh nghiệp hoạt động tại các khu kinh tế đặc biệt</p> <p>6.3.3. Quy định về lĩnh vực đầu tư</p> <p>6.3.4. Quy định về thủ tục đầu tư</p> <p>6.3.5. Quy định về ưu đãi đầu tư</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 24-26	<p>Vấn đề 7: Pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư ra nước ngoài</p> <p>7.1. Khái quát về hoạt động đầu tư ra nước ngoài</p> <p>7.2. Những nội dung cơ bản của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài</p>	1,2,3	

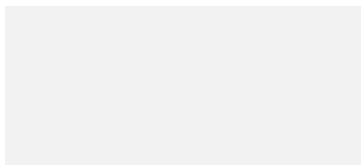
Tiết 28-30	Ôn tập kết thúc môn; kiểm tra	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
-------------------	--------------------------------------	-------	--------------------------------

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

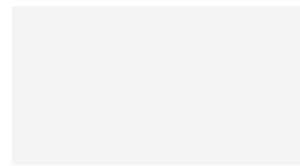
Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Hợp đồng trong hoạt động thương mại

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã học phần: 0101001284

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	20	0	10	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Luật dân sự 2, Luật Thương mại 2.

Học phần học trước: Luật dân sự 1, 2, Luật Thương mại 1, 2

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Có hiểu biết tổng quát về hợp đồng thương mại và pháp luật về hợp đồng thương mại.

M2: Xác định được những đặc trưng pháp lý, nội dung cơ bản của các hợp đồng mua bán hàng hoá qua sở giao dịch hàng hoá, bán hàng đa cấp, mua bán doanh nghiệp, nhượng quyền thương mại, dịch vụ pháp lý, thành lập công ty, hợp tác kinh doanh.

M3: Nhận diện được những quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên trong quan hệ hợp đồng đối với từng loại hợp đồng.

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M4: Có khả năng cập nhật, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật trong lĩnh vực dân sự, thương mại; Phân tích, bình luận, đánh giá được các quy định của pháp luật về nghĩa vụ và Hợp đồng trong hoạt động thương mại.

M5: Vận dụng được các quy định của pháp luật về nghĩa vụ dân sự, hợp đồng, nghĩa vụ ngoài hợp đồng cũng như trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế.

M6: Vận dụng những kiến thức pháp luật, kiến thức thực tế về hoạt động thương mại để tư vấn, soạn thảo hiệu quả các hợp đồng thương mại

- Kỹ năng mềm

M7: Hình thành kỹ năng phản biện, lập luận; kỹ năng tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân.

M8: Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M9: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

M10: Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp.

M11: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.

M12: Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.4. Về thái độ

M13: Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
0101001284	Hợp đồng trong hoạt động thương mại	0	0	3	0	0	3	2	3	2	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3	CO1	Hiểu, đánh giá, phân tích được các quy định của các quy định về hợp đồng, quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng kinh doanh thương mại	PO3
Kỹ năng			
MT4	CO2	Cập nhật được các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực luật dân sự	PO6
MT5	CO3	Vận dụng được các quy định của pháp luật về Hợp đồng trong hoạt động thương mại để giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế.	PO7
MT6	CO4	Bước đầu hình thành kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng; kỹ năng tư vấn pháp luật về Hợp đồng trong hoạt động thương mại	PO8
MT7 MT8	CO5	Có khả năng tranh luận, lập luận để bảo vệ quan điểm của mình, có khả năng đánh giá, phê phán, có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có kỹ năng tự cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu.	PO9,11,12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT19 MT10 MT11 MT12	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	PO15, PO16, PO17, PO18
MT13	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hợp đồng trong hoạt động kinh doanh thương mại bao gồm: Những vấn đề chung về hợp đồng; Các chế độ về việc giao kết, thực hiện, sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hợp đồng; Giới thiệu một số hợp đồng thông dụng trong kinh doanh như mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ, nhượng quyền thương mại, bán hàng đa cấp, mua bán doanh nghiệp.... đồng thời cung cấp cho sinh viên những kiến thức về vấn đề Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng và giải quyết tranh chấp hợp đồng trong hoạt động kinh doanh thương mại.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3, CO4, CO5, CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa

Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Phạm văn Tuyết – Trần Thị Huệ (2022), *Giáo trình luật dân sự Việt Nam tập 2*, Nxb. Công an nhân dân, Tư pháp.
2. Nguyễn Thị Dung (2022), *Pháp luật về hợp đồng trong thương mại và đầu tư những vấn đề pháp lý cơ bản*, NXB Chính trị QGST
3. Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành
4. Luật Thương mại 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành

10.2. Tài liệu tham khảo

1. TS. Lê Minh Hùng (2015), *Hiệu lực của hợp đồng (sách chuyên khảo)*, NXB. Hồng Đức;
2. TS. Lê Minh Hùng (2015), TS. Lê Minh Hùng (2015), *Hiệu lực của hợp đồng (sách chuyên khảo)*, NXB. Hồng Đức;

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CDR của HP
Tiết 1-6	<p>Chương 1: Tổng quan pháp luật về hợp đồng thương mại và pháp luật về hợp đồng thương mại</p> <p>1.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại hợp đồng thương mại</p> <p>1.2. Pháp luật điều chỉnh quan hệ hợp đồng thương mại</p> <p>1.2.1. Khái quát về sự thống</p>	1,2,3,4	CO1, CO7

	<p>nhất pháp luật về hợp đồng trong pháp luật Việt Nam</p> <p>1.2.2. Pháp luật về giao kết hợp đồng thương mại</p> <p>1.2.2.1. Chủ thể và đại diện giao kết hợp đồng thương mại</p> <p>1.2.2.2. Thời điểm hình thành và có hiệu lực của hợp đồng thương mại</p> <p>1.2.2.3. Hợp đồng thương mại vô hiệu</p> <p>1.2.3. Pháp luật về thực hiện hợp đồng thương mại</p> <p>1.2.3.1. Nguyên tắc thực hiện hợp đồng thương mại</p> <p>1.2.3.2. Điều khoản thường lệ trong hợp đồng thương mại</p>		
Tiết 7-12	<p>Chương 2: Hợp đồng mua bán hàng hoá qua sở giao dịch hàng hoá</p> <p>2.1. Khái quát về mua bán hàng hoá qua sở giao dịch hàng hoá và pháp luật điều chỉnh hoạt động mua bán hàng hoá qua sở giao dịch ở Việt Nam và một số nước trên thế giới</p> <p>2.1.1. Khái quát về mua bán hàng hoá qua sở giao dịch hàng hoá</p> <p>2.1.2. Khái quát pháp luật điều chỉnh hoạt động mua bán hàng hoá qua sở giao dịch hàng hoá ở Việt Nam và một số nước trên thế giới</p> <p>2.2. Khái niệm, đặc điểm các loại hợp đồng có liên quan đến hoạt động mua bán hàng hoá qua sở giao dịch hàng hoá</p> <p>2.2.1. Khái niệm, đặc điểm hợp đồng kì hạn</p> <p>2.2.2. Khái niệm, đặc điểm</p>	1,2,3,4	CO1, CO2, CO3, CO4 CO5, CO6, CO7

	<p>hợp đồng quyền chọn</p> <p>2.2.3. Khái niệm, đặc điểm hợp đồng môi giới và hợp đồng uỷ thác giao dịch</p> <p>2.3. Nội dung cơ bản của các hợp đồng có liên quan đến hoạt động mua bán hàng hoá qua sở giao dịch hàng hoá</p> <p>2.3.1. Nội dung hợp đồng kì hạn</p> <p>2.3.2. Nội dung hợp đồng quyền chọn</p> <p>2.3.3. Nội dung hợp đồng môi giới và hợp đồng uỷ thác giao dịch</p>		
Tiết 13-15	<p>Chương 3. Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp</p> <p>3.1. Khái quát về bán hàng đa cấp và pháp luật về bán hàng đa cấp</p> <p>3.2. Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp</p>	1,2,3,4	CO1, CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 16-18	<p>Chương 4: Hợp đồng mua bán doanh nghiệp</p> <p>4.1. Khái quát về mua bán doanh nghiệp và pháp luật về mua bán doanh nghiệp ở Việt Nam và một số nước trên thế giới</p> <p>4.2. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng mua bán doanh nghiệp</p> <p>4.3. Nội dung cơ bản của hợp đồng mua bán doanh nghiệp</p>	1,2,3,4	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 19-21	<p>Chương 5: Hợp đồng nhượng quyền thương mại</p> <p>5.1. Khái quát về nhượng quyền thương mại và pháp luật về nhượng quyền thương mại ở Việt Nam và một số nước trên thế giới</p>	1,2,3,4	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	<p>5.2. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng nhượng quyền thương mại</p> <p>5.3. Nội dung cơ bản của hợp đồng nhượng quyền thương mại</p>		
Tiết 22-24	<p>Chương 6: Hợp đồng dịch vụ pháp lý cho doanh nghiệp</p> <p>6.1. Khái quát về dịch vụ pháp lý và pháp luật về dịch vụ pháp lý ở Việt Nam và một số nước trên thế giới</p> <p>6.2. Khái niệm, đặc điểm, các loại hợp đồng dịch vụ pháp lý cho doanh nghiệp</p> <p>6.3. Nội dung cơ bản của hợp đồng dịch vụ pháp lý cho doanh nghiệp</p>	1,2,3,4	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 25-27	<p>Chương 7: Hợp đồng thành lập công ty</p> <p>7.1. Khái quát thoả thuận thành lập công ty và hợp đồng thành lập công ty trong pháp luật Việt Nam và một số nước trên thế giới</p> <p>7.1.1. Thoả thuận thành lập công ty theo quan điểm của pháp luật thế giới (Anh-Mỹ)</p> <p>7.1.2. Thoả thuận thành lập công ty theo quan điểm của pháp luật Việt Nam</p> <p>7.2. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng thành lập công ty</p> <p>7.2.1. Khái niệm hợp đồng thành lập công ty</p> <p>7.2.2. Đặc điểm của hợp đồng thành lập công ty</p> <p>7.2.3. Hiệu lực của hợp đồng thành lập công ty</p> <p>7.3. Nội dung cơ bản của hợp</p>	1,2,3,4	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

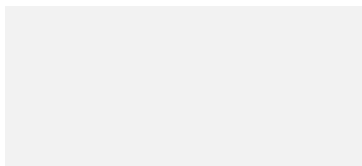
	<p>đồng thành lập công ty</p> <p>7.3.1. Điều khoản về loại hình và tên công ty</p> <p>7.3.2. Điều khoản về ngành nghề kinh doanh</p> <p>7.3.3. Điều khoản về tài sản góp vốn và góp vốn</p> <p>7.3.4. Điều khoản về cơ cấu quản trị công ty</p> <p>7.3.5. Một số điều khoản khác</p>		
Tiết 28-30	<p>Chương 8: Hợp đồng hợp tác kinh doanh</p> <p>8.1. Khái quát về hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam và một số nước trên thế giới</p> <p>8.2. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng hợp tác kinh doanh</p>	1,2,3,4	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

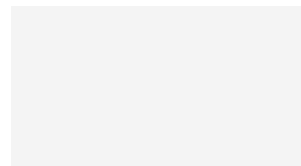
Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Luật Chứng khoán

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã học phần: 0101000744

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	15	5	0	10	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Luật Thương mại

Học phần học trước: Luật Thương mại

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Hiểu và nắm được một số khái niệm cơ bản trong lĩnh vực pháp luật chứng khoán; các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong khoa học luật chứng khoán;

M2: Nhận diện được bản chất, đặc thù của các quan hệ pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán;

M3: Nắm được nội dung cơ bản của các văn bản pháp luật hiện hành điều chỉnh trong lĩnh vực chứng khoán;

M4: Có được những kiến thức cơ bản về thực tiễn hoạt động chứng khoán;

M5: nắm vững và ứng dụng những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán và luật chứng khoán bằng hình thức tham gia đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán hoặc quản lý nhà nước về chứng khoán hoặc tham gia giải quyết các tranh chấp hợp đồng trong thị trường chứng khoán.

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M6: Thành thạo một số kỹ năng tìm kiếm và sử dụng các quy định của pháp luật chứng khoán để giải quyết những tình huống cơ bản, điển hình trong lĩnh vực chứng khoán;

M7: Phát triển kỹ năng lập luận, góp ý xây dựng pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán.

M8: Giúp cho người học có khả năng tư vấn pháp luật cho các chủ thể kinh doanh chứng khoán và các đối tượng khác để bảo vệ tốt quyền lợi của mình khi tham gia vào thị trường chứng khoán.

- Kỹ năng mềm

M9: Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp.

M10: Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M11: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M12: Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;

M13: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;

M14: Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.4. Về thái độ

M15: Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật;

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
	Luật	0	0	3	0	0	3	2	2	2	0
	Chứng khoán	PO11	PO1	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3 MT4 MT5	CO1	Hiểu và nắm được một số khái niệm cơ bản trong lĩnh vực pháp luật chứng khoán; các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong khoa học luật chứng khoán. Nhận diện được bản chất, đặc thù của các quan hệ pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán; Nắm được nội dung cơ bản của các văn bản pháp luật hiện hành điều chỉnh trong lĩnh vực chứng khoán;	PO3
Kỹ năng			
MT6	CO2	Thành thạo một số kỹ năng tìm kiếm và sử dụng các quy định của pháp luật chứng khoán để giải quyết những tình huống cơ bản, điển hình trong lĩnh vực chứng khoán.	PO6
MT7	CO3	Phát triển kỹ năng lập luận, góp ý xây dựng pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán.	PO7

MT8	CO4	Giúp cho người học có khả năng tư vấn pháp luật cho các chủ thể kinh doanh chứng khoán và các đối tượng khác để bảo vệ tốt quyền lợi của mình khi tham gia vào thị trường chứng khoán.	PO8
MT9 MT10	CO5	Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp. Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;	PO9,11,12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT11 MT12 MT13 MT14	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	PO15, PO16, PO17, PO18
MT15	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Luật Chứng khoán trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực pháp luật chứng khoán; các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong khoa học luật chứng khoán. Nhận diện được bản chất, đặc thù của các quan hệ pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán; Nắm được nội dung cơ bản của các văn bản pháp luật hiện hành điều chỉnh trong lĩnh vực chứng khoán

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức	Mục đích	CĐR của HP đạt được
-------------------------------	-----------------	----------------------------

tổ chức dạy học		
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3,CO4,CO5,CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4,	3

		Số buổi học tham dự bắt buộc.	CO5, CO6, CO7	7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Văn Tuyết (2014), *Giáo trình luật chứng khoán*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội;
2. Luật chứng khoán 2019;

10.2. Tài liệu tham khảo

3. Bộ luật dân sự Việt Nam năm 2015;
4. Luật thương mại Việt Nam năm 2005;
5. Luật doanh nghiệp năm 2020;
6. Nghị định 65/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 153/2020/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.
7. Nghị định 128/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 156/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.
8. Nghị định 153/2020/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.
9. Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
10. Nghị định 158/2020/NĐ-CP về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán

phái sinh.

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CDR của HP
Tiết 1-3	Chương 1: Khái niệm chứng khoán và luật chứng khoán 1.1. Những vấn đề lý luận về chứng khoán 1.2 Những vấn đề lý luận về luật chứng khoán 1. 1.3. Quá trình hình thành và phát triển của pháp luật chứng khoán	1,2	CO1,CO7
Tiết 4-6	Chương 2: Pháp luật về chào bán chứng khoán 2.1. Khái niệm chào bán chứng khoán 2.2. Hình thức và phương thức phân phối chứng khoán 2.3. Những quy định của pháp luật về chào bán chứng khoán	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 7-9	Chương 3: Pháp luật về tổ chức thị trường chứng khoán 3.1. Khái quát chung về thị trường chứng khoán 3.2. Nguyên tắc hoạt động và phân loại thị trường chứng khoán 3.3. Các thức tổ chức của thị trường chứng khoán	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	3.4. Hoạt động của thị trường giao dịch chứng khoán theo pháp luật Việt Nam		
Tiết 10-12	<p>Chương 4: Pháp luật về chủ thể kinh doanh chứng khoán</p> <p>4.1. Khái niệm, phân loại về chủ thể kinh doanh chứng khoán</p> <p>4.2. Ý nghĩa, vai trò của chủ thể hoạt động kinh doanh chứng khoán</p> <p>4.3. Chủ thể hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quy định pháp luật Việt Nam</p>	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 13-18	<p>Chương 5: Pháp luật về kinh doanh chứng khoán</p> <p>5.1. Khái quát về pháp luật kinh doanh chứng khoán</p> <p>5.2. Vai trò, ý nghĩa pháp luật về kinh doanh chứng khoán</p> <p>5.3. Pháp luật về kinh doanh chứng khoán</p>	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 19-21	<p>Chương 6. Pháp luật về Công ty đầu tư chứng khoán và quỹ đầu tư chứng khoán</p> <p>6.1. Khái niệm về công ty đầu tư chứng khoán và quỹ đầu tư chứng khoán</p> <p>6.2. Những quy định của pháp luật về công ty đầu tư chứng khoán và quỹ đầu tư chứng khoán.</p>	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

Tiết 22-24	<p>Chương 7. Pháp luật về quản lý nhà nước đối với thị trường chứng khoán</p> <p>7.1. Khái quát chung về quản lý nhà nước trong thị trường chứng khoán</p> <p>7.2. Vai trò, ý nghĩa quản lý nhà nước trong thị trường chứng khoán</p> <p>7.3. Cách thức quản lý của nhà nước trong thị trường chứng khoán</p>	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 25-27	<p>Chương 8. Xử lý vi phạm giải quyết tranh chấp pháp luật chứng khoán</p> <p>8.1. Khái quát về vi phạm pháp luật chứng khoán</p> <p>8.2. Các hình thức xử lý vi phạm pháp luật chứng khoán</p> <p>8.3. Khái quát về tranh chấp trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán</p> <p>8.4. Các phương thức giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 28-30	Ôn tập kết thúc môn	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

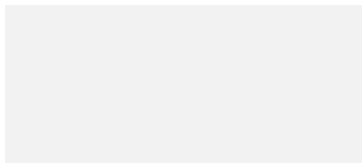
12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).

- Giảng viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

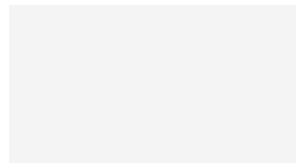
Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Pháp luật về thu hồi đất

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã học phần:

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	15	5	0	10	30+60=90

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Luật Đất đai

Học phần học trước: Luật Đất đai

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1. Sinh viên có kiến thức chung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

M2. Quá trình hình thành và phát triển của chế định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. ;

M3. Những quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

M4. Giúp sinh viên nắm được những quy định hiện hành của pháp luật về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

M5. Sinh viên phân biệt sự khác nhau giữa bồi thường với hỗ trợ và tái định cư; phân biệt giữa bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất với bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng với bồi thường Nhà nước;

M6. Xác định được thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

M7. Xác định những vướng mắc và những giải pháp hoàn thiện pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M8. Hình thành kỹ năng cập nhật, phân tích và đánh giá các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động thu hồi đất

M9. Hình thành và phát triển năng lực tư duy pháp lý; xây dựng kỹ năng tư vấn pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

M10. Xây dựng kỹ năng tư vấn, soạn thảo các mẫu đơn về khiếu nại, tố cáo và mẫu đơn đề nghị giải quyết tranh chấp về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; xây dựng kỹ năng giải quyết tranh chấp về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

- Kỹ năng mềm

M11. Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp.

M12. Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ; hình thành và phát triển kỹ năng vận dụng các kiến thức pháp luật vào việc xử lý những tình huống, vụ việc cụ thể trên thực tế.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M13. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M14. Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;

M15. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;

M16. Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.4. Về thái độ

M17. Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật;

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
	Tư pháp quốc tế	0	0	3	0	0	2	2	0	2	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3 MT4 MT5 MT6 MT7	CO1	<p>Giúp sinh viên có kiến thức chung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; đồng thời có thể phân biệt sự khác nhau giữa bồi thường với hỗ trợ và tái định cư; phân biệt giữa bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất với bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng với bồi thường Nhà nước.</p> <p>- Quá trình hình thành và phát triển của chế định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>- Những quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>- Những quy định hiện hành của pháp luật về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>- Những quy định hiện hành của pháp luật về khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm và giải quyết</p>	PO2, PO3

		<p>tranh chấp về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>- Những vướng mắc và những giải pháp hoàn thiện pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.</p>	
Kỹ năng			
MT8	CO2	- Hình thành kỹ năng cập nhật, phân tích và đánh giá các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động thu hồi đất	PO4
MT9	CO3	Hình thành và phát triển năng lực tư duy pháp lý, xây dựng kỹ năng tư vấn pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.	PO5
MT10	CO4	Phát triển kỹ năng lập luận, góp ý xây dựng pháp luật trong lĩnh vực thu hồi đất; khả năng lập luận, tranh luận bảo vệ quan điểm của mình; có khả năng phản biện, phê phán; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình.	PO6, PO7
MT11 MT12	CO5	Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp. Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;	PO9, PO10
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT13 MT14 MT15 MT16	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	PO13, PO14, PO15, PO16
MT17	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	PO17, PO18, PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức như: Lý luận cơ bản về tư pháp quốc tế với tư cách là một bộ môn khoa học pháp lý và một lĩnh vực pháp luật đặc thù

trong hệ thống Pháp luật quốc gia; Vấn đề xung đột pháp luật và áp dụng pháp luật nước ngoài; nguyên tắc cũng như các quy định thực định của Pháp luật Việt Nam về giải quyết xung đột pháp luật trong các lĩnh vực: năng lực pháp luật của cá nhân, pháp nhân; hợp đồng; thừa kế; hôn nhân và gia đình; Nguyên tắc và các quy định thực chất của Pháp luật Việt Nam điều chỉnh trực tiếp các quan hệ có tính chất dân sự có yếu tố nước ngoài.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3,CO4,CO5,CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4,	3

		Số buổi học tham dự bắt buộc.	CO5, CO6, CO7	7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Trường Đại học Luật TPHCM (2015), Giáo trình luật đất đai, Nxb. Hồng Đức, TP.HCM;

3. Trần Quang Huy (Chủ biên) ; Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Quang Tuyền, Bình luận chế định quản lý nhà nước về đất đai trong luật đất đai 2013, NXB Tư Pháp năm 2017
4. Ngô Thu Trang, Lê Thế Phúc (đồng chủ biên), Tích tụ, tập trung đất đai ở Việt Nam lý luận và pháp luật hiện hành : Luật đất đai và văn bản hướng dẫn thi hành năm 2020, NXB Thanh Niên năm 2020.
5. Luật đất đai năm 2013;
6. Bộ luật Dân sự năm 2015.

10.2. Tài liệu tham khảo

8. Đỗ Văn Đại (2012), Giao dịch và giải quyết tranh chấp giao dịch quyền sử dụng đất, Nxb Lao Động, TP.HCM;

9. Đại học Luật Tp. HCM (2015), Giáo trình luật đất đai, Nxb. Hồng Đức, TP.HCM;

10. Phạm Thị Hương Lan (2018), Bình luận khoa học luật đất đai 2013, Nxb. Lao Động, Hà Nội.

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CDR của HP
Tiết 1-6	Vấn đề 1. Những vấn đề lý luận về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu	1,2,3,4,5,6,7,8	CO1,CO7

	<p>hồi đất</p> <p>1.1. Thu hồi đất và hậu quả của thu hồi đất</p> <p>1.1.1. Khái niệm thu hồi đất</p> <p>1.1.2. Các trường hợp thu hồi đất</p> <p>1.1.3. Thẩm quyền thu hồi đất</p> <p>1.1.4. Hậu quả của việc thu hồi đất</p> <p>1.2. Khái niệm bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>1.2.1. Cơ sở ra đời của chế định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>1.2.1.1. Cơ sở pháp lí</p> <p>1.2.1.2. Chế độ sở hữu đất đai</p> <p>1.2.1.3. Quan điểm, đường lối của Đảng</p> <p>1.2.1.4. Mục đích thu hồi đất</p> <p>1.2.2. Khái niệm bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>1.2.2.1. Khái niệm bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>1.2.2.2. Khái niệm hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>1.2.2.3. Khái niệm tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>1.2.3. Mục đích, ý nghĩa của bồi thường, hỗ trợ, tái định cư</p>		
--	---	--	--

	<p>khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>1.3. Lịch sử hình thành và phát triển chế định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>1.3.1. Giai đoạn từ khi ban hành Luật đất đai năm 1987 đến trước khi ban hành Luật đất đai năm 1993</p> <p>1.3.2. Giai đoạn từ khi ban hành Luật đất đai năm 1993 đến khi ban hành Luật đất đai năm 2003</p> <p>1.3.3. Giai đoạn từ khi ban hành Luật đất đai năm 2003 đến khi ban hành Luật đất đai năm 2013</p> <p>1.3.4. Giai đoạn sau khi ban hành Luật đất đai năm 2013 đến nay</p> <p>1.4. Kinh nghiệm của một số nước về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>1.4.1. Kinh nghiệm của Trung Quốc</p> <p>1.4.2. Kinh nghiệm của Hàn Quốc</p> <p>1.4.3. Kinh nghiệm của Cộng hoà Liên bang Đức</p> <p>1.4.4. Những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong quá trình xây dựng và thực thi pháp luật về bồi thường, hỗ</p>		
--	---	--	--

	trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất		
Tiết 7-12	<p>Vấn đề 2. Những vấn đề pháp lý về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>2.1. Những quy định chung về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>2.1.1. Đối tượng được bồi thường</p> <p>2.1.2. Phạm vi bồi thường</p> <p>2.1.3. Điều kiện được bồi thường</p> <p>2.1.4. Nguyên tắc bồi thường</p> <p>2.2. Nội dung pháp luật về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>2.2.1. Nội dung pháp luật về bồi thường đối với đất</p> <p>2.2.1.1. Nội dung pháp luật về bồi thường đối với đất nông nghiệp</p> <p>2.2.1.2. Nội dung pháp luật về bồi thường đối với đất ở</p> <p>2.2.1.3. Nội dung pháp luật về bồi thường đối với đất phi nông nghiệp khác</p> <p>2.2.2. Nội dung pháp luật về bồi thường thiệt hại đối với tài sản trên đất</p> <p>2.2.2.1. Nội dung pháp luật về bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi, cây trồng, hoa màu</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	<p>trên đất</p> <p>2.2.2.2. Nội dung pháp luật về bồi thường thiệt hại đối với nhà ở, công trình xây dựng trên đất</p> <p>2.2.2.3. Nội dung pháp luật về bồi thường thiệt hại đối với các loại tài sản khác</p>		
Tiết 13-20	<p>Vấn đề 3. Những vấn đề pháp lý về hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>3.1. Những quy định chung về hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>3.1.1. Đối tượng được hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>3.1.2. Phạm vi được hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>3.1.3. Điều kiện được hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>3.1.4. Nguyên tắc được hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>3.2. Nội dung pháp luật về hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>3.2.1. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>3.2.2. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm</p> <p>3.2.3. Hỗ trợ di chuyển chỗ</p>	1,2,3,4,5	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	<p>ở</p> <p>3.2.4. Các hỗ trợ khác</p> <p>3.3. Nội dung pháp luật về tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất ở</p> <p>3.3.1. Lập và thực hiện dự án tái định cư</p> <p>3.3.2. Thực hiện tái định cư cho người có đất bị thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở</p>		
Tiết 21-26	<p>Vấn đề 4. Những vấn đề pháp lý về trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>4.1. Các quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư</p> <p>4.1.1. Thông báo thu hồi đất</p> <p>4.1.2. Lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư</p> <p>4.1.3. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và ra quyết định thu hồi đất</p> <p>4.1.4. Cường chế thực hiện quyết định thu hồi đất</p> <p>4.2. Quy định về tổ chức thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư</p> <p>4.2.1. Cơ quan tổ chức thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư</p>	1,2,3,5	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	<p>4.2.2. Kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư</p> <p>4.2.3. Thời hạn thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư</p> <p>4.2.4. Chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư</p> <p>4.2.5. Minh bạch, công khai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư</p>		
Tiết 27-29	<p>Vấn đề 5. Những vấn đề pháp lý về khiếu nại, tố cáo về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>5.1. Những vấn đề chung về khiếu nại, tố cáo trong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>5.1.1. Các loại khiếu nại, tố cáo điển hình trong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>5.1.2. Nguyên nhân, hậu quả của khiếu nại, tố cáo trong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>5.2. Nội dung pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo trong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>5.2.1. Mục đích, ý nghĩa của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>5.2.2. Các quy định về giải</p>	1,2,3,4,6,7,8	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

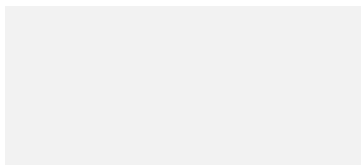
	<p>quyết khiếu nại trong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>5.2.3. Các quy định về giải quyết tố cáo trong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p>		
Tiết 30	Ôn tập	1,2,3,4,5,6,7,8	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

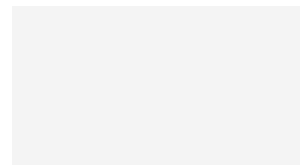
Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Pháp luật về thương mại điện tử

Mã học phần: 0101001013

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	20	5	0	5	30 + 90 = 120

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Lý luận nhà nước và pháp luật 1&2

Học phần học trước: Luật Thương mại 1, 2

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Người học, có kiến thức lý thuyết căn bản và chuyên sâu trong lĩnh vực thương mại điện tử ;

M2: Hiểu được các khái niệm cơ bản, các quy định về giao kết và thực hiện hợp đồng thương mại điện tử, chữ ký số, giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu, vấn đề bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong thương mại điện tử...)

M3: Hiểu được các vấn đề pháp lý của hợp đồng thương mại điện tử

M4: Người học có kỹ năng vận dụng quy định pháp luật để giải quyết được các vấn đề pháp lý, sử dụng cơ sở dữ liệu để tìm kiếm, phân loại, sắp xếp các văn bản quy phạm pháp

luật phục vụ cho công việc của mình.

M5: Kết hợp kỹ năng thuyết trình, tư vấn phản biện về chuyên môn và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi. Hoàn thiện kỹ năng chuẩn bị hồ sơ, làm việc nhóm, đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.;

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M6: Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề của pháp luật thương mại điện tử;

M7: Thành thạo một số kỹ năng tìm, tra cứu và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn;

M8: Vận dụng kiến thức về luật thương mại điện tử để có thể giải quyết các vấn đề phát sinh trên thực tế.

M9: Có kỹ năng bình luận, đánh giá các quy định pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng.

- Kỹ năng mềm

M10: Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp.

M11: Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;

3.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm.

M12: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M13: Tự định hướng và đưa ra các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá; và phát triển kỹ năng lập luận, hùng biện của người học;

M14: Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, điều khiển, theo dõi kiểm tra hoạt động, làm việc nhóm, lập mục tiêu, phân tích chương trình.

3.4. Về thái độ.

M15: Rèn luyện sinh viên có các phẩm chất chính trị, đạo đức như sau: Trung thành với tổ quốc; có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức về trách nhiệm công dân; chăm chỉ, nhiệt tình, sáng tạo; có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học; có đạo đức nghề

nghiệp, chuyên nghiệp và chủ động trong công việc.

M16: Hình thành nhận thức và thái độ đúng đắn về quyền tự do kinh doanh của tổ chức, cá nhân trong nền kinh tế thị trường;

M17: Hình thành thái độ khách quan đối với lợi ích cần được bảo vệ của các chủ thể có liên quan đến hoạt động kinh doanh, bao gồm lợi ích của thương nhân, chủ nợ của thương nhân, của người lao động và của Nhà nước.

M18: Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật;

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
010100067603	Luật thương mại điện tử	0	0	2	3	0	3	2	2	2	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3 MT4 MT5	CO1	Người học, có kiến thức lý thuyết căn bản và chuyên sâu trong lĩnh vực thương mại điện tử; Hiểu được các khái niệm cơ bản, các quy định về giao kết và thực hiện hợp đồng thương mại điện tử, chữ ký số, giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu, vấn đề bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong thương mại điện tử...) Hiểu được các vấn đề pháp lý của hợp đồng thương mại điện tử	PO4
Kỹ năng			
MT6	CO2	: Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề	PO6

		của pháp luật thương mại điện tử;	
MT7	CO3	Thành thạo một số kỹ năng tìm, tra cứu và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn;	PO7
MT8	CO4	Vận dụng kiến thức về luật thương mại điện tử để có thể giải quyết các vấn đề phát sinh trên thực tế.	PO8
MT9	CO5	Có khả năng tranh luận, lập luận để bảo vệ quan điểm của mình, có khả năng đánh giá, phê phán, có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có kỹ năng tự cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu.	PO9,11,12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT11 MT12 MT13 MT14	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	PO15, PO16, PO17, PO18
MT15	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn Pháp luật về thương mại điện tử cung cấp các khái niệm cơ bản, các quy định về giao kết và thực hiện hợp đồng thương mại điện tử, giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu, vấn đề bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong thương mại điện tử ...

Môn học có thể trang bị những kiến thức nền tảng, cơ bản cho sinh viên để có thể ứng dụng vào thực tế.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3,CO4,CO5,CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Trường Đại học Luật TP.HCM (2022), *Giáo trình pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ*, Nxb. Hồng Đức, TP.HCM
2. Luật Doanh nghiệp năm 2020; Luật Thương mại năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Việt Khôi (2020), *Giáo trình Thương mại điện tử : Từ lý thuyết đến ứng dụng*, Đại học Quốc gia 2020.

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CDR của HP
Tiết 1-6	Vấn đề 1: Khái quát về thương mại điện tử - Giới thiệu đề cương môn học, - Chia nhóm sinh viên, cử nhóm trưởng; - Giới thiệu các vấn đề cơ bản về thương nhân và doanh nghiệp. Cụ thể: 1.1. Khái niệm thương mại điện tử 1.2. Phân loại thương mại điện tử 1.3. Lợi ích của thương mại điện tử 1.4. Rủi ro của thương mại điện tử	1,2	CO1,CO7
Tiết 7-9	Vấn đề 1: Khái quát về thương mại điện tử 1.5. Mục tiêu của pháp luật thương mại điện tử 1.4. Rủi ro của thương mại điện tử 1.5. Mục tiêu của pháp luật thương mại điện tử 1.6. Phương pháp luận của pháp luật thương mại điện tử 1.7. Hệ thống pháp luật thương mại điện tử	1,2	CO1,CO7
Tiết 10-15	Vấn đề 2: Chương 2. Giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu 2.1. Giá trị pháp lý trong giao dịch thương mại 2.2. Vấn đề chứng minh điều kiện giá trị pháp lý trong tố tụng	1,2	CO1,CO2,C O3,CO4 CO5,CO6,C O7
Tiết 16-24	Vấn đề 3. Các vấn đề pháp lý của HĐTM điện tử 3.1. Giao kết hợp đồng TMĐT 3.2. Nội dung HĐTMĐT 3.3. Thực hiện HĐTMĐT 3.4. Chế tài do vi phạm 3.5. Chấm dứt HĐ 3.6. Giải quyết tranh chấp	1,2	CO1,CO2,C O3,CO4 CO5,CO6,C O7

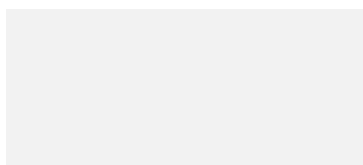
Tiết 25-30	Vấn đề 4: Vấn đề bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong TMĐT 4.1. Bảo đảm quyền được thông tin 4.2. Bảo vệ thông tin cá nhân ÔN TẬP KẾT THÚC MÔN	1,2	CO1,CO2,C O3,CO4 CO5,CO6,C O7
-----------------------------	---	-----	--

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

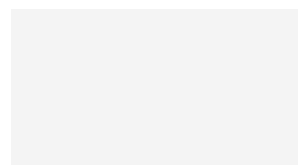
Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã học phần: 0101001286

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	20	5	0	5	30 + 60 = 90

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Luật Dân sự 1, Luật Dân sự 2

Học phần học trước: Luật Dân sự 1, Luật Dân sự 2

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

MT1: Hiểu được khái niệm, đặc điểm và nội dung cơ bản của pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

MT2: Hiểu được các thiết chế thực thi pháp luật bảo vệ người tiêu dùng, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá dịch vụ đối với người tiêu dùng (NTD).

MT3: Hiểu được các chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD và phương thức giải quyết tranh chấp giữa NTD và thương nhân.

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

MT4: Cập nhật, phân tích, bình luận, đánh giá được các quy định của pháp luật bảo vệ NTD để giải quyết những tình huống cơ bản, điển hình trên thực tế.

MT5: Có khả năng vận dụng các quy định của pháp luật về bảo vệ NTD để có thể đưa ra các phương hướng giải quyết tranh chấp và cách thức bảo vệ quyền và lợi ích của NTD.

MT6: Có kỹ năng bình luận, đánh giá các quy định của pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng.

- Kỹ năng mềm

MT7: Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp.

MT8: Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M9: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

M10: Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp.

M11: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.

M12: Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.4. Về thái độ

M13: Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
0101001286	Pháp luật	0	0	0	3	0	3	2	2	2	2
	BVQL	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
	NTD	2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3	CO1	Hiểu, đánh giá, phân tích được các quy định chung của Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. kiến thức thực tiễn và kỹ năng cho các chủ thể trong quan hệ giải quyết tranh chấp liên quan đến bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng như các phương thức giải quyết tranh chấp, kỹ năng tiếp nhận, nghiên cứu xử lý hồ sơ; các kỹ năng xử lý giải quyết tranh chấp.	PO4
Kỹ năng			
MT4	CO2	Cập nhật, phân tích, bình luận, đánh giá được các quy định của pháp luật liên quan đến các quy định pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.	PO6
MT5	CO3	Có khả năng vận dụng được các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế liên quan đến hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.	PO7
MT6	CO4	Bước đầu có kỹ năng tư vấn pháp luật về lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.	PO8
MT7 MT8	CO5	Có khả năng tranh luận, lập luận để bảo vệ quan điểm của mình, có khả năng đánh giá, phê phán, có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có kỹ năng tự cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu.	PO9,11,12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT9 MT10 MT11 MT12	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	PO15, PO16, PO17, PO18
MT13	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị	PO19

		khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	
--	--	--	--

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần cung cấp các kiến thức thực tiễn và kỹ năng cho các chủ thể trong quan hệ giải quyết tranh chấp liên quan đến bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng như các phương thức giải quyết tranh chấp, kỹ năng tiếp nhận, nghiên cứu xử lý hồ sơ; các kỹ năng xử lý giải quyết tranh chấp.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3, CO4, CO5, CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa

Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Bộ luật dân sự năm 2015.
2. Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010.
3. Đại học luật TP.HCM (2014), *Giáo trình pháp luật về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp thương mại*, Nxb. Hồng Đức. TP.HCM.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Luật cạnh tranh và các văn bản hướng dẫn thi hành (2016), Nxb. Hồng Đức, TP. HCM.
2. Bộ luật tố tụng dân sự 2015.
3. Lê Hồng Hải (2016), *Hướng dẫn giải quyết tranh chấp các vụ án dân sự*, Nxb. Hồng Đức. TP. HCM.

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CDR của HP
Tiết 1-6	<p>Vấn đề 1: Những vấn đề lý luận về bảo vệ NTD và pháp luật bảo vệ NTD</p> <p>1.1. Tổng quan về bảo vệ NTD</p> <p>1.2. Khái niệm, đặc điểm của NTD</p> <p>1.3. Khái niệm, đặc điểm của PL bảo vệ NTD</p>	1,2,3	CO1, CO7

	1.4. Khái quát pháp luật về bảo vệ NTD Việt Nam		
Tiết 7-15	<p>Vấn đề 2: Các thiết chế thực thi pháp luật bảo vệ NTD ở Việt Nam</p> <p>2.1. Khái quát về thiết chế bảo vệ NTD.</p> <p>2.2. Các thiết chế bảo vệ NTD ở Việt Nam, quyền và nghĩa vụ của từng thiết chế trong bảo vệ NTD.</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 16-24	<p>Vấn đề 3: Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ đối với NTD</p> <p>3.1. Trách nhiệm cụ thể của tổ chức, cá nhân kinh doanh đối với NTD</p> <p>3.2. Pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ đối với NTD ở một số nước trên thế giới và ở Việt Nam</p> <p><i>Làm bài kiểm tra cá nhân</i></p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 25-28	<p>Vấn đề 4: Chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD</p> <p>4.1. Khái niệm, đặc điểm của chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ NTD</p> <p>4.2. Các loại chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

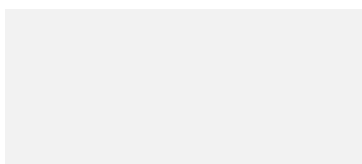
Tiết 28-30	Phương thức giải quyết tranh chấp giữa NTD với tổ chức, cá nhân kinh doanh 5.1. Khái niệm, đặc điểm tranh chấp giữa NTD với tổ chức, cá nhân kinh doanh 5.2. Các hình thức giải quyết tranh chấp giữa NTD và tổ chức, cá nhân kinh doanh 5.3. Phân tích được vai trò của tổ chức bảo vệ NTD trong việc khởi kiện ra toà án tranh chấp giữa NTD và thương nhân 5.4. Tìm hiểu cơ chế giải quyết tranh chấp bằng trọng tài.	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
-------------------	---	-------	--------------------------------

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

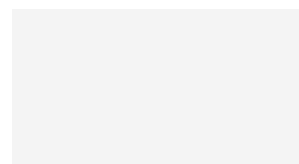
Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Pháp luật về đấu thầu

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã học phần: 0101000329

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	20	5	0	5	30 + 60 = 90

Loại học phần: Học phần tự chọn

Học phần tiên quyết: Luật Dân sự 1, Luật Dân sự 2, Luật thương mại.

Học phần học trước: Luật Dân sự 1, Luật Dân sự 2, Luật thương mại.

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

MT1: Nắm được những vấn đề chung về đấu thầu và pháp luật về đấu thầu; Nắm được nội dung các qui định cơ bản của các Hiệp định về mua sắm Chính phủ của WTO.

MT2: Vận dụng được nội dung các qui định của pháp luật Việt Nam về đấu thầu.

MT3: Nắm được nội dung các qui định cơ bản về đấu thầu của UNCITRAL, WB, ADB và FIDIC.

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

MT4: Cập nhật, phân tích, bình luận, đánh giá được các quy định của pháp luật liên quan đến pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về đấu thầu.

MT5: Vận dụng được các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế liên quan đến hoạt động đấu thầu.

MT6: Bước đầu có kỹ năng tư vấn pháp luật về lĩnh vực đấu thầu.

- Kỹ năng mềm

MT7: Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp.

MT8: Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M9: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

M10: Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp.

M11: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.

M12: Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.4. Về thái độ

M13: Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
0101000329	Pháp luật về đấu thầu	0	0	0	3	0	3	2	2	2	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3	CO1	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp lý cơ bản về đấu thầu, nhằm giúp sinh viên nghiên cứu chuyên sâu vào những lĩnh vực cụ thể của thương mại. Đồng thời, học phần giúp cho sinh viên nâng cao khả năng phân tích, đánh giá và vận dụng để giải quyết các tình huống cụ thể có liên quan trong lĩnh vực đấu thầu.	PO4
Kỹ năng			
MT4	CO2	Cập nhật, phân tích, bình luận, đánh giá được các quy định của pháp luật liên quan đến các quy định pháp luật về đấu thầu.	PO6
MT5	CO3	Có khả năng vận dụng được các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế liên quan đến hoạt động đấu thầu.	PO7
MT6	CO4	Bước đầu có kỹ năng tư vấn pháp luật về lĩnh vực đấu thầu	PO8
MT7 MT8	CO5	Có khả năng tranh luận, lập luận để bảo vệ quan điểm của mình, có khả năng đánh giá, phê phán, có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có kỹ năng tự cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu.	PO9,11,12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT9 MT10 MT11 MT12	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	PO15, PO16, PO17, PO18
MT13	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Pháp luật về đấu thầu là môn khoa học nghiên cứu quan hệ pháp lý giữa các quốc gia và hoạt động thương mại của các thương nhân trong lĩnh vực đấu thầu.

Mục đích của học phần này là cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp lý cơ bản về đấu thầu, nhằm giúp sinh viên nghiên cứu chuyên sâu vào những lĩnh vực cụ thể của thương mại. Đồng thời, học phần giúp cho sinh viên nâng cao khả năng phân tích, đánh giá và vận dụng để giải quyết các tình huống cụ thể có liên quan trong lĩnh vực đấu thầu.

Nội dung học phần được tóm tắt như sau:

- Những vấn đề lý luận chung về đấu thầu và pháp luật về đấu thầu.
- Đấu thầu mua sắm của Chính phủ và những nội dung pháp lý cơ bản của các hiệp định WTO về mua sắm Chính phủ.
- Đấu thầu mua sắm của Chính phủ theo qui định của Hiệp định CPTPP và EVFTA.
- Pháp luật Việt Nam về đấu thầu.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3, CO4, CO5, CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.

- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.	CO7	7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Luật đấu thầu 2013.
2. Mai Hồng Quý (2012), *Luật thương mại quốc tế*, Nxb.ĐH quốc gia TP.HCM. TP.HCM.
3. *Hệ thống văn bản pháp luật hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý đầu tư và xây dựng, quy chế đấu thầu* (2004). Nxb. Chính trị quốc gia sự thật.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Các quy định pháp luật đối với nhà thầu nước ngoài hoạt động tại Việt Nam (2004). Nxb. Chính trị quốc gia sự thật.
2. Trần Việt Dũng (2014), *Giáo trình luật thương mại quốc tế*, Nxb. Hồng Đức, TP.HCM.
3. Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), *Giáo trình Luật Thương mại Việt Nam (tập 1+2)*, Nxb. Tư Pháp, Hà Nội.

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CDR của HP
------------	--------------------	----------	------------

Tiết 1-8	Vấn đề 1. Những vấn đề lý luận chung về đấu thầu và pháp luật về đấu thầu 1. Khái quát chung về đấu thầu 2. Pháp luật về đấu thầu 3. Nguồn của pháp luật về đấu thầu	1,2,3	CO1, CO7
Tiết 9-15	Vấn đề 2. Đấu thầu mua sắm của Chính phủ và những nội dung pháp lý cơ bản của các hiệp định về mua sắm Chính phủ của WTO 1. Tổng quan về vấn đề đấu thầu mua sắm của Chính phủ và các hiệp định về mua sắm Chính phủ của WTO (GPA). 2. Những nội dung pháp lý cơ bản về đấu thầu theo qui định của GPA 1994 và GPA 2012. 3. Những điểm mới cơ bản của GPA 2012 so với GPA 1994.	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 15-23	Vấn đề 3. Pháp luật Việt Nam về đấu thầu 1. Đấu thầu theo qui định của Luật Đấu thầu 2. Đấu thầu thương mại theo qui định của Luật Thương mại 3. Hợp đồng trong đấu thầu 4. Vi phạm và xử lý vi phạm trong lĩnh vực đấu thầu	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 24-30	Vấn đề 4. Các quy định cơ bản về đấu thầu của UNCITRAL, WB, ADB và FIDIC 1. Các qui định cơ bản về đấu thầu trong Luật mẫu về mua sắm công năm 2011 của Ủy ban của Liên hợp quốc về	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

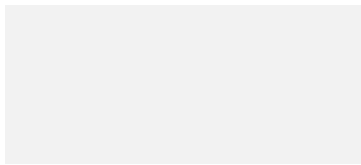
	<p>Luật thương mại quốc tế (UNCITRAL).</p> <p>2. Các qui định cơ bản về đấu thầu của Ngân hàng thế giới (WB).</p> <p>3. Các qui định cơ bản về đấu thầu của Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB).</p> <p>4. Các qui định cơ bản về đấu thầu của Hiệp hội kỹ sư tư vấn quốc tế (FIDIC).</p>		
--	---	--	--

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

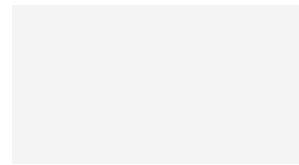
Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Pháp luật an sinh xã hội

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã học phần: 0101001285

Số tín chỉ: 03

Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	25	5	0	15	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết:

Học phần học trước:

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Xác định được các vấn đề cơ bản của an sinh xã hội (ASXH) như khái niệm, các nguyên tắc, vai trò và ý nghĩa của an sinh xã hội, các quan hệ pháp luật an sinh xã hội cụ thể;

M2: Xác định được các quy định của pháp luật về chế độ bảo hiểm ốm đau, thai sản, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm hưu trí, chế độ tử tuất và bảo hiểm thất nghiệp;

M3: Phân tích được các quy định pháp luật về các chế độ bảo hiểm;

M4: Xác định được các quy định về bảo hiểm y tế và ưu đãi xã hội;

M5: Trình bày và phân tích được các chế độ ưu đãi xã hội;

M6: Nêu và phân tích được các quy định về chế độ trợ giúp xã hội;

M7: Xác định được các quy định về giải quyết tranh chấp ASXH.

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

Sau khi kết thúc quá trình học tập, nghiên cứu, sinh viên biết cách tìm kiếm, vận dụng các kiến thức pháp lý về lĩnh vực ASXH để thực hiện các công việc chuyên môn tương ứng với yêu cầu đào tạo, bao gồm:

M8: Tư vấn cho các đối tượng là cá nhân và tổ chức về các vấn đề thông dụng trong lĩnh vực ASXH;

M9: Tham gia giải quyết các vụ việc thông thường trong lĩnh vực ASXH;

M10: Tham gia vào các hoạt động xây dựng chính sách, pháp luật ASXH.

- Kỹ năng mềm

M11: Có khả năng thuyết trình, lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm của mình;

M12: Có khả năng tự học, tự nghiên cứu.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M13: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M14: Tự định hướng và đưa ra các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.

3.4. Về thái độ

M15: Chấp hành đúng pháp luật ASXH;

M16: Có nhận thức, xử sự đúng đắn khi tham gia quan hệ ASXH;

M17: Tôn trọng và tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật ASXH khi thực hiện các công việc chuyên môn.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:
0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
0101001285	Pháp luật an sinh xã hội	0	0	0	3	0	1	1	0	1	2
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		2	0	0	0	1	2	2	2	3	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3 MT4 MT5 MT6 MT7	CO1	Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản thuộc khối ngành về pháp luật an sinh xã hội. Xác định được các vấn đề cơ bản của an sinh xã hội (ASXH) như khái niệm, các nguyên tắc, vai trò và ý nghĩa của an sinh xã hội, các quan hệ pháp luật an sinh xã hội cụ thể.	PO4
Kỹ năng			
MT8	CO2	Có khả năng cập nhật, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đến pháp luật kinh tế.	PO6
MT9	CO3	Có khả năng tư vấn cho các đối tượng là cá nhân và tổ chức về các vấn đề thông dụng trong lĩnh vực ASXH Tham gia giải quyết các vụ việc thông thường trong lĩnh vực ASXH Tham gia vào các hoạt động xây dựng chính sách, pháp luật ASXH	PO7

MT10	CO4	Có khả năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm của mình; có khả năng phản biện, phê phán.	PO9
MT11 MT12	CO5	Có khả năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. Có khả năng tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.	PO10, PO11
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT13 MT14	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	PO15, PO16
MT15 MT16 MT17	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	PO17, PO18, PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần trang bị cho sinh viên các vấn đề cơ bản của an sinh xã hội (ASXH) như khái niệm, các nguyên tắc, vai trò và ý nghĩa của an sinh xã hội, các quan hệ pháp luật an sinh xã hội cụ thể: Xác định được các quy định của pháp luật về chế độ bảo hiểm ốm đau, thai sản, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm hưu trí, chế độ tử tuất và bảo hiểm thất nghiệp; Phân tích được các quy định pháp luật về các chế độ bảo hiểm; Xác định được các quy định về bảo hiểm y tế và ưu đãi xã hội; Xác định được các quy định về giải quyết tranh chấp ASXH.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3,CO4,CO5,CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

	luận của sinh viên.	
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Trần Thị Thúy Lâm, Nguyễn Hiền Phương (chủ biên), *Giáo trình luật an sinh xã hội*, Bộ Tư pháp (2022).

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Luật việc làm năm 2013;
2. Luật an toàn lao động, vệ sinh lao động 2015;

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CĐR của HP
Tiết 1-5	Vấn đề 1: Luật an sinh xã hội trong hệ thống pháp luật Việt Nam 1.1. Khái niệm Luật ASXH 1.2. Mối quan hệ giữa Luật ASXH và một số ngành luật khác 1.3. Các nguyên tắc cơ bản của Luật ASXH 1.4. Nguồn của Luật ASXH 1.5. Tổ chức lao động quốc tế (ILO) và ASXH 1.6. Vai trò, ý nghĩa của Luật ASXH 1.7. Lịch sử Luật ASXH Việt Nam	1,2	CO1,CO7
Tiết 6-11	Vấn đề 2: Quan hệ pháp luật an sinh xã hội 2.1. Khái niệm, đặc điểm của	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4, CO5,CO6,CO7

	<p>quan hệ pháp luật ASXH</p> <p>2.2. Các quan hệ pháp luật ASXH</p>		
Tiết 12-19	<p>Vấn đề 3: Bảo hiểm xã hội</p> <p>3.1. Khái quát về BHXH</p> <p>3.2. Chế độ bảo hiểm ốm đau</p> <p>3.3. Chế độ bảo hiểm thai sản</p> <p>3.4. Chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp</p> <p>3.5. Chế độ bảo hiểm hưu trí</p> <p>3.6. Chế độ tử tuất</p> <p>3.7. Bảo hiểm thất nghiệp</p>	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4, CO5,CO6,CO7
Tiết 20-25	<p>Vấn đề 4: Bảo hiểm y tế</p> <p>4.1. Khái quát về bảo hiểm y tế</p> <p>4.2. Chế độ bảo hiểm y tế</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4, CO5,CO6,CO7
Tiết 26-31	<p>Vấn đề 5: Chế độ ưu đãi xã hội</p> <p>5.1. Khái quát về ưu đãi xã hội</p> <p>5.2. Các đối tượng được hưởng ưu đãi xã hội và thủ tục xác nhận</p> <p>5.3. Các chế độ ưu đãi xã hội</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4, CO5,CO6,CO7
Tiết 32-37	<p>Vấn đề 6: Chế độ trợ giúp xã hội</p>	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4, CO5,CO6,CO7

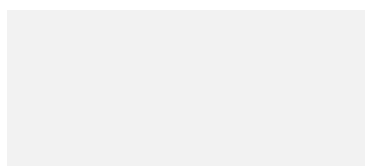
	6.1. Khái quát về chế độ trợ giúp xã hội 6.2. Chế độ trợ giúp xã hội		
Tiết 38-43	Vấn đề 7: Giải quyết tranh chấp an sinh xã hội 7.1. Những vấn đề chung về tranh chấp ASXH 7.2. Giải quyết tranh chấp ASXH	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4, CO5,CO6,CO7
Tiết 44-45	Ôn tập kết thúc môn	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4, CO5,CO6,CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

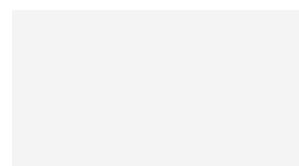
Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Luật hàng hải quốc tế

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã học phần: 0101001286

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	20	0	10	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Luật Thương mại 2.

Học phần học trước: Luật Thương mại 1, 2

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Có hiểu biết tổng quát về pháp luật điều chỉnh các quan hệ hàng hải quốc tế

M2: Trình bày được nội dung cơ bản của hợp đồng vận chuyển hành khách và hợp đồng vận chuyển hàng hoá bằng đường biển quốc tế và các quy định pháp luật Việt Nam về thủy thủ đoàn, tàu biển và bảo hiểm tàu biển

M3: Xác định chính xác các loại nguồn để giải quyết tranh chấp hàng hải quốc tế và nhận diện được các cơ chế giải quyết tranh chấp và các rủi ro xảy ra trong hoạt động hàng hải quốc tế

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M4: Kỹ năng phân tích hợp đồng vận chuyển hàng hoá, hợp đồng vận chuyển hành khách, hợp đồng bảo hiểm hàng hoá

M5: Kỹ năng tổng hợp thông tin phân tích số liệu

M6: Kỹ năng giải quyết tranh chấp và ngăn ngừa các rủi ro xảy ra trong hoạt động hàng hải quốc tế

- Kỹ năng mềm

M7: Hình thành kỹ năng phản biện, lập luận; kỹ năng tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân.

M8: Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M9: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

M10: Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp.

M11: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.

M12: Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.4. Về thái độ

M13: Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
0101001286	Luật hàng hải quốc tế	0	0	3	0	0	3	2	3	2	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3	CO1	Có hiểu biết tổng quát về pháp luật điều chỉnh các quan hệ hàng hải quốc tế; nội dung cơ bản của hợp đồng vận chuyển hành khách và hợp đồng vận chuyển hàng hoá bằng đường biển quốc tế và các quy định pháp luật Việt Nam về thủy thủ đoàn, tàu biển và bảo hiểm tàu biển	PO3
Kỹ năng			
MT4	CO2	Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận đánh giá các vấn đề thuộc lĩnh vực hàng hải quốc tế	PO6
MT5	CO3	Bước đầu làm quen một số kỹ năng đàm phán, soạn thảo các loại hợp đồng trong lĩnh vực hàng hải quốc tế thông dụng	PO7
MT6	CO4	Hình thành những kỹ năng cơ bản về điều tra, thu thập chứng cứ, kỹ năng giải quyết tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực hàng hải quốc tế	PO8
MT7 MT8	CO5	Có khả năng tranh luận, lập luận để bảo vệ quan điểm của mình, có khả năng đánh giá, phê phán, có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có kỹ năng tự cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu.	PO9,11,12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT19 MT10 MT11 MT12	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	PO15, PO16, PO17, PO18
MT13	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị	PO19

		khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	
--	--	--	--

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật về hàng hải quốc tế bao gồm: Những kiến thức cơ bản về hoạt động khai thác hàng hải giữa các quốc gia trong quan hệ quốc tế; Hợp đồng vận chuyển hàng hải quốc tế, các quy định về bảo hiểm hàng hải quốc tế và các phương thức giải quyết tranh chấp trong hợp đồng hàng hải quốc tế

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3, CO4, CO5, CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa

Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Trường Đại học Luật TPHCM (2022), *Giáo trình Luật thương mại quốc tế* (Phần I), NXB. Hồng Đức
2. Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), *Giáo trình Luật thương mại quốc tế*, NXB.CAND, Hà Nội
3. Bộ luật hàng hải 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành
4. Incoterms 2020

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình Pháp Luật về giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế*, NXB. Tư pháp
2. Trần Thị Thuỳ Dương, Nguyễn Thị Yên (Chủ biên) (2023), *Giáo trình công pháp quốc tế Quyển 1*, NXB. Hồng Đức
3. Nguyễn Ngọc Lâm (2014), *Giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế : Nhận dạng tranh chấp, biện pháp ngăn ngừa và phương pháp giải quyết (Sách chuyên khảo)*, NXB. Hồng Đức
4. Tô Bình Minh (2020), *Incoterms 2020 – Giải thích và hướng dẫn sử dụng thực tiễn và lưu ý khi sử dụng thông qua các tranh chấp phổ biến*, NXB. H. Tài Chính
5. Võ Thanh Thu (2011), *Hỏi và đáp về Incoterms 2010*, NXB. TPHCM

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CDR của HP
Tiết 1-6	Chương 1: Tổng quan luật hàng hải quốc tế 1.1. Khái niệm Luật hàng hải	1,2,3,4	CO1, CO7

	<p>quốc tế</p> <p>1.2. Đối tượng tiêu chỉnh của Luật hàng hải quốc tế</p> <p>1.3. Nguồn của Luật hàng hải quốc tế</p> <p>1.4. Một số khái niệm chung trong lĩnh vực hàng hải quốc tế</p> <p>1.4.1. Tàu biển</p> <p>1.4.2. Cảng biển</p> <p>1.4.3. Thuỷ thủ đoàn</p>		
Tiết 7-9	<p>Chương 2: Quyền tài phán của các quốc gia trên các vùng biển</p> <p>2.1. Khái niệm</p> <p>2.2. Quyền tài phán trong các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia</p> <p>2.3. Quyền tài phán trong các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia</p> <p>2.4. Quyền tài phán trong các vùng biển quốc tế</p>		
Tiết 10-18	<p>Chương 3: Hợp đồng vận chuyển hàng hải quốc tế</p> <p>2.1. Hợp đồng vận chuyển hành khách bằng đường biển quốc tế</p> <p>2.2. Hợp đồng vận chuyển hàng hoá bằng đường biển quốc tế</p> <p>2.3. Các chứng từ liên quan đến vận chuyển hàng hoá đường biển</p> <p>2.4. Các phương thức thuê tàu biển</p> <p>2.4.1. Phương thức thuê tàu chợ</p> <p>2.4.2. Phương thức thuê tàu chuyên</p>	1,2,3,4	CO1, CO2, CO3, CO4 CO5, CO6, CO7

	2.4.3. Phương thức thuê tàu định hạn		
Tiết 19-24	Chương 3. Bảo hiểm hàng hoá 3.1. Khái niệm và nguyên tắc của bảo hiểm hàng hải quốc tế 3.2. Luật bảo hiểm hàng hải Anh năm 1906 3.3. Rủi ro và phân loại rủi ro trong hàng hải quốc tế 3.4. Tổn thất và phân biệt tổn thất trong hàng hải quốc tế 3.5. Hợp đồng bảo hiểm hàng hải quốc tế	1,2,3,4	CO1, CO2, CO3, CO4 CO5, CO6, CO7
Tiết 25-30	Chương 4: Giải quyết tranh chấp hàng hải quốc tế 4.1. Nguồn luật áp dụng trong giải quyết tranh chấp hàng hải quốc tế 4.2. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng mua bán doanh nghiệp 4.3. Giải quyết tranh chấp bằng Tòa án 4.4. Giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài thương mại	1,2,3,4	CO1, CO2, CO3, CO4 CO5, CO6, CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (trung ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ

ThS. Nguyễn Chí Dũng

ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Luật hàng hải quốc tế

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã học phần: 0101001286

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	20	0	10	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Luật Thương mại 2.

Học phần học trước: Luật Thương mại 1, 2

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Có hiểu biết tổng quát về pháp luật điều chỉnh các quan hệ hàng hải quốc tế

M2: Trình bày được nội dung cơ bản của hợp đồng vận chuyển hành khách và hợp đồng vận chuyển hàng hoá bằng đường biển quốc tế và các quy định pháp luật Việt Nam về thủy thủ đoàn, tàu biển và bảo hiểm tàu biển

M3: Xác định chính xác các loại nguồn để giải quyết tranh chấp hàng hải quốc tế và nhận diện được các cơ chế giải quyết tranh chấp và các rủi ro xảy ra trong hoạt động hàng hải quốc tế

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M4: Kỹ năng phân tích hợp đồng vận chuyển hàng hoá, hợp đồng vận chuyển hành khách, hợp đồng bảo hiểm hàng hoá

M5: Kỹ năng tổng hợp thông tin phân tích số liệu

M6: Kỹ năng giải quyết tranh chấp và ngăn ngừa các rủi ro xảy ra trong hoạt động hàng hải quốc tế

- Kỹ năng mềm

M7: Hình thành kỹ năng phản biện, lập luận; kỹ năng tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân.

M8: Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M9: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

M10: Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp.

M11: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.

M12: Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.4. Về thái độ

M13: Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
0101001286	Luật hàng hải quốc tế	0	0	3	0	0	3	2	3	2	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3	CO1	Có hiểu biết tổng quát về pháp luật điều chỉnh các quan hệ hàng hải quốc tế; nội dung cơ bản của hợp đồng vận chuyển hành khách và hợp đồng vận chuyển hàng hoá bằng đường biển quốc tế và các quy định pháp luật Việt Nam về thủy thủ đoàn, tàu biển và bảo hiểm tàu biển	PO3
Kỹ năng			
MT4	CO2	Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận đánh giá các vấn đề thuộc lĩnh vực hàng hải quốc tế	PO6
MT5	CO3	Bước đầu làm quen một số kỹ năng đàm phán, soạn thảo các loại hợp đồng trong lĩnh vực hàng hải quốc tế thông dụng	PO7
MT6	CO4	Hình thành những kỹ năng cơ bản về điều tra, thu thập chứng cứ, kỹ năng giải quyết tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực hàng hải quốc tế	PO8
MT7 MT8	CO5	Có khả năng tranh luận, lập luận để bảo vệ quan điểm của mình, có khả năng đánh giá, phê phán, có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có kỹ năng tự cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu.	PO9,11,12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT19 MT10 MT11 MT12	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	PO15, PO16, PO17, PO18
MT13	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị	PO19

		khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	
--	--	--	--

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật về hàng hải quốc tế bao gồm: Những kiến thức cơ bản về hoạt động khai thác hàng hải giữa các quốc gia trong quan hệ quốc tế; Hợp đồng vận chuyển hàng hải quốc tế, các quy định về bảo hiểm hàng hải quốc tế và các phương thức giải quyết tranh chấp trong hợp đồng hàng hải quốc tế

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3, CO4, CO5, CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa

Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Trường Đại học Luật TPHCM (2022), *Giáo trình Luật thương mại quốc tế* (Phần I), NXB. Hồng Đức
2. Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), *Giáo trình Luật thương mại quốc tế*, NXB.CAND, Hà Nội
3. Bộ luật hàng hải 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành
4. Incoterms 2020

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình Pháp Luật về giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế*, NXB. Tư pháp
- 2, Trần Thị Thuỳ Dương, Nguyễn Thị Yên (Chủ biên) (2023), *Giáo trình công pháp quốc tế Quyển 1*, NXB. Hồng Đức
- 3, Nguyễn Ngọc Lâm (2014), *Giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế : Nhận dạng tranh chấp, biện pháp ngăn ngừa và phương pháp giải quyết (Sách chuyên khảo)*, NXB. Hồng Đức
- 4, Tô Bình Minh (2020), *Incoterms 2020 – Giải thích và hướng dẫn sử dụng thực tiễn và lưu ý khi sử dụng thông qua các tranh chấp phổ biến*, NXB. H. Tài Chính
- 5, Võ Thanh Thu (2011), *Hỏi và đáp về Incoterms 2010*, NXB. TPHCM

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CDR của HP
Tiết 1-6	Chương 1: Tổng quan luật hàng hải quốc tế 1.1. Khái niệm Luật hàng hải	1,2,3,4	CO1, CO7

	<p>quốc tế</p> <p>1.2. Đối tượng tiêu chỉnh của Luật hàng hải quốc tế</p> <p>1.3. Nguồn của Luật hàng hải quốc tế</p> <p>1.4. Một số khái niệm chung trong lĩnh vực hàng hải quốc tế</p> <p>1.4.1. Tàu biển</p> <p>1.4.2. Cảng biển</p> <p>1.4.3. Thủy thủ đoàn</p>		
Tiết 7-9	<p>Chương 2: Quyền tài phán của các quốc gia trên các vùng biển</p> <p>2.1. Khái niệm</p> <p>2.2. Quyền tài phán trong các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia</p> <p>2.3. Quyền tài phán trong các vùng biển thuộc quyền chủ quyền quốc gia</p> <p>2.4. Quyền tài phán trong các vùng biển quốc tế</p>		
Tiết 10-18	<p>Chương 3: Hợp đồng vận chuyển hàng hải quốc tế</p> <p>2.1. Hợp đồng vận chuyển hành khách bằng đường biển quốc tế</p> <p>2.2. Hợp đồng vận chuyển hàng hoá bằng đường biển quốc tế</p> <p>2.3. Các chứng từ liên quan đến vận chuyển hàng hoá đường biển</p> <p>2.4. Các phương thức thuê tàu biển</p> <p>2.4.1. Phương thức thuê tàu chợ</p> <p>2.4.2. Phương thức thuê tàu chuyển</p>	1,2,3,4	CO1, CO2, CO3, CO4 CO5, CO6, CO7

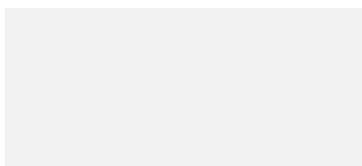
	2.4.3. Phương thức thuê tàu định hạn		
Tiết 19-24	Chương 3. Bảo hiểm hàng hoá 3.1. Khái niệm và nguyên tắc của bảo hiểm hàng hải quốc tế 3.2. Luật bảo hiểm hàng hải Anh năm 1906 3.3. Rủi ro và phân loại rủi ro trong hàng hải quốc tế 3.4. Tổn thất và phân biệt tổn thất trong hàng hải quốc tế 3.5. Hợp đồng bảo hiểm hàng hải quốc tế	1,2,3,4	CO1, CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 25-30	Chương 4: Giải quyết tranh chấp hàng hải quốc tế 4.1. Nguồn luật áp dụng trong giải quyết tranh chấp hàng hải quốc tế 4.2. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng mua bán doanh nghiệp 4.3. Giải quyết tranh chấp bằng Tòa án 4.4. Giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài thương mại	1,2,3,4	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

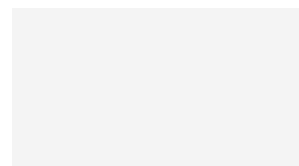
Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực lao động

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã học phần: 0101001421

Số tín chỉ: 02

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	15	5	5	5	30 + 90 = 120

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Luật lao động

Học phần học trước:

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Xác định được các kiến thức pháp lý về thủ tục khởi kiện, thụ lý vụ án lao động;

M2: Xác định được các nội dung cụ thể trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án lao

động;

M3: Xác định được các nguyên tắc hòa giải vụ án lao động;

M4: Nắm được 2 kỹ năng tiến hành phiên hòa giải vụ án lao động;

M5: Nắm được kỹ năng ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự trong vụ án lao động;

M6: Xác định được các kiến thức pháp lý về phiên tòa lao động sơ thẩm;

M7: Nắm được tính chất, vai trò chủ thể, khách thể; quyền kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm vụ án lao động;

M8: Vận dụng được các kỹ năng để thực hiện việc nhận kháng cáo kháng nghị và phân tích được tính chất của giám đốc thẩm, tái thẩm vụ án lao động;

M9: Phân tích và vận dụng được các kỹ năng thực hành phiên tòa phúc thẩm vụ án lao động.

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M10: Có được kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động ở các giai đoạn thụ lý, nghiên cứu hồ sơ, hòa giải, điều khiển phiên tòa...;

M11: Soạn thảo được các văn bản thông dụng trong hoạt động giải quyết tranh chấp lao động;

M12: Giải quyết được các vụ việc cụ thể (các tình huống) thông thường về lao động;

M13: Tham gia các hoạt động xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật lao động.

- Kỹ năng mềm

M14: Có khả năng lập luận, tranh luận, có tư duy phản biện;

M15: Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và tự cập nhật kiến thức.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M16: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M17: Tự định hướng và đưa ra các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.

3.4. Về thái độ

M18: Hình thành nhận thức đúng đắn về hoạt động giải quyết tranh chấp lao động;

M19: Hình thành thái độ khách quan đối với các chủ thể có tranh chấp, nhà nước và cộng đồng.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
0101001421	KN tư vấn PL trong lĩnh vực lao động	0	0	0	3	0	2	2	1	2	1
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		2	2	0	0	1	2	2	2	3	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3 MT4 MT5 MT6 MT7 MT8 MT9	CO1	Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực lao động. Nắm được tính chất, vai trò chủ thể, khách thể; quyền kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm vụ án lao động.	PO4
Kỹ năng			
MT10	CO2	Có khả năng cập nhật, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đến pháp luật trong lĩnh vực lao động	PO6
MT11	CO3	Có khả năng phân tích các tình huống thực tiễn	PO7, PO8

MT12		trong lĩnh vực pháp luật lao động và đưa ra giải pháp chuyên môn để giải quyết các tình huống đó. Nắm được các kiến thức pháp lý về thủ tục khởi kiện, thụ lý vụ án lao động. Xác định được các nội dung cụ thể trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án lao động. Xác định được các nguyên tắc hòa giải vụ án lao động	
MT13	CO4	Có khả năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm của mình; có khả năng phản biện, phê phán.	PO9, PO10
MT14 MT15	CO5	Có khả năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. Có khả năng năng tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.	PO11, PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT16 MT17	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	PO15, PO16
MT18 MT19	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật.	PO17, PO18, PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức pháp lý về thủ tục khởi kiện, thụ lý vụ án lao động, các nội dung cụ thể trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án lao động. Nắm được các nguyên tắc hòa giải vụ án lao động và phương pháp tiến hành phiên hòa giải vụ án lao động.

Nắm được kỹ năng ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự trong vụ án lao động, nắm được tính chất, vai trò chủ thể, khách thể; quyền kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm vụ án lao động. Phân tích và vận dụng được các kỹ năng thực hành phiên tòa phúc thẩm vụ án lao động.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
---	-----------------	----------------------------

Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3,CO4,CO5,CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,CO7	10

Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
-----------------	----	---	-----------------------------------	----

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Giáo trình luật lao động*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
2. Bộ luật lao động Việt Nam năm 2019.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Hữu Đại, Vũ Tươi (Hệ thống), *Tuyển tập án lệ & các quyết định giám đốc thẩm của tòa án nhân dân tối cao về hình sự, dân sự, kinh tế, lao động: (Tuyển tập 26 án lệ)*, Nxb. Lao động (2018).

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CDR của HP
Tiết 1-4	<p>Vấn đề 1: Khởi kiện thụ lý vụ án lao động</p> <p>1.1. Những vấn đề chung về khởi kiện, thụ lý vụ án lao động</p> <p>1.2. Kỹ năng kiểm tra sơ bộ hồ sơ khởi kiện</p> <p>1.3. Điều kiện thụ lý vụ án lao động</p> <p>1.4. Một số tình huống tố tụng và kỹ năng soạn thảo văn bản trong quá trình thụ lý</p>	1,2,3	CO1,CO7
Tiết 5-8	<p>Vấn đề 2: Chuẩn bị xét</p>	1,2	CO1,CO2,CO3

	<p>xử vụ án lao động</p> <p>2.1. Những vấn đề chung về chuẩn bị xét xử vụ án lao động</p> <p>2.2. Kỹ năng thu thập chứng cứ, xây dựng hồ sơ vụ án lao động</p> <p>2.3. Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án lao động</p>		<p>CO4,CO5,CO6</p> <p>CO7</p>
Tiết 9-13	<p>Vấn đề 3: Kỹ năng hòa giải vụ án lao động</p> <p>3.1. Khái niệm và vai trò của hòa giải vụ án lao động</p> <p>3.2. Nguyên tắc, phạm vi của hòa giải vụ án lao động</p> <p>3.3. Kỹ năng hòa giải vụ án lao động</p> <p>3.4. Kỹ năng ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự</p>	1,2	<p>CO1,CO2,CO3</p> <p>CO4,CO5,CO6</p> <p>CO7</p>
Tiết 14-18	<p>Vấn đề 4: Phiên tòa lao động sơ thẩm</p> <p>4.1. Những quy định chung về phiên tòa lao động sơ thẩm</p> <p>4.2. Kỹ năng chuẩn bị cho việc mở phiên tòa lao</p>	1,2	<p>CO1,CO2,CO3</p> <p>CO4,CO5,CO6</p> <p>CO7</p>

	<p>động sơ thẩm</p> <p>4.3. Kỹ năng điều khiển phiên tòa lao động sơ thẩm</p> <p>4.4. Kỹ năng thực hiện các công việc sau phiên tòa</p>		
Tiết 19-23	<p>Vấn đề 5: Kỹ năng phúc thẩm vụ án lao động</p> <p>5.1. Những vấn đề chung về thủ tục phúc thẩm vụ án lao động</p> <p>5.2. Kỹ năng nhận kháng cáo, kháng nghị vụ án lao động</p> <p>5.3. Kỹ năng xét xử phúc thẩm vụ án lao động</p> <p>5.4. Những điểm riêng trong thủ tục phúc thẩm vụ án lao động đối với quyết định của Tòa án sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị</p>	1,2	<p>CO1,CO2,CO3</p> <p>CO4,CO5,CO6</p> <p>CO7</p>
Tiết 24-28	<p>Vấn đề 6: Kỹ năng giám đốc thẩm, tái thẩm vụ án lao động</p> <p>6.1. Tính chất giám đốc thẩm, tái thẩm</p> <p>6.2. Căn cứ, thủ tục giám</p>	1,2	<p>CO1,CO2,CO3</p> <p>CO4,CO5,CO6</p> <p>CO7</p>

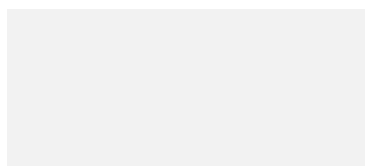
	đốc thẩm, tái thẩm 6.3. Thẩm quyền giám đốc thẩm, tái thẩm 6.4. Phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm		
Tiết 29-30	Ôn tập kết thúc môn		

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

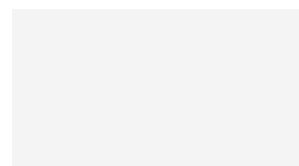
Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã học phần: 010100067603

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	15 + 30 + 105 = 150
T = Bài tập					
P = Thực hành	15	0	0	30	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Lý luận nhà nước và pháp luật 1&2

Học phần học trước: Lý luận nhà nước và pháp luật 1&2

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

MT1: Tranh bị những kiến thức cơ bản về tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự.

3.2. Về kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng chuyên môn

MT2 : Trang bị kỹ năng tìm kiếm, cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan ; Vận dụng và thực hiện được các kỹ năng cơ bản trong việc tư vấn pháp luật dân sự đối với các

vụ việc cụ thể; Vận dụng được kiến thức về pháp luật nội dung trong việc tiếp xúc khách hàng nhằm xác định nội dung yêu cầu tư vấn;

3.2.2. Kỹ năng mềm

MT3 : Trang bị kỹ năng lập luận, tranh luận, trình bày ; kỹ năng phản biện, làm việc độc lập và làm việc nhóm ; trang bị kỹ năng tự học, tự nghiên cứu.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

MT4: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.4. Về thái độ

MT5: Hình thành nhận thức đúng đắn về ý nghĩa, vai trò và mục đích của việc thực hành kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai. Hình thành thái độ khách quan đối với lợi ích khách hàng cần được bảo vệ trong mối tương quan với lợi ích của phía bên kia, của Nhà nước và cộng đồng.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
010100067603	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự	0	0	3	0	0	3	2	2	2	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu	CDR của	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả	CDR của CTĐT

HP	HP	năng:	
Kiến thức			
MT1	CO1	<p>Nhận diện được các khái niệm cơ bản về tư vấn và hoạt động tư vấn pháp luật dân sự; xác định được các yếu tố cần thiết của hoạt động tư vấn pháp luật dân sự; nhận diện được những thuận lợi và khó khăn của hoạt động tư vấn pháp luật dân sự; nhận diện được các công việc cần phải thực hiện khi tư vấn pháp luật nói chung, tư vấn pháp luật dân sự nói riêng; xác định được những yếu tố cần thiết và có kỹ năng trong việc tư vấn pháp luật dân sự liên quan đến cá nhân; xác định được những yếu tố cần thiết và có kỹ năng trong việc tư vấn pháp luật dân sự về tài sản, quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản; xác định được những yếu tố cần thiết và có kỹ năng trong việc tư vấn pháp luật dân sự về hợp đồng; xác định được những yếu tố cần thiết và có kỹ năng trong việc tư vấn pháp luật dân sự về thừa kế; xác định được những yếu tố cần thiết và có kỹ năng trong việc tư vấn pháp luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.</p>	PO2, PO3
Kỹ năng			
MT2	CO2	<p>Trang bị kỹ năng tìm kiếm, cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan ; Vận dụng và thực hiện được các kỹ năng cơ bản trong việc tư vấn pháp luật dân sự đối với các vụ việc cụ thể; Vận dụng được kiến thức về pháp luật nội dung trong việc tiếp xúc khách hàng nhằm xác định nội dung yêu cầu tư vấn;</p>	PO4, PO5, PO6
MT3	CO3	Có khả năng lập luận, tranh luận, trình bày các	PO7, PO8, PO9,

		vấn đề một cách logic, rõ ràng, dễ hiểu; có kỹ năng phân biện, phê phán; có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm ; trang bị kỹ năng tự học, tự nghiên cứu suốt đời.	PO10
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT4	CO4	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	PO13, PO14, PO15, PO16
MT5	CO5	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Kỹ năng tư vấn pháp luật dân sự là môn học của chương trình đào tạo cử nhân luật, cung cấp cho người học một số kỹ năng thực hành trong tư vấn pháp luật dân sự.

Môn học được thiết kế nhằm giúp người học có thể ứng dụng các kiến thức về luật dân sự đã được lĩnh hội để tư vấn cho đương sự trong những tình huống khác nhau thuộc lĩnh vực dân sự. Môn học “Kỹ năng tư vấn pháp luật dân sự” sẽ trang bị cho người học một số kiến thức và kỹ năng cơ bản sau đây: Kiến thức chung về tư vấn pháp luật và tư vấn pháp luật dân sự; kỹ năng tư vấn pháp luật dân sự trong những trường hợp cụ thể: tư vấn pháp luật về sở hữu; tư vấn pháp luật về hợp đồng; tư vấn pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; tư vấn pháp luật về thừa kế.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
---	-----------------	--------------------------------

Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO2, CO3, CO4, CO5
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO3, CO5

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận,	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4,	10

kiểm tra giữa kỳ		ra đề	CO5	
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Đinh Văn Thanh, Nguyễn Minh Tuấn (2018) *Giáo trình luật dân sự Việt Nam* (tập 1 và tập 2), Nxb. Công an nhân dân.
2. Phạm Văn Tuyết, Trần Thị Huệ (2022), *Giáo trình luật dân sự Việt Nam*, (tập 1 và tập 2), Nxb. Tư pháp.
3. Bộ luật Dân sự năm 2015

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015
2. Bộ luật Lao động năm 2019
3. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
4. Luật Đất đai năm 2013.
5. Luật Doanh nghiệp năm 2020

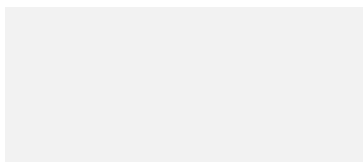
11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CDR của HP
Tiết 1-3	Vấn đề 1. Tổng quan về hoạt động tư vấn và tư vấn pháp luật dân sự	1,2,3	CO1, CO5
Tiết 4-9	Vấn đề 2. Kỹ năng tư vấn pháp luật về chủ thể trong quan hệ dân sự	1,2,3	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Tiết 10-15	Vấn đề 3. Kỹ năng tư vấn pháp luật về tài sản, quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản	1,2,3	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

Tiết 16-21	Vấn đề 4. Kỹ năng tư vấn pháp luật về hợp đồng	1,2,3	CO1, CO2, CO3,CO4, CO5
Tiết 22-26	Vấn đề 5. Kỹ năng tư vấn pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	1,2,3	CO1, CO2, CO3,CO4, CO5
Tiết 27-29	Vấn đề 6. Kỹ năng tư vấn pháp luật về thừa kế	1,2,3	CO1, CO2, CO3,CO4, CO5
Tiết 30-30	Ôn tập kết thúc môn	1,2,3	CO1, CO2, CO3,CO4, CO5

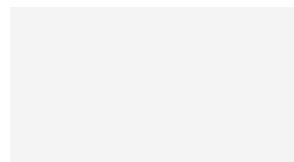
Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Kỹ Năng tư vấn pháp luật về thuế

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã học phần: 0101001420

Số tín chỉ: 02

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	15	5	0	10	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Luật Tài chính 2

Học phần học trước: Luật Tài chính 2

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Hiểu và nêu được một số khái niệm cơ bản về pháp luật thuế.

M2: Nhận diện được nội dung và vận dụng một số kỹ năng tư vấn pháp luật đối với các hoạt động thu, chi chủ yếu về thuế.

M3: Hiểu và nắm được một số khái niệm cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật thuế, đặc biệt liên quan đến DN.

M4: Nhận diện được nội dung và kỹ thuật tương ứng trong hoạt động tư vấn pháp luật thuế.

M5: Nêu được các dạng tranh chấp thuế phổ biến; trình tự, thủ tục giải quyết các tranh chấp thuế.

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M6: Thành thạo kỹ năng tìm kiếm và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết những tình huống pháp luật cơ bản, điển hình trong lĩnh vực tài chính DN.

M7: Phát triển kỹ năng xác định và giải quyết vấn đề pháp luật tài chính DN trong hoạt động của DN.

M8: Phát triển kỹ năng xác định và giải quyết vấn đề pháp luật thuế trong hoạt động của DN.

- Kỹ năng mềm

M9: Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp.

M10: Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M11: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M12: Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;

M13: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;

M14: Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.4. Về thái độ

M15: Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật;

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế	0	0	3	0	0	3	2	2	2	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3 MT4 MT5	CO1	Hiểu và nêu được một số khái niệm cơ bản về pháp luật thuế. Nhận diện được nội dung và vận dụng một số kỹ năng tư vấn pháp luật đối với các hoạt động thu, chi chủ yếu về thuế. Hiểu và nắm được một số khái niệm cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật thuế, đặc biệt liên quan đến DN. Nhận diện được nội dung và kỹ thuật tương ứng trong hoạt động tư vấn pháp luật thuế.	PO3
Kỹ năng			
MT6	CO2	Thành thạo kỹ năng tìm kiếm và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết những tình huống pháp luật cơ bản, điển hình trong lĩnh vực tài chính DN.	PO6
MT7	CO3	Phát triển kỹ năng xác định và giải quyết vấn đề pháp luật tài chính DN trong hoạt động của DN.	PO7
MT8	CO4	Phát triển kỹ năng xác định và giải quyết vấn đề pháp luật thuế trong hoạt động của DN.	PO8
MT9 MT10	CO5	Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp. Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;	PO9,11,12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT11 MT12 MT13 MT14	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	PO15, PO16, PO17, PO18
MT15	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị	PO19

		khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	
--	--	--	--

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế trang bị cho sinh viên một số kỹ năng tư vấn pháp luật đối với các hoạt động thu, chi chủ yếu về thuế. Hiểu và nắm được một số khái niệm cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật thuế, đặc biệt liên quan đến DN. Nhận diện được nội dung và kỹ thuật tương ứng trong hoạt động tư vấn pháp luật thuế.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3, CO4, CO5, CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
-----------	--------------	-------------------	------------	-------------

Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Giáo trình kỹ năng tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp (Phần chuyên sâu) (2016), Nxb. Tư pháp;

2. Phạm Thị Giang Thu (chủ biên); Nguyễn Văn Tuyền, Nguyễn Thị Ánh Vân, Vũ Văn Cương (2018), *Giáo trình luật thuế Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân.

10.2. Tài liệu tham khảo

- Bộ luật dân sự Việt Nam năm 2015;
- Luật thương mại Việt Nam năm 2005;
- Luật doanh nghiệp năm 2020;
- Hiến pháp năm 2013
- Luật Quản lý thuế 2019
- Luật NSNN năm 2015
- Luật thuế XK, thuế NK năm 2016.
- Luật thuế TTĐB năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).
- Luật thuế GTGT năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2013)
- Luật thuế TNDN năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2013)
- Luật thuế TNCN năm 2007 (sửa đổi, bổ sung năm 2012)
- Nguyễn Thị Thủy, *Giáo Trình Luật Thuế (Tái Bản Có Bổ Sung)*, Nxb Hồng Đức - Hội Luật Gia Việt Nam-2017.
- Phan Hiền Minh (2009), *Giáo Trình Thuế (nghiệp vụ và bài tập)*, Nxb Thống kê.

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CDR của HP
Tiết 1-6	Vấn đề 1: Tư vấn pháp luật thuế cho DN 1.1. Các loại thuế liên quan đến DN	1,2	CO1, CO7

	1.2. Những vướng mắc DN thường gặp phải trong quá trình thực hiện nghĩa vụ người nộp thuế 1.		
Tiết 7-15	Vấn đề 2: Tư vấn pháp luật về thủ tục hành chính và tổ tụng trong lĩnh vực thuế liên quan đến DN 2.1. Hướng dẫn các thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế 2.2. Tư vấn pháp luật thuế trong kiểm tra, thanh tra thuế và các tranh chấp về thuế	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 16-21	Vấn đề 3. Tư vấn pháp luật về vốn của DN 3.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại vốn trong DN 3.2. Tư vấn pháp luật về tạo lập, huy động vốn của DN 3.3. Tư vấn pháp luật về sử dụng vốn của DN	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 22-27	Vấn đề 4. Tư vấn pháp luật về doanh thu, chi phí và phân phối lợi nhuận của DN 4.1. Tư vấn pháp luật về doanh thu, chi phí và giá thành của DN 4.2. Tư vấn pháp luật về lợi nhuận và phân phối lợi nhuận trong DN	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 28-30	Ôn tập	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

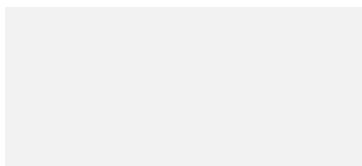
12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).

- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

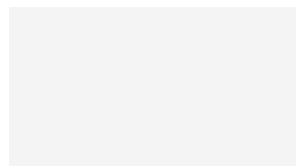
Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã học phần: 0101001424

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết					30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	18	6	0	6	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Luật đất đai

Học phần học trước: Luật đất đai

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Nắm bắt được kiến thức chuyên sâu về các kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực luật đất đai.

M2: Nắm được một số kỹ năng về nghiên cứu hồ sơ, phân tích vụ việc đất đai.

M3: Có những kiến thức về những kỹ năng tư vấn pháp luật đặc thù trong một số lĩnh vực cụ thể như: giao đất, cho thuê đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất; giá đất và các vấn đề tài chính về đất đai; về quy trình và thủ tục lập

và xin cấp phép các dự án đầu tư; về kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng trong các giao dịch về quyền sử dụng đất; về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất; khiếu nại, tố cáo về đất đai, tranh chấp đất đai, giải quyết tranh chấp đất đai.

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M4: nhận diện, phân tích các tình huống pháp luật đất đai và đưa ra hướng giải quyết; Kỹ năng soạn thảo văn bản pháp luật như: Soạn thảo các hợp đồng trong các giao dịch về quyền sử dụng đất; Soạn thảo các đơn, thư khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đất đai; Soạn thảo đơn khởi kiện vụ án đất đai.

M5: Bước đầu có kỹ năng tư vấn pháp luật về giao dịch đất đai; Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Thời hạn; hạn mức sử dụng đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giải quyết tranh chấp đất đai; tố cáo, khiếu nại về đất đai.

- Kỹ năng mềm

M6: Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp.

M7: Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ; Có khả năng vận dụng pháp luật đất đai để giải quyết hiệu quả các vấn đề pháp lý phát sinh trong lĩnh vực đất đai.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M8: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M9: Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;

M10: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;

M11: Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.4. Về thái độ

M12: Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật;

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
0101001424	Kỹ năng	0	0	3	0	0	3	2	2	2	0
	TVPL trong LV đất đai	PO11	PO1	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3 MT4 MT5	CO1	Cập nhật, phân tích, rèn luyện chuyên sâu về các kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực luật đất đai như: nghiên cứu hồ sơ, phân tích vụ việc đất đai.	PO3
Kỹ năng			
MT6	CO2	Cập nhật được các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực luật đất đai	PO6
MT7	CO3	Có khả năng vận dụng pháp luật để tư vấn, giải quyết được các tình huống phát sinh trong thực tiễn có liên quan đến các vấn đề chung về luật đất đai; về giao dịch đất đai, cấp giấy	PO7

		chứng nhận quyền sử dụng đất, giải quyết tranh chấp đất đai.	
MT8	CO4	Bước đầu có khả năng tư vấn pháp luật có liên quan đến các quy định chung của luật đất đai; quy định pháp luật về Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Thời hạn; hạn mức sử dụng đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giải quyết tranh chấp đất đai; tố cáo, khiếu nại về đất đai; soạn thảo các văn bản pháp luật...	PO8
MT9 MT10	CO5	Có khả năng tranh luận, lập luận để bảo vệ quan điểm của mình, có khả năng đánh giá, phê phán, có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có kỹ năng tự cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu, kỹ năng soạn thảo văn bản	PO9,11,12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT11 MT12 MT13 MT14	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	PO15, PO16, PO17, PO18
MT15	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai trang bị cho sinh viên các kiến thức chung về kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, phân tích vụ việc đất đai, tư vấn giải

quyết tranh chấp đất đai; tư vấn về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất; tư vấn soạn thảo, đàm phán trong lĩnh vực đất đai, khiếu nại tố cáo về đất đai.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức kỹ năng tư vấn pháp luật về đất đai như: quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; giải quyết tranh chấp đất đai; khiếu nại tố cáo về đất đai.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3,CO4,CO5,CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận nhóm hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.	CO7	7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Trần Quang Huy-Chủ biên (2021), *Giáo trình Luật Đất đai*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

2. Luật Đất đai năm 2013 sửa đổi bổ sung năm 2018.

3. Bộ Luật Dân sự năm 2015.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Văn Đại (2012), *Giao dịch và giải quyết tranh chấp giao dịch quyền sử dụng đất*, Nxb Lao Động, Tp.HCM.

2. Trần Quang Huy (2018), *Giáo trình luật đất đai*, Nxb Công an nhân dân.

3. Phạm Thị Hương Lan (2013), *Bình luận khoa học luật đất đai 2013*, Nxb Lao Động, Hà Nội.

4. Trần Quang Huy (Chủ biên)-Nguyễn Thị Nga-Nguyễn Quang Tuyền (2017), *Bình luận chế định quản lý nhà nước về đất đai trong luật đất đai 2013*, Nxb. Tư pháp.

5. Ngô Thu Trang, Lê Thế Phúc - đồng chủ biên (2020), *Tích tụ, tập trung đất đai ở Việt Nam lý luận và pháp luật hiện hành : Luật đất đai và văn bản hướng dẫn thi hành năm 2020*, Nxb. Thanh Niên.

6. Vũ Duy Khang (2016), *Các nguyên tắc và các phương pháp áp dụng pháp luật đất đai 2016*, Nxb. Hồng Đức, Tp.HCM.

7. Luật Nhà ở năm 2023

8. Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CDR của HP
Tiết 1-3	<p>Vấn đề 1: Khái quát về kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai</p> <p>1.1. Khái niệm, đặc điểm và tầm quan trọng của tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai</p> <p>1.2. Các hình thức tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai</p> <p>1.3. Vai trò của tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai</p> <p>1.4. Các hình thức tư vấn pháp luật đất đai</p>	1,2,3	CO1,CO7
Tiết 1-3	<p>Vấn đề 2: Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, phân tích vụ việc đất đai</p> <p>2.1. Các kỹ năng cơ bản của việc nghiên cứu hồ sơ, phân tích vụ việc đất đai</p> <p>2.2. Các bước tiến hành nghiên cứu hồ sơ, phân tích vụ việc đất đai</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	<p>2.2.1. Đọc sơ bộ hồ sơ</p> <p>2.2.2. Sắp xếp hồ sơ, tài liệu</p> <p>2.2.3. Đọc chi tiết hồ sơ</p> <p>2.2.4. Tóm lược vụ việc</p> <p>2.2.5. Phân tích vụ việc</p> <p>2.2.6. Xác định câu hỏi pháp lý của vụ việc</p>		
Tiết 4-6	<p>Vấn đề 3: Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư</p> <p>3.1. Tiếp nhận thông tin và phân tích yêu cầu, nguyện vọng của khách hàng</p> <p>3.2. Nhận diện các cơ sở pháp lý</p> <p>3.3. Tư vấn lựa chọn các phương thức tiếp cận đất đai để đầu tư</p> <p>3.4. Tư vấn về quy trình, thủ tục thực hiện dự án đầu tư</p> <p>3.4.1. Tư vấn về hồ sơ pháp lý</p> <p>3.4.2. Tư vấn về trình tự, thủ tục giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, nhận chuyển nhượng đất để thực hiện các dự án đầu tư</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 7-9	<p>Vấn đề 4: Tư vấn về quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	<p>4.1. Tư vấn về quyền của hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất</p> <p>4.1.1. Tư vấn về quyền được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất</p> <p>4.1.2. Tư vấn thực hiện các giao dịch về quyền sử dụng đất</p> <p>4.1.3. Tư vấn về quyền được tiếp cận và minh bạch hóa thông tin về đất đai</p> <p>4.2. Tư vấn về thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất</p> <p>4.2.1. Tư vấn về đăng ký đất đai</p> <p>4.2.2. Tư vấn về thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất</p>		
Tiết 7-9	<p>Vấn đề 5: Kỹ năng tư vấn pháp luật về giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất</p> <p>5.1. Trình tự thủ tục xin giao, cho thuê, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất khi doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư</p> <p>5.2. Thẩm quyền, hình thức giao, cho thuê, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	5.3. Các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép		
Tiết 10-12	<p>Vấn đề 6: Kỹ năng tư vấn pháp luật về đăng Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất</p> <p>6.1. Đăng ký đất đai</p> <p>6.2. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.</p> <p><i>6.2.1. Các trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.</i></p> <p><i>6.2.2. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.</i></p> <p><i>6.2.3. Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.</i></p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 13-15	<p>Vấn đề 7: Tư vấn pháp luật trong lĩnh vực tranh chấp đất đai</p> <p>7.1. Nhận diện các dạng tranh chấp đất đai điển hình và tính đặc thù của mỗi loại tranh chấp để xác định nguồn luật áp dụng</p> <p><i>7.1.1. Tranh chấp về hợp đồng trong lĩnh vực đất đai</i></p> <p><i>7.1.2. Tranh chấp về kiện đòi quyền sử dụng đất</i></p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	<p>7.1.3. Tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất</p> <p>7.1.4. Tranh chấp về chia tài sản là quyền sử dụng đất khi vợ chồng ly hôn</p> <p>7.1.5. Các loại tranh chấp khác về quyền sử dụng đất</p> <p>7.2. Tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai</p> <p>7.2.1. Tư vấn hòa giải tranh chấp đất đai</p> <p>7.2.2. Tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai bằng con đường tòa án</p> <p>7.2.3. Tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai bằng con đường hành chính quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai</p>		
Tiết 16-18	<p>Vấn đề 8: Tư vấn pháp luật về khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đất đai</p> <p>7.1. Nhận diện các khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đất đai và xác định nguồn luật áp dụng.</p> <p>7.1.1. Nhận diện các loại khiếu nại trong lĩnh vực đất đai và nguồn luật áp dụng</p> <p>7.1.2. Nhận diện các loại tố cáo trong lĩnh vực đất đai và nguồn luật áp dụng</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

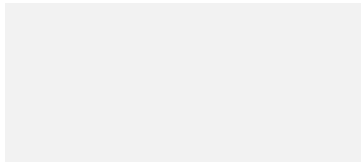
	7.2. Tư vấn về việc soạn thảo đơn khiếu nại trong lĩnh vực đất đai		
Tiết 19- 21	Thảo luận 1 Bài tập nhóm/Báo cáo nhóm	1,2,3,4	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 22- 24	Thảo luận 2 Bài tập nhóm/Báo cáo nhóm	1,2,3,4	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 25- 27	Thảo luận 3 Bài tập nhóm/Báo cáo nhóm	1,2,3,4	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 28- 30	Thảo luận 4 Bài tập nhóm/Báo cáo nhóm	1,2,3,4	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

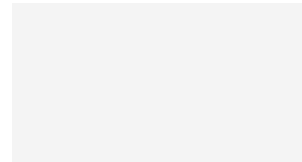
Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Kỹ năng tư vấn pháp luật về doanh nghiệp

Mã học phần: 0101000704

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	15	0	15	0	30 + 90 = 120

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Lý luận nhà nước và pháp luật 1&2

Học phần học trước: Luật doanh nghiệp

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Nêu và phân tích được các đặc điểm pháp lý của các loại thương nhân, bao gồm: CTCP, công ty TNHH, công ty hợp danh, DNTN, nhóm công ty, tập đoàn kinh tế;

M2: Nhận diện được từng loại hình doanh nghiệp, phân biệt và đánh giá được ưu điểm, hạn chế của từng loại; Xác định được quy định về thành lập doanh nghiệp và quy chế pháp lý về thành viên đầu tư thành lập và góp vốn vào doanh nghiệp;

M3: Nêu và phân tích được quy định pháp luật về vốn của các loại hình doanh nghiệp; quy định về cơ cấu tổ chức, quản lý doanh nghiệp (quản trị doanh nghiệp); Xác định được

được những nội dung cơ bản của quyền tự do kinh doanh, phân tích được một số rào cản quyền tự do kinh doanh trong pháp luật hiện hành và thực tiễn áp dụng.

M4: Xác định được mục đích, các hình thức và cách thức tổ chức lại doanh nghiệp; Xác định được bản chất, điều kiện của việc chấm dứt hoạt động doanh nghiệp thông qua giải thể và phá sản;

M5: Có những kiến thức về Kỹ năng tư vấn các loại việc cụ thể về tư vấn thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp và tổ chức lại doanh nghiệp; tư vấn về quản lý nội bộ doanh nghiệp; tư vấn đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại; tư vấn thực hiện một số hoạt động thương mại thông dụng; tư vấn pháp luật về đầu tư; tư vấn pháp luật về giải thể, phá sản...

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M6: Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề của pháp luật doanh nghiệp;

M7: Thành thạo một số kỹ năng tìm, tra cứu và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn kinh doanh;

M8: Vận dụng kiến thức về doanh nghiệp để có thể tư vấn lựa chọn loại hình doanh nghiệp phù hợp yêu cầu, khả năng của chủ đầu tư; giải quyết tranh chấp phát sinh trong quá trình thành lập, hoạt động của doanh nghiệp;

M9: Tư vấn cho các đối tượng là doanh nghiệp, người góp vốn vào doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức liên quan đến hoạt động thương mại;

M10: Soạn thảo các văn bản thông dụng trong hoạt động tư vấn về tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại.

M11: Tham gia tháo gỡ vướng mắc về pháp lý trong quản trị nội bộ doanh nghiệp, gia nhập và rút khỏi thị trường trong hoạt động thương mại;

M12: Tham gia các hoạt động xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật thương mại.

- Kỹ năng mềm

M13: Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp.

M14: Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;

3.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm.

M15: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M16: Tự định hướng và đưa ra các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá; và phát triển kỹ năng lập luận, hùng biện của người học;

M17: Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, điều khiển, theo dõi kiểm tra hoạt động, làm việc nhóm, lập mục tiêu, phân tích chương trình.

3.4. Về thái độ.

M18: Rèn luyện sinh viên có các phẩm chất chính trị, đạo đức như sau: Trung thành với tổ quốc; có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức về trách nhiệm công dân; chăm chỉ, nhiệt tình, sáng tạo; có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học; có đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp và chủ động trong công việc.

M19: Hình thành nhận thức và thái độ đúng đắn về quyền tự do kinh doanh của tổ chức, cá nhân trong nền kinh tế thị trường;

M20: Hình thành thái độ khách quan đối với lợi ích cần được bảo vệ của các chủ thể có liên quan đến hoạt động kinh doanh, bao gồm lợi ích của thương nhân, chủ nợ của thương nhân, của người lao động và của Nhà nước.

M21: Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật;

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
010100067603	Kỹ năng tư vấn PL	0	0	2	3	0	3	2	2	2	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
	doanh nghiệp	2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2	CO1	Có những kiến thức về Kỹ năng tư vấn các loại việc cụ thể về tư vấn thành lập doanh nghiệp,	PO4

MT3 MT4 MT5		góp vốn vào doanh nghiệp và tổ chức lại doanh nghiệp; tư vấn về quản lý nội bộ doanh nghiệp; tư vấn đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại; tư vấn thực hiện một số hoạt động thương mại thông dụng; tư vấn pháp luật về đầu tư; tư vấn pháp luật về giải thể, phá sản...	
Kỹ năng			
MT6,7	CO2	Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề của pháp luật doanh nghiệp; Thành thạo một số kỹ năng tìm, tra cứu và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn kinh doanh;	PO6
MT8,9	CO3	Vận dụng kiến thức về doanh nghiệp để có thể tư vấn lựa chọn loại hình doanh nghiệp phù hợp yêu cầu, khả năng của chủ đầu tư; giải quyết tranh chấp phát sinh trong quá trình thành lập, hoạt động của doanh nghiệp; Tư vấn cho các đối tượng là doanh nghiệp, người góp vốn vào doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức liên quan đến hoạt động thương mại;	PO7
MT10,11	CO4	Soạn thảo các văn bản thông dụng trong hoạt động tư vấn về tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại. Tham gia tháo gỡ vướng mắc về pháp lý trong quản trị nội bộ doanh nghiệp, gia nhập và rút khỏi thị trường trong hoạt động thương mại;	PO8
MT12	CO5	Tham gia các hoạt động xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật thương mại.	PO9,11,12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT13 MT14 MT15 MT16	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có	PO15, PO16, PO17, PO18

		thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	
MT17	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Kỹ năng tư vấn pháp luật doanh nghiệp trang bị cho sinh viên các kiến thức về Kỹ năng tư vấn các loại việc cụ thể về tư vấn thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp và tổ chức lại doanh nghiệp; tư vấn về quản lý nội bộ doanh nghiệp; tư vấn đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại; tư vấn thực hiện một số hoạt động thương mại thông dụng; tư vấn pháp luật về đầu tư; tư vấn pháp luật về giải thể, phá sản...

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3, CO4, CO5, CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Trường Đại học Luật TP.HCM (2015), *Giáo trình pháp luật về chủ thể kinh doanh*, Nxb. Hồng Đức, TP.HCM

2. Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

10.2. Tài liệu tham khảo

1 Nguyễn Viết Tý, Nguyễn Thị Dung (đồng chủ biên) (2021), *Giáo trình luật thương mại Việt Nam Tập I*, Nxb Tư pháp.

2. Trương Nhật Quang (2016), *Pháp luật về doanh nghiệp – các vấn đề pháp lý cơ bản*, Nxb Dân Trí, Tp HCM

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CDR của HP
Tiết 1-6	<p>Vấn đề 1: Những vấn đề chung về tư vấn pháp luật trong lĩnh vực doanh nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu đề cương môn học, - Chia nhóm sinh viên, cử nhóm trưởng; <p>1.1. Khái niệm, đặc điểm và tầm quan trọng của tư vấn pháp luật trong lĩnh vực doanh nghiệp</p> <p>1.2. Các yêu cầu cơ bản của tư vấn pháp luật trong lĩnh vực doanh</p>	1,2	CO1, CO7

	<p>1.3. Các hình thức tư vấn pháp luật trong lĩnh vực doanh nghiệp</p> <p>1.4. Các bước cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật</p> <p>1.4.1. Kỹ năng tiếp xúc khách hàng</p> <p>1.4.2. Xác định vấn đề pháp lý cần tư vấn</p> <p>1.4.3. Thoả thuận hợp đồng dịch vụ tư vấn</p> <p>1.4.4. Xác định nguồn luật áp dụng</p> <p>1.4.5. Trả lời tư vấn</p>		
Tiết 7-9	<p>Vấn đề 2: Kỹ năng tiếp xúc khách hàng, nghiên cứu hồ sơ, phân tích vụ việc thương mại và xác định các vấn đề pháp lý</p> <p>2.1. Kỹ năng tiếp xúc khách hàng</p> <p>2.2. Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ</p> <p>2.3. Kỹ năng phân tích vụ việc thương mại</p> <p>2.4. Kỹ năng xác định các vấn đề pháp lý</p>	1,2	CO1,CO2, CO3,CO4 CO5,CO6 ,CO7
Tiết 10-15	<p>Vấn đề 3. Tư vấn thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp và tổ chức lại doanh nghiệp</p> <p>3.1. Tư vấn thành lập doanh nghiệp</p> <p>3.2. Tư vấn góp vốn và chuyển nhượng vốn góp trong doanh nghiệp</p> <p>3.3. Tư vấn tổ chức lại doanh nghiệp</p>	1,2	CO1,CO2, CO3,CO4 CO5,CO6, CO7
Tiết 16 – 24	<p>Vấn đề 4: Tư vấn về quản lý nội bộ doanh nghiệp</p> <p>4.1. Tư vấn lựa chọn mô hình tổ chức quản lý phù hợp</p> <p>4.2. Tư vấn soạn thảo, hoàn thiện điều lệ và một số văn bản thường sử dụng trong quản lý nội bộ doanh nghiệp</p> <p>4.3. Tư vấn kiểm soát giao dịch có nguy cơ phát sinh tư lợi</p> <p>4.4. Tư vấn xử lý tình huống tranh chấp trong quản lý nội bộ doanh nghiệp</p>	1,2	CO1,CO2, CO3,CO4 CO5,CO6, CO7
Tiết	Vấn đề 5: Tư vấn pháp luật về giải thể, phá sản	1,2	CO1,CO2,

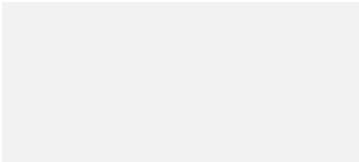
25-30	5.1. Tư vấn pháp luật về giải thể 5.2. Tư vấn pháp luật về phá sản ÔN TẬP KẾT THÚC MÔN		CO3,CO4 CO5,CO6, CO7
--------------	---	--	----------------------------

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

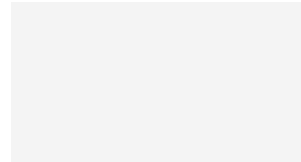
Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Kỹ Năng tư vấn pháp luật trong hoạt động ngân hàng

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã học phần: 0101001427

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết					30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	15	5	0	10	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Luật Ngân hàng

Học phần học trước: Luật Ngân hàng

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Hiểu và nêu được một số khái niệm cơ bản về pháp luật về ngân hàng.

M2: Nhận diện được nội dung và vận dụng một số kỹ năng tư vấn pháp luật đối với các hoạt động ngân hàng.

M3: Hiểu và nắm được một số khái niệm cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật ngân hàng.

M4: Nhận diện được nội dung và kỹ thuật tương ứng trong hoạt động tư vấn pháp

luật ngân hàng.

M5: Nêu được các dạng tranh chấp phổ biến trong hoạt động ngân hàng; trình tự, thủ tục giải quyết các tranh chấp trong hoạt động ngân hàng.

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M6: Thành thạo kỹ năng tìm kiếm và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết những tình huống pháp luật cơ bản, điển hình trong lĩnh vực ngân hàng.

M7: Phát triển kỹ năng xác định và giải quyết vấn đề pháp luật ngân hàng trong hoạt động của ngân hàng.

M8: Phát triển kỹ năng xác định và giải quyết vấn đề pháp luật ngân hàng trong hoạt động của ngân hàng.

- Kỹ năng mềm

M9: Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp.

M10: Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M11: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M12: Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;

M13: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;

M14: Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.4. Về thái độ

M15: Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật;

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
	Kỹ năng	0	0	3	0	0	3	2	2	2	0
	tư vấn	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
	pháp luật	2	2	0	0	2	2	2	2	2	
	trong hoạt động ngân hàng										

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3 MT4 MT5	CO1	Hiểu và nêu được một số khái niệm cơ bản về pháp luật về ngân hàng. Nhận diện được nội dung và vận dụng một số kỹ năng tư vấn pháp luật đối với các hoạt động ngân hàng. Hiểu và nắm được một số khái niệm cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật ngân hàng.	PO3
Kỹ năng			
MT6	CO2	Thành thạo kỹ năng tìm kiếm và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết những tình huống pháp luật cơ bản, điển hình trong lĩnh vực ngân hàng.	PO6
MT7	CO3	Phát triển kỹ năng xác định và giải quyết vấn đề pháp luật ngân hàng trong hoạt động của ngân hàng.	PO7

MT8	CO4	Phát triển kỹ năng xác định và giải quyết vấn đề pháp luật ngân hàng trong hoạt động của ngân hàng.	PO8
MT9 MT10	CO5	Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp. Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.	PO9,11,12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT11 MT12 MT13 MT14	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	PO15, PO16, PO17, PO18
MT15	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Kỹ năng tư vấn pháp luật trong hoạt động ngân hàng trang bị cho sinh viên một số kỹ năng tư vấn pháp luật đối với các hoạt động ngân hàng. Hiểu và nắm được một số khái niệm cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật trong hoạt động ngân hàng. Nhận diện được nội dung và kỹ thuật tương ứng trong hoạt động tư vấn pháp luật trong hoạt động ngân hàng.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
---	-----------------	--------------------------------

Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3,CO4,CO5,CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.	CO7	7

Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Văn Vân (2019), *Giáo trình luật ngân hàng*, Nxb. Hồng Đức – Hội Luật Gia, TP.HCM.
2. Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010
3. Luật ngân hàng nhà nước Việt Nam năm 2010.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ luật dân sự Việt Nam năm 2015;
2. Luật thương mại Việt Nam năm 2005;
3. Luật doanh nghiệp năm 2020;
4. Nghị định của Chính phủ số 96/2008/NĐ-CP ngày 26/08/2008 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
5. Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình Ngân hàng Thương mại*, Nxb Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh;
6. Trường Đại học luật Tp. Hồ Chí Minh (2015), *Giáo trình Luật Ngân hàng*, Nxb Hồng Đức-Hội Luật gia Việt Nam;
7. Trần Vũ hải (2010), *Giáo trình Luật Ngân hàng Việt Nam*, Nxb Giáo dục Việt nam;
8. Lê thị Ngân Hà (2014), *Pháp luật về hạn chế rủi ro tín dụng*, Nxb Đại học Quốc gia Tp, Hồ Chí Minh.

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CDR của HP
Tiết 1-6	Vấn đề 1: Tư vấn pháp luật	1,3	CO1,CO7

	<p>ngân hàng</p> <p>1. Những vấn đề lý luận cơ bản về luật ngân hàng</p> <p>2. Những vấn đề lý luận về kỹ năng tư vấn luật ngân hàng</p>		
Tiết 7-15	<p>Vấn đề 2. Tư vấn pháp luật về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng nhà nước</p> <p>1. Vị trí pháp lý và chức năng của Ngân hàng Nhà nước</p> <p>2. Kỹ năng tổ chức, quản trị và điều hành Ngân hàng Nhà nước</p> <p>3. Kỹ năng quản lý hoạt động của Ngân hàng Nhà nước</p>	1,2	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 16-21	<p>Vấn đề 3. Tư vấn Pháp luật về chủ thể kinh doanh ngân hàng</p> <p>1. Kỹ năng thành lập, tổ chức, quản trị và điều hành</p> <p>2. Kỹ năng tổ chức hoạt động của các chủ thể kinh doanh ngân hàng</p> <p>3. Kiểm soát đặc biệt, giải thể, phá sản đối với các chủ thể kinh doanh ngân hàng</p>	1,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 22-27	<p>Vấn đề 4. Tư vấn Pháp luật về huy động vốn của tổ chức tín dụng</p> <p>1. Pháp luật về nhận tiền gửi</p> <p>2. Kỹ năng về thực hiện pháp luật trong hoạt động vay vốn ngân hàng trung ương</p>	1,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

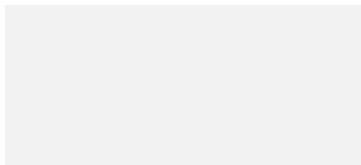
	3. Kỹ năng thực hiện háp luật về hoạt động vay vốn các tổ chức tín dụng khác		
Tiết 28-30	Ôn tập	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giảng viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

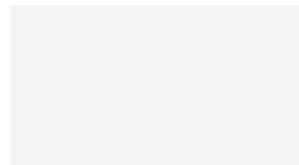
Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại

Mã học phần: 0101001419

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	30 + 60 = 90
	15	0	15	0	

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Lý luận nhà nước và pháp luật 1&2

Học phần học trước: Luật thương mại 2; Luật tố tụng dân sự;

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức.

M1: Xác định được cách thức thực hiện quy trình, thủ tục tiến hành việc giải quyết tranh chấp thương mại;

M2: Phân tích được các quy định về các nguyên tắc, kỹ năng và quy trình giải quyết tranh chấp bằng hình thức thương lượng;

M3: Nêu được các quy định về các nguyên tắc, kỹ năng và quy trình giải quyết tranh chấp bằng hình thức hoà giải thương mại;

M4: Xác định được quy định về các nguyên tắc, kỹ năng và quy trình giải quyết tranh chấp bằng hình thức trọng tài thương mại;

M5: Xác định được quy định về các nguyên tắc, kỹ năng và quy trình giải quyết tranh chấp tại toà án;

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M6: Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề của luật thương mại.

M7: Thành thạo một số kỹ năng tìm, tra cứu và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn kinh doanh;

M8: Vận dụng kiến thức về hoạt động thương mại của thương nhân và chế tài thương mại để tư vấn đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong thương mại; Vận dụng kiến thức về hoạt động thương mại của thương nhân và chế tài thương mại để tư vấn giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng thương mại;

M9: Có kỹ năng bình luận, đánh giá các quy định của pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng; Vận dụng kiến thức, rèn luyện kỹ năng lựa chọn hình thức giải quyết tranh chấp phù hợp;

- Kỹ năng mềm

M10: Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp.

M11: Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;

3.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

M12: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M13: Tự định hướng và đưa ra các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá; và phát triển kỹ năng lập luận, hùng biện của người học;

M14: Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, điều khiển, theo dõi kiểm tra hoạt động, làm việc nhóm, lập mục tiêu, phân tích chương trình.

3.4. Về thái độ.

M15: Rèn luyện sinh viên có các phẩm chất chính trị, đạo đức như sau: Trung thành với

tổ quốc; có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức về trách nhiệm công dân; chăm chỉ, nhiệt tình, sáng tạo; có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học; có đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp và chủ động trong công việc.

M16: Hình thành nhận thức và thái độ đúng đắn về quyền tự do hợp đồng, quyền tự do hoạt động thương mại của tổ chức, cá nhân;

M17: Hình thành thái độ khách quan đối với lợi ích cần được bảo vệ của các chủ thể có liên quan đến hoạt động kinh doanh, bao gồm lợi ích của thương nhân, chủ nợ của thương nhân, của người lao động và của Nhà nước.

M18: Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật;

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
010100067603	Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại	0	0	2	3	0	3	2	2	2	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3	CO1	Xác định được cách thức thực hiện quy trình, thủ tục tiến hành việc giải quyết tranh chấp thương mại; Phân tích được các quy định về các nguyên tắc, kỹ năng và	PO4

MT4 MT5		<p>quy trình giải quyết tranh chấp bằng hình thức thương lượng;</p> <p>Nêu được các quy định về các nguyên tắc, kỹ năng và quy trình giải quyết tranh chấp bằng hình thức hoà giải thương mại;</p> <p>Xác định được quy định về các nguyên tắc, kỹ năng và quy trình giải quyết tranh chấp bằng hình thức trọng tài thương mại;</p> <p>Xác định được quy định về các nguyên tắc, kỹ năng và quy trình giải quyết tranh chấp tại toà án;</p>	
Kỹ năng			
MT6	CO2	Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề của luật thương mại.	PO6
MT7	CO3	Thành thạo một số kỹ năng tìm, tra cứu và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn kinh doanh;	PO7
MT8	CO4	Vận dụng kiến thức về hoạt động thương mại của thương nhân và chế tài thương mại để tư vấn đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong thương mại; Vận dụng kiến thức về hoạt động thương mại của thương nhân và chế tài thương mại để tư vấn giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng thương mại;	PO8
MT9	CO5	Có kỹ năng bình luận, đánh giá các quy định của pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng; Vận dụng kiến thức, rèn luyện kỹ năng lựa chọn hình thức giải quyết tranh chấp phù hợp;.	PO9,11,12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT11 MT12 MT13	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện	PO15, PO16, PO17,

MT14		các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	PO18
MT15	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại trang bị cho sinh viên các kiến thức: nguyên tắc, kỹ năng và quy trình giải quyết tranh chấp bằng hình thức thương lượng;

Trang bị cho sinh viên kỹ năng đề tư vấn giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại;

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3,CO4,CO5,CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.	CO7	7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Trường Đại học Luật TP.HCM (2020), *Giáo trình pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ*, Nxb. Hồng Đức, TP.HCM.
2. Trường Đại học Luật TP.HCM (2020), *Giáo trình luật tố tụng dân sự Việt Nam*; Nxb. Hồng Đức, TP.HCM.
3. Luật Thương mại 2005 (sửa đổi bổ sung 2019); Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Viết Tý, Nguyễn Thị Dung (đồng chủ biên) (2022), *Giáo trình luật thương mại Việt Nam Tập II*, Nxb Tư pháp.
2. Nguyễn Thị Hoài Phương (2016), *Bình luận những điểm mới trong bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (tái bản lần thứ nhất)*, Nxb Hồng Đức - Hội Luật Gia Việt Nam.

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CĐR của HP
Tiết 1-6	Chương 1: Khái quát về Kỹ năng giải quyết tranh chấp trong thương mại 1.1. Khái quát về giải quyết tranh chấp thương mại và vai trò của giải quyết tranh chấp thương mại 1.2. Các chủ thể tham gia vào giải quyết tranh chấp thương mại 1.3. Các Kỹ năng cơ bản trong giải quyết tranh chấp thương mại 1.3.1. Một số Kỹ năng chung về giải quyết tranh chấp thương mại 1.3.2. Một số Kỹ năng với từng loại chủ thể giải quyết tranh chấp	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 7-12	Chương 2: Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại bằng hình thức thương lượng 2.1. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng hình thức thương lượng 2.2. Các Kỹ năng cơ bản trong giải quyết tranh chấp bằng thương lượng 2.2.1. Kỹ năng trong giai đoạn chuẩn bị thương lượng 2.2.2. Kỹ năng trong quá trình đàm phán thương	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	<p>lượng giải quyết tranh chấp</p> <p>2.2.3. Kỹ năng lập biên bản thương lượng</p> <p>2.2.4. Tư vấn thực hiện biên bản thương lượng</p>		
Tiết 13-18	<p>Chương 3. Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại bằng hình thức hoà giải</p> <p>3.1. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng hoà giải</p> <p>3.2. Kỹ năng chuẩn bị hoà giải</p> <p>3.3. Kỹ năng của hoà giải viên trong quá trình giải quyết tranh chấp</p> <p>3.4. Kỹ năng sau khi kết thúc hoà giải</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 19-24	<p>Chương 4: Kỹ năng giải quyết tranh chấp tại trọng tài thương mại</p> <p>4.1. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp tại trọng tài thương mại</p> <p>4.2. Kỹ năng chuẩn bị giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại</p> <p>4.3. Kỹ năng tham gia giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại</p> <p>4.4. Kỹ năng sau phiên họp giải quyết tranh chấp tại Hội đồng trọng tài</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 25-30	<p>Chương 5: Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại tại toà án</p> <p>5.1. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp thương mại tại toà án</p> <p>5.2. Kỹ năng chuẩn bị giải quyết tranh chấp tại toà án</p> <p>5.3. Kỹ năng tư vấn, trợ giúp các bên tranh chấp tham gia hoà giải theo thủ tục tại toà án</p> <p>5.4. Kỹ năng tranh tụng tại phiên toàn</p> <p>5.5. Kỹ năng đánh giá hiệu lực và tính có căn cứ của bản án</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã học phần: 0101001418

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	20	0	10	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Luật dân sự 2, Luật Thương mại 2.

Học phần học trước: Luật dân sự 1, 2, Luật Thương mại 1, 2

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Có hiểu biết tổng quát về kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại;

M2: Xác định được những đặc trưng pháp lý, nội dung cơ bản của các hợp đồng thương mại; các giai đoạn và kỹ năng cần thiết để soạn thảo hợp đồng thương mại;

M3: Hạn chế rủi ro trong đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại nói chung và một số hợp đồng thương mại cụ thể.

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M4: Có khả năng cập nhật, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật trong lĩnh vực dân sự, thương mại; Phân tích, bình luận, đánh giá được các quy định của pháp luật về nghĩa vụ và Hợp đồng trong hoạt động thương mại.

M5: Vận dụng được các quy định của pháp luật về nghĩa vụ dân sự, hợp đồng, nghĩa vụ ngoài hợp đồng cũng như trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế.

M6: Vận dụng những kiến thức pháp luật, kiến thức thực tế về hoạt động thương mại để tư vấn, đàm phán, soạn thảo hiệu quả các hợp đồng thương mại.

- Kỹ năng mềm

M7: Hình thành kỹ năng phản biện, lập luận; kỹ năng tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân.

M8: Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M9: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

M10: Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp.

M11: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.

M12: Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.4. Về thái độ

M13: Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
0101001418	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp	0	0	3	0	0	3	2	3	2	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	

	đồng thương mại	2	2	0	0	2	2	2	2	2
--	-----------------	---	---	---	---	---	---	---	---	---

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3	CO1	Hiểu, đánh giá, phân tích được các quy định của các quy định về hợp đồng, quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng kinh doanh thương mại.	PO3
Kỹ năng			
MT4	CO2	Cập nhật được các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực luật dân sự, soạn thảo hợp đồng thương mại.	PO6
MT5	CO3	Vận dụng được các quy định của pháp luật về Hợp đồng trong hoạt động thương mại để giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế.	PO7
MT6	CO4	Bước đầu hình thành kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng; kỹ năng tư vấn pháp luật về Hợp đồng trong hoạt động thương mại	PO8
MT7 MT8	CO5	Có khả năng tranh luận, lập luận để bảo vệ quan điểm của mình, có khả năng đánh giá, phê phán, có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có kỹ năng tự cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu.	PO9,11,12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT19 MT10 MT11 MT12	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	PO15, PO16, PO17, PO18

MT13	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	PO19
-------------	------------	--	-------------

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong hoạt động kinh doanh thương mại bao gồm: Những vấn đề chung về đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại; Cách thức soạn thảo hợp đồng thương mại và phòng chống rủi ro khi thực hiện đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại; Kỹ năng soạn thảo và đàm phán một số hợp đồng cụ thể trong hoạt động thương mại,.. đồng thời cung cấp cho sinh viên những kiến thức về vấn đề Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng và giải quyết tranh chấp hợp đồng trong hoạt động kinh doanh thương mại.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3, CO4, CO5, CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên ra đề (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Phạm văn Tuyết – Trần Thị Huệ (2022), *Giáo trình luật dân sự Việt Nam tập 2*, Nxb. Tư pháp.
2. Nguyễn Thị Dung (2022), *Pháp luật về hợp đồng trong thương mại và đầu tư những vấn đề pháp lý cơ bản*, Nxb Chính trị QGST
3. Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành
4. Luật Thương mại 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành

10.2. Tài liệu tham khảo

1. TS. Lê Minh Hùng (2015), *Hiệu lực của hợp đồng (sách chuyên khảo)*, NXB. Hồng Đức;
2. Đỗ Văn Đại (2021), *Giáo trình pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại về hợp đồng*, Nxb. Hồng Đức.

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CĐR của HP
Tiết 1-6	Chương 1: Tổng quan về kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong hoạt động thương mại 1.1. Khái niệm đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong hoạt	1,2,3,4	CO1, CO7

	<p>động thương mại</p> <p>1.2. Khái niệm kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong hoạt động thương mại</p> <p>1.3. Một số kỹ năng cơ bản trong đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong hoạt động thương mại</p> <p>1.4. Vai trò của kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong hoạt động thương mại</p> <p>1.5. Mối quan hệ giữa đàm phán và soạn thảo hợp đồng trong hoạt động thương mại</p>		
Tiết 7-12	<p>Chương 2: Nguyên tắc, kiểu, hình thức và các giai đoạn đàm phán hợp đồng trong hoạt động thương mại</p> <p>2.1. Nguyên tắc đàm phán hợp đồng trong hoạt động thương mại</p> <p>2.2. Các kiểu đàm phán hợp đồng trong hoạt động thương mại</p> <p>2.3. Các hình thức đàm phán hợp đồng trong hoạt động thương mại</p> <p>2.4. Các kỹ năng cơ bản trong đàm phán hợp đồng trong hoạt động thương mại</p> <p>2.5. Các giai đoạn đàm phán hợp đồng trong hoạt động thương mại</p> <p>2.6. Phòng tránh rủi ro trong đàm phán hợp đồng thương mại</p>	1,2,3,4	CO1, CO2, CO3, CO4 CO5, CO6, CO7
Tiết 13-15	<p>Chương 3. Khái quát về văn bản hợp đồng thương mại và yêu cầu của soạn thảo hợp đồng thương mại</p> <p>3.1. Hình thức và cấu trúc văn</p>	1,2,3,4	CO1, CO2, CO3, CO4 CO5, CO6, CO7

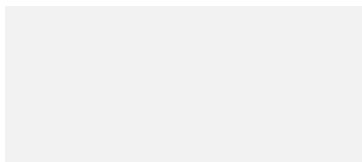
	<p>bản hợp đồng thương mại</p> <p>3.2. Yêu cầu của soạn thảo hợp đồng thương mại</p> <p>3.3. Các bước của soạn thảo hợp đồng thương mại</p> <p>3.4. Một số kỹ năng cơ bản của soạn thảo hợp đồng thương mại</p>		
Tiết 16-20	<p>Chương 4: Cách thức soạn thảo hợp đồng trong hoạt động thương mại và phòng tránh rủi ro trong soạn thảo hợp đồng trong hoạt động thương mại</p> <p>4.1. Cách thức soạn thảo hợp đồng trong hoạt động thương mại</p> <p>4.2. Cách thức ký kết hợp đồng trong hoạt động thương mại</p> <p>4.3. Phòng tránh rủi ro trong soạn thảo hợp đồng trong hoạt động thương mại</p>	1,2,3,4	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 21-28	<p>Chương 5: Kỹ năng đàm phán, soạn thảo một số hợp đồng phổ biến trong hoạt động thương mại</p> <p>5.1. Hợp đồng mua bán hàng hóa và một số hợp đồng khác trong lĩnh vực hàng hóa</p> <p>5.2. Hợp đồng đại lý thương mại và một số hợp đồng khác trong lĩnh vực dịch vụ</p> <p>5.3. Hợp đồng hợp tác kinh doanh và một số hợp đồng khác trong lĩnh vực đầu tư</p>	1,2,3,4	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 29-30	Ôn tập kết thúc môn	1,2,3,4	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

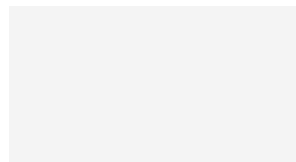
Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã học phần: 0101001418

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	30 + 60 = 90
	20	0	10	0	

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Luật dân sự 2, Luật Thương mại 2.

Học phần học trước: Luật dân sự 1, 2, Luật Thương mại 1, 2

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Có hiểu biết tổng quát về kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại;

M2: Xác định được những đặc trưng pháp lý, nội dung cơ bản của các hợp đồng thương mại; các giai đoạn và kỹ năng cần thiết để soạn thảo hợp đồng thương mại;

M3: Hạn chế rủi ro trong đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại nói chung và một số hợp đồng thương mại cụ thể.

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M4: Có khả năng cập nhật, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật trong lĩnh vực dân sự, thương mại; Phân tích, bình luận, đánh giá được các quy định của pháp luật về nghĩa vụ và Hợp đồng trong hoạt động thương mại.

M5: Vận dụng được các quy định của pháp luật về nghĩa vụ dân sự, hợp đồng, nghĩa vụ ngoài hợp đồng cũng như trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế.

M6: Vận dụng những kiến thức pháp luật, kiến thức thực tế về hoạt động thương mại để tư vấn, đàm phán, soạn thảo hiệu quả các hợp đồng thương mại.

- Kỹ năng mềm

M7: Hình thành kỹ năng phản biện, lập luận; kỹ năng tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân.

M8: Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M9: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

M10: Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp.

M11: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.

M12: Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.4. Về thái độ

M13: Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
0101001418	Kỹ năng đàm phán,	0	0	3	0	0	3	2	3	2	0

soạn thảo hợp đồng thương mại	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19
	2	2	0	0	2	2	2	2	2

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3	CO1	Hiểu, đánh giá, phân tích được các quy định của các quy định về hợp đồng, quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng kinh doanh thương mại.	PO3
Kỹ năng			
MT4	CO2	Cập nhật được các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực luật dân sự, soạn thảo hợp đồng thương mại.	PO6
MT5	CO3	Vận dụng được các quy định của pháp luật về Hợp đồng trong hoạt động thương mại để giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế.	PO7
MT6	CO4	Bước đầu hình thành kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng; kỹ năng tư vấn pháp luật về Hợp đồng trong hoạt động thương mại	PO8
MT7 MT8	CO5	Có khả năng tranh luận, lập luận để bảo vệ quan điểm của mình, có khả năng đánh giá, phê phán, có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có kỹ năng tự cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu.	PO9,11,12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT19 MT10 MT11 MT12	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực,	PO15, PO16, PO17, PO18

		đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	
MT13	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong hoạt động kinh doanh thương mại bao gồm: Những vấn đề chung về đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại; Cách thức soạn thảo hợp đồng thương mại và phòng chống rủi ro khi thực hiện đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại; Kỹ năng soạn thảo và đàm phán một số hợp đồng cụ thể trong hoạt động thương mại,.. đồng thời cung cấp cho sinh viên những kiến thức về vấn đề Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng và giải quyết tranh chấp hợp đồng trong hoạt động kinh doanh thương mại.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3, CO4, CO5, CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Phạm văn Tuyết – Trần Thị Huệ (2022), *Giáo trình luật dân sự Việt Nam tập 2*, Nxb. Tư pháp.
2. Nguyễn Thị Dung (2022), *Pháp luật về hợp đồng trong thương mại và đầu tư những vấn đề pháp lý cơ bản*, Nxb Chính trị QGST
3. Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành
4. Luật Thương mại 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành

10.2. Tài liệu tham khảo

1. TS. Lê Minh Hùng (2015), *Hiệu lực của hợp đồng (sách chuyên khảo)*, NXB. Hồng Đức;
2. Đỗ Văn Đại (2021), *Giáo trình pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại về hợp đồng*, Nxb. Hồng Đức.

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CDR của HP
Tiết 1-6	Chương 1: Tổng quan về kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong hoạt động thương mại 1.1. Khái niệm đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong	1,2,3,4	CO1, CO7

	<p>hoạt động thương mại</p> <p>1.2. Khái niệm kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong hoạt động thương mại</p> <p>1.3. Một số kỹ năng cơ bản trong đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong hoạt động thương mại</p> <p>1.4. Vai trò của kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong hoạt động thương mại</p> <p>1.5. Mối quan hệ giữa đàm phán và soạn thảo hợp đồng trong hoạt động thương mại</p>		
Tiết 7-12	<p>Chương 2: Nguyên tắc, kiểu, hình thức và các giai đoạn đàm phán hợp đồng trong hoạt động thương mại</p> <p>2.1. Nguyên tắc đàm phán hợp đồng trong hoạt động thương mại</p> <p>2.2. Các kiểu đàm phán hợp đồng trong hoạt động thương mại</p> <p>2.3. Các hình thức đàm phán hợp đồng trong hoạt động thương mại</p> <p>2.4. Các kỹ năng cơ bản trong đàm phán hợp đồng trong hoạt động thương mại</p> <p>2.5. Các giai đoạn đàm phán hợp đồng trong hoạt động thương mại</p> <p>2.6. Phòng tránh rủi ro trong đàm phán hợp đồng thương mại</p>	1,2,3,4	CO1, CO2, CO3, CO4 CO5, CO6, CO7
Tiết 13-15	<p>Chương 3. Khái quát về văn bản hợp đồng thương mại và yêu cầu của soạn thảo hợp đồng thương mại</p>	1,2,3,4	CO1, CO2, CO3, CO4 CO5, CO6, CO7

	<p>3.1. Hình thức và cấu trúc văn bản hợp đồng thương mại</p> <p>3.2. Yêu cầu của soạn thảo hợp đồng thương mại</p> <p>3.3. Các bước của soạn thảo hợp đồng thương mại</p> <p>3.4. Một số kỹ năng cơ bản của soạn thảo hợp đồng thương mại</p>		
Tiết 16-20	<p>Chương 4: Cách thức soạn thảo hợp đồng trong hoạt động thương mại và phòng tránh rủi ro trong soạn thảo hợp đồng trong hoạt động thương mại</p> <p>4.1. Cách thức soạn thảo hợp đồng trong hoạt động thương mại</p> <p>4.2. Cách thức ký kết hợp đồng trong hoạt động thương mại</p> <p>4.3. Phòng tránh rủi ro trong soạn thảo hợp đồng trong hoạt động thương mại</p>	1,2,3,4	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 21-28	<p>Chương 5: Kỹ năng đàm phán, soạn thảo một số hợp đồng phổ biến trong hoạt động thương mại</p> <p>5.1. Hợp đồng mua bán hàng hóa và một số hợp đồng khác trong lĩnh vực hàng hóa</p> <p>5.2. Hợp đồng đại lý thương mại và một số hợp đồng khác trong lĩnh vực dịch vụ</p> <p>5.3. Hợp đồng hợp tác kinh doanh và một số hợp đồng khác trong lĩnh vực đầu tư</p>	1,2,3,4	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 29-30	Ôn tập kết thúc môn	1,2,3,4	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Luật thi hành án dân sự

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã học phần: 0101000817

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	30 + 60 = 90
	20	5	0	5	

Loại học phần: Học phần thay thế khoá luận

Học phần tiên quyết: Luật Dân sự 1, Luật Dân sự 2, Luật tố tụng dân sự.

Học phần học trước: Luật Dân sự 1, Luật Dân sự 2, Luật tố tụng dân sự.

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

MT1: Nêu được khái niệm và xác định được vai trò, ý nghĩa của hoạt động thi hành án dân sự.

MT2: mô tả được cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống cơ quan thi hành án dân sự; địa vị pháp lý của chấp hành viên.

MT3: Xác định được các biện pháp cưỡng chế trong thi hành án dân sự và trình tự,

thủ tục thực hiện các biện pháp cưỡng chế trong thi hành án dân sự.

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

MT4: Cập nhật, phân tích, bình luận, đánh giá được các quy định của pháp luật liên quan đến các quy định pháp luật về thi hành án dân sự.

MT5: Vận dụng được các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế liên quan đến công tác thi hành án dân sự.

MT6: Bước đầu có kỹ năng tư vấn pháp luật về lĩnh vực thi hành án dân sự.

- Kỹ năng mềm

MT7: Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp.

MT8: Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M9: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

M10: Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp.

M11: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.

M12: Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3.4. Về thái độ

M13: Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
0101											

Luật thi hành án dân sự	0	0	3	0	0	3	2	2	2	0
	PO11	PO1	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
	2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2 MT3	CO1	Hiểu, đánh giá, phân tích được các quy định chung của Luật thi hành án dân sự. Những kiến thức pháp lý cơ bản về trình tự, thủ tục thi hành các bản án, quyết định dân sự của toà án và các bản án, quyết định khác theo quy định của pháp luật.	PO3
Kỹ năng			
MT4	CO2	Cập nhật, phân tích, bình luận, đánh giá được các quy định của pháp luật liên quan đến các quy định pháp luật về thi hành án dân sự.	PO6
MT5	CO3	Có khả năng vận dụng được các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế liên quan đến công tác thi hành án dân sự.	PO7
MT6	CO4	Bước đầu có kỹ năng tư vấn pháp luật về lĩnh vực thi hành án dân sự.	PO8
MT7 MT8	CO5	Có khả năng tranh luận, lập luận để bảo vệ quan điểm của mình, có khả năng đánh giá, phê phán, có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có kỹ năng tự cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu.	PO9,11,12

Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT9 MT10 MT11 MT12	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	PO15, PO16, PO17, PO18
MT13	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần LTHADS là học phần cơ bản của chương trình đào tạo đại học luật, cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý cơ bản về trình tự, thủ tục thi hành các bản án, quyết định dân sự của toà án và các bản án, quyết định khác theo quy định của pháp luật.

Đối tượng nghiên cứu của học phần là những vấn đề lý luận về LTHADS, nội dung các quy định của pháp luật THADS và thực tiễn thực hiện chúng tại các cơ quan thi hành án bao gồm: Khái niệm chung về LTHADS; xã hội hoá THADS, các nguyên tắc cơ bản của LTHADS; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức THADS, chấp hành viên và thủ trưởng cơ quan thi hành án; quyền, nghĩa vụ của đương sự và các cá nhân, cơ quan, tổ chức khác trong thi hành án; thời hiệu, thẩm quyền và trình tự, thủ tục THADS; các biện pháp bảo đảm và cưỡng chế THADS; miễn giảm, hỗ trợ tài chính trong THADS, phí và chi phí cưỡng chế THADS; khiếu nại, tố cáo, kháng nghị và xử lý vi phạm trong THADS.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
---	-----------------	--------------------------------

Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3, CO4, CO5, CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.	CO7	7

Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Luật thi hành án dân sự 2008 (sửa đổi, bổ sung 2014)
2. Lê Anh Tuấn (2019), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về cưỡng chế thi hành án dân sự* : Sách chuyên khảo, Nxb. Tư Pháp, Tp.HCM.
3. Đỗ Văn Đại (2014), *Pháp luật Việt Nam về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước*, Nxb. Hồng Đức.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước 2017.
2. Luật Thi hành án dân sự và văn bản hướng dẫn thi hành (2015), Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CDR của HP
Tiết 1-6	<p>Vấn đề 1: Những vấn đề chung về thi hành án dân sự</p> <p>1.1. Khái niệm, bản chất, ý nghĩa của thi hành án dân sự</p> <p>1.2. Các nguyên tắc thi hành án dân sự</p> <p>1.3. Những bản án, quyết định được thi hành</p> <p>1.4. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự</p>	1,2,3	CO1, CO7

	<p>1.5. Thời hiệu yêu cầu thi hành án</p> <p>1.6. Biện pháp thi hành án</p> <p>1.7. Phí thi hành án</p> <p>1.8. Hệ thống Cơ quan quản lý thi hành án dân sự và Cơ quan thi hành án dân sự</p> <p>1.8.1 Hệ thống Cơ quan quản lý thi hành án</p> <p>1.8.2 Hệ thống Cơ quan thi hành án</p> <p>1.9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chấp hành viên</p>		
Tiết 7-15	<p>Vấn đề 2: Thủ tục thi hành án dân sự</p> <p>2.1. Khái niệm và ý nghĩa của thủ tục thi hành án dân sự</p> <p>2.2. Trình tự thi hành án</p> <p>2.2.1 Cấp bản án, quyết định</p> <p>2.2.2 Ra quyết định thi hành án</p> <p>2.2.3 Thông báo thi hành án</p> <p>2.2.4 Xác minh điều kiện thi hành án</p> <p>2.2.5 Ủy thác thi hành án</p> <p>2.2.6 Hoãn thi hành án</p> <p>2.2.7 Tạm đình chỉ thi hành án</p> <p>2.3. Kết thúc thi hành án</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7
Tiết 16-24	<p>Vấn đề 3: Cường chế thi hành án</p> <p>3.1. Những vấn đề chung về</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

	<p>cưỡng chế thi hành án</p> <p>3.1.1 Khái niệm</p> <p>3.1.2 Ý nghĩa</p> <p>3.1.3 Nguyên tắc áp dụng biện pháp cưỡng chế</p> <p>3.2. Các biện pháp cưỡng chế thi hành án</p> <p>3.2.1. Khấu trừ tiền trong tài khoản; thu hồi, xử lý tiền, giấy tờ có giá của người phải thi hành án.</p> <p>3.2.2. Trừ vào thu nhập của người phải thi hành án.</p> <p>3.2.3. Kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ.</p> <p>3.2.4. Khai thác tài sản của người phải thi hành án.</p> <p>3.2.5. Buộc chuyển giao vật, chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ.</p> <p>3.2.6. Buộc người phải thi hành án thực hiện hoặc không được thực hiện công việc nhất định.</p> <p><i>Làm bài kiểm tra cá nhân</i></p>		
Tiết 25 – 29	<p><i>Vấn đề 4: Khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về thi hành án dân sự</i></p> <p>4.1. Khiếu nại về thi hành án</p> <p>4.1.1 Khái niệm khiếu nại về thi hành án</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

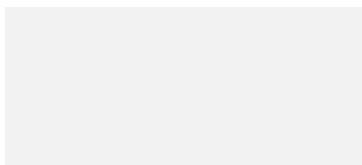
	<p>4.1.2 Chủ thể khiếu nại, người bị khiếu nại và đối tượng của khiếu nại thi hành án</p> <p>4.1.3 Thời hạn khiếu nại</p> <p>4.1.3 Thẩm quyền và thời hạn giải quyết khiếu nại về thi hành án</p> <p>4.2. Tố cáo trong thi hành án dân sự</p> <p>4.2.1 Khái niệm</p> <p>4.2.2 Quyền, nghĩa vụ của người tố cáo, người bị tố cáo</p> <p>4.2.3 Thẩm quyền giải quyết tố cáo</p> <p>4.3. Xử lý vi phạm về thi hành án dân sự</p> <p>4.3.1 Xử lý về hành chính</p> <p>4.3.2 Xử lý về hình sự</p>		
Tiết 30	Ôn tập kết thúc môn	1,2,3	CO1,CO2,CO3,CO4 CO5,CO6,CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giảng viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

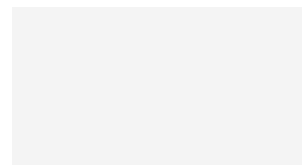
Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Công chứng, chứng thực

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã học phần: 0101000914

Tổng số tín chỉ: 02

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 90 = 120
T = Bài tập					
P = Thực hành	15	5	5	5	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết:

Học phần học trước:

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Người học sẽ nắm được những kiến thức cơ bản về lí luận, thực tiễn và pháp luật về công chứng, chứng thực. Đồng thời người học sẽ hiểu được vai trò của các

cơ quan nhà nước trong việc thực hiện hoạt động quản lí hành chính trong các lĩnh vực đó.

M2: Người học được trang bị những kiến thức cần thiết để vận dụng pháp luật về công chứng, chứng thực vào thực tiễn.

3.2. Về kỹ năng

-Kỹ năng nghề nghiệp

M3: Người học có khả năng đọc, hiểu và biết cách khai thác những văn bản pháp luật về công chứng, chứng thực.

M4: Có khả năng vận dụng pháp luật công chứng, chứng thực vào thực tiễn.

-Kỹ năng mềm

M5: Biết cách bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp trong giao dịch dân sự;

M6: Có khả năng đưa ra ý kiến, nhận xét của cá nhân về các hoạt động công chứng, chứng thực đang diễn ra trong thực tế và những ý kiến đề xuất để khắc phục những hạn chế, yếu kém đang tồn tại.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M7: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M8: Phát triển kĩ năng tư duy sáng tạo, vận dụng linh hoạt các tình huống thực tế.

M9: Trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá.

M10: Phát triển kĩ năng ứng dụng và thực hành.

3.4. Về thái độ

M11: Có ý thức tôn trọng pháp luật, đặc biệt là tôn trọng các quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực;

M12: Có quan điểm đúng về tổ chức, hoạt động công chứng, chứng thực ở Việt Nam hiện nay;

M13: Nghiêm túc, khách quan trong nghiên cứu khoa học và đánh giá các vấn đề lí luận, thực tiễn về công chứng, chứng thực;

M14: Có ý thức vận dụng các kiến thức và pháp luật đã học vào cuộc sống và công tác.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
0101000914	PL về công chứng,	1	0	0	0	0	3	1	1	1	1
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
	1	2	0	1	0	2	2	2	3		
	thực										

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2	CO1	Phân tích các kiến thức pháp luật về công chứng, chứng thực như các quy định về tổ chức hành nghề công chứng; tiêu chuẩn của công chứng viên; thủ tục công chứng, chứng thực giao dịch, hợp đồng và đạo đức nghề nghiệp.	PO1
Kỹ năng			
MT3	CO2	Có khả năng đọc, hiểu và biết cách khai thác những văn bản pháp luật về công chứng, chứng thực.	PO6
MT4	CO3	Có khả năng đưa ra ý kiến, nhận xét của cá nhân về các hoạt động công chứng, chứng thực đang	PO7, PO8

		diễn ra trong thực tế và những ý kiến đề xuất để khắc phục những hạn chế, yếu kém đang tồn tại. Có khả năng soạn thảo hợp đồng; bước đầu có khả năng tư vấn pháp luật, soạn thư tư vấn và các văn bản có tính chất pháp lý phục vụ cho các công việc thuộc ngành đào tạo.	
MT5	CO4	Có khả năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm của mình; có khả năng phản biện, phê phán.	PO9,PO10
MT6 MT7	CO5	Có khả năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. Có khả năng tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.	PO11, PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT8 MT9 MT10	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	PO14,PO16
MT11 MT12 MT13 MT14	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật.	PO17, PO18, PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học này cung cấp cho người học các kiến thức pháp luật về công chứng và chứng thực như: tổ chức hành nghề công chứng; các quy chuẩn của pháp luật về công chứng viên; hoạt động công chứng, chứng thực; quản lý nhà nước về công chứng, chứng thực; thủ tục chung về công chứng, chứng thực hợp đồng, giao dịch và xử lý vi phạm trong quá trình thực hiện công chứng, chứng thực.

Sau khi học xong, người học có thể vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các tình huống phát sinh thực tế trong đời sống. Đồng thời môn học này cũng gắn liền với thực tiễn, là một nghề nghiệp trong tương lai, cho nên người học có thể sử dụng kiến thức đã học để làm việc trong các tổ chức hành nghề công chứng và cơ quan liên quan.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3,CO4,CO5,CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.

- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.	CO7	7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

1. Trường Đại học Luật TP.HCM (2010), *Tập bài giảng về Công chứng, Luật sư*, Nxb. Trường Đại học Luật TP.HCM.
2. Luật công chứng năm 2014.
3. Bộ luật dân sự năm 2015.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Luật Nhà ở năm 2014
2. Luật Đất đai năm 2013

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CĐR của HP
Tiết 1-5	<p><i>Vấn đề 1: Một số vấn đề lý luận về công chứng, chứng thực</i></p> <p>1.1. Quá trình hình thành, phát triển công chứng, chứng thực</p> <p>1.1.1. Thời kì Pháp thuộc</p> <p>1.1.2. Thời kì dân chủ cộng hoà</p> <p>1.1.3. Thời kì XHCN</p> <p>1.2. Khái niệm và đặc điểm của công chứng</p> <p>1.2.1. Phạm vi các việc công chứng</p> <p>1.2.2. Giá trị pháp lí của văn bản công chứng</p> <p>1.3. Khái niệm và đặc điểm của chứng thực</p> <p>1.3.1. Phạm vi các việc chứng thực</p> <p>1.3.2. Giá trị pháp lí của văn bản chứng thực</p>	1,2	CO1,CO7
Tiết 6-10	<p><i>Vấn đề 2: Công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng</i></p> <p>2.1. Công chứng viên</p> <p>2.1.2. Khái niệm và tiêu chuẩn</p>	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

	<p>công chứng viên</p> <p>2.1.2. Đào tạo, tập sự và bổ nhiệm công chứng viên</p> <p>2.1.3. Quyền và nghĩa vụ của công chứng viên</p> <p>2.2. Tổ chức hành nghề công chứng</p> <p>2.2.1. Phòng công chứng</p> <p>2.2.2. Văn phòng công chứng</p> <p>2.2.3. Quyền, nghĩa vụ của tổ chức hành nghề công chứng</p>		
Tiết 11-15	<p>Vấn đề 3: Quản lý Nhà nước về công chứng</p> <p>3.1 Khái niệm quản lý nhà nước về công chứng</p> <p>3.2 Thẩm quyền quản lý nhà nước về công chứng</p> <p>3.3 Nội dung quản lý nhà nước về công chứng</p>	1,2,3	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 16-20	<p>Vấn đề 4: Thủ tục thực hiện công chứng</p> <p>4.1. Thủ tục chung về công chứng hợp đồng, giao dịch</p> <p>4.2. Thủ tục công chứng các hợp đồng, giao dịch cụ thể</p> <p>4.2.1. Thủ tục công chứng hợp</p>	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

	<p>đồng thể chấp bất động sản</p> <p>4.2.2. Thủ tục công chứng di chúc</p> <p>4.2.3. Thủ tục công chứng văn bản thoả thuận phân chia di sản</p> <p>4.2.4. Thủ tục công chứng văn bản khai nhận di sản thừa kế</p> <p>4.2.5. Thủ tục công chứng văn bản từ chối nhận di sản</p> <p>4.2.6. Thủ tục nhận lưu giữ di chúc</p> <p>4.2.7. Thủ tục công chứng bản dịch.</p> <p><i>Làm bài kiểm tra trên lớp</i></p>		
Tiết 21– 25	<p>Vấn đề 5: Quản lí nhà nước về chứng thực</p> <p>5.1. Quản lí nhà nước về chứng thực</p> <p>5.2. Khái niệm quản lí nhà nước về chứng thực</p> <p>5.3 Thẩm quyền và nội dung quản lí nhà nước về chứng thực</p>	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7
Tiết 26-28	<p>Vấn đề 6: Thủ tục thực hiện chứng thực</p> <p>6.1. Khái niệm thủ tục chứng thực</p> <p>6.2. Thủ tục chứng thực bản</p>	1,2	CO1,CO2,CO3 CO4,CO5,CO6 CO7

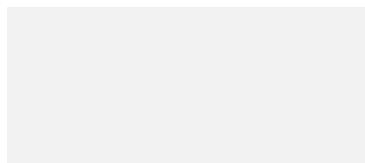
	sao từ bản chính 6.3. Thủ tục chứng thực chữ kí 6.4. Thủ tục chứng thực hợp đồng		
Tiết 29 - 30	ÔN TẬP KẾT THÚC MÔN		

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

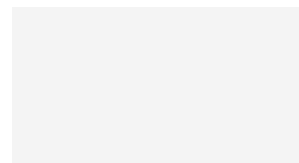
Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Pháp luật về giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại

Mã học phần: 0101001417

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	15	0	15	0	30 + 90 = 120

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Lý luận nhà nước và pháp luật 1&2

Học phần học trước: Luật trọng tài thương mại; Luật thương mại 1

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên: Giảng viên Khoa Luật

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

3.1. Về kiến thức

M1: Xác định được các loại trọng tài thương mại, trọng tài quốc tế và ưu nhược điểm của từng loại trọng tài;

M2: Hiểu và vận dụng được các quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài - nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài (thỏa thuận trọng tài), trong đó bao gồm các quy định của pháp luật quốc gia và các điều ước quốc tế về trọng tài;

M3: Hiểu và vận dụng được những nội dung pháp lí cơ bản về thoả thuận và thẩm quyền trọng tài; thành lập hội đồng trọng tài; quyết định trọng tài; chi phí trọng tài;

M3: Hiểu và vận dụng được tổ tụng trọng tài và thực tiễn vận dụng các kỹ năng trong tranh tụng, giải quyết vụ tranh chấp bằng trọng tài để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong vụ tranh chấp thương mại.

M4: Hiểu và vận dụng được vấn đề công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài; phán quyết của trọng tài nước ngoài; điều kiện, trình tự và thủ tục công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài.

M5: Hiểu và vận dụng được nguyên tắc cơ bản và điều kiện mang tính tiên quyết trong giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại. Biết vận dụng kiến thức đã học về các vấn đề như: thẩm quyền của trọng tài (khác với tòa án); quy trình tổ tụng trọng tài (các bước tổ tụng cơ bản trong giải quyết tranh chấp bằng trọng tài); đánh giá tính khả thi trong việc công nhận và thi hành quyết định trọng tài nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong một vụ kiện cụ thể.

3.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

M6: Hình thành và phát triển kỹ năng thu thập thông tin về các vấn đề liên quan đến trọng tài thương mại và trọng tài quốc tế;

M7: Xây dựng được hệ thống các căn cứ pháp lí, các lập luận, tìm và lựa chọn luận cứ giải quyết các vấn đề pháp lí cụ thể của trọng tài thương mại;

M8: Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng; kỹ năng tư vấn và tranh tụng trong trọng tài thương mại và trọng tài quốc tế.

M9: Phân tích, bình luận, đánh giá được các quy định của pháp luật liên quan giải quyết tranh chấp bằng trọng tài; biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn hoạt động kinh doanh để tư vấn và xử lý tình huống cụ thể trong hoạt động thương mại như: Soạn thảo, tư vấn về phần giải quyết tranh chấp bằng trọng tài; lựa chọn luật áp dụng và cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

- Kỹ năng mềm

M10: Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp.

M11: Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

M12: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

M13: Tích cực, chủ động tìm hiểu và nắm vững các vấn đề pháp lý trong giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài liên quan đến hoạt động thương mại của các thương nhân Việt Nam;

M14: Có tinh thần trách nhiệm đối với việc học tập, tự nghiên cứu đối với môn học;

M15: Tự tin trong việc thực hành nghề về giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài.

3.4. Về thái độ.

M16: Rèn luyện sinh viên có các phẩm chất chính trị, đạo đức như sau: Trung thành với tổ quốc; có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức về trách nhiệm công dân; chăm chỉ, nhiệt tình, sáng tạo; có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học; có đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp và chủ động trong công việc.

M17: Hình thành nhận thức và thái độ đúng đắn về quyền tự do kinh doanh của tổ chức, cá nhân trong nền kinh tế thị trường;

M18: Hình thành thái độ khách quan đối với lợi ích cần được bảo vệ của các chủ thể có liên quan đến hoạt động kinh doanh, bao gồm lợi ích của thương nhân, chủ nợ của thương nhân, của người lao động và của Nhà nước.

M19: Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; Có ý thức tuân thủ pháp luật;

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
010100067603	PL về giải quyết tranh chấp bằng TTMM	0	0	2	3	0	3	2	2	2	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		2	2	0	0	2	2	2	2	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			

<p>MT1 MT2 MT3 MT4 MT5</p>	<p>CO1</p>	<p>Hiểu và vận dụng được các quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài - nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài (thỏa thuận trọng tài),</p> <p>Hiểu và vận dụng được vấn đề công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài; phán quyết của trọng tài nước ngoài; điều kiện, trình tự và thủ tục công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài.</p> <p>Hiểu và vận dụng được nguyên tắc cơ bản và điều kiện mang tính tiên quyết trong giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại. Biết vận dụng kiến thức đã học về các vấn đề như: thẩm quyền của trọng tài (khác với tòa án); quy trình tố tụng trọng tài (các bước tố tụng cơ bản trong giải quyết tranh chấp bằng trọng tài); đánh giá tính khả thi trong việc công nhận và thi hành quyết định trọng tài nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong một vụ kiện cụ thể.</p>	<p>PO4</p>
Kỹ năng			
<p>MT6</p>	<p>CO2</p>	<p>Hình thành và phát triển kỹ năng thu thập thông tin về các vấn đề liên quan đến trọng tài thương mại và trọng tài quốc tế;</p>	<p>PO6</p>
<p>MT7</p>	<p>CO3</p>	<p>Xây dựng được hệ thống các căn cứ pháp lí, các lập luận, tìm và lựa chọn luận cứ giải quyết các vấn đề pháp lí cụ thể của trọng tài thương mại;</p>	<p>PO7</p>
<p>MT8</p>	<p>CO4</p>	<p>Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng; kỹ năng tư vấn và tranh tụng trong trọng tài thương mại và trọng tài quốc tế.</p>	<p>PO8</p>
<p>MT9</p>	<p>CO5</p>	<p>Phân tích, bình luận, đánh giá được các quy định của pháp luật liên quan giải quyết tranh chấp bằng trọng tài; biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn hoạt động kinh doanh để tư vấn và xử lý tình huống cụ thể trong hoạt động thương mại như: Soạn thảo, tư vấn về phần giải quyết tranh chấp bằng trọng tài; lựa chọn luật áp dụng và cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.</p>	<p>PO9,11,12</p>
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			

MT13 MT14 MT15 MT16	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	PO15, PO16, PO17, PO18
MT17	CO7	Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học; nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học; có ý thức tuân thủ pháp luật;	PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Kỹ năng tư vấn pháp luật doanh nghiệp trang bị cho sinh viên các kiến thức về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài - nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài (thỏa thuận trọng tài),

Giúp sinh viên hiểu và vận dụng được kiến thức đã học về các vấn đề như: thẩm quyền của trọng tài (khác với tòa án); quy trình tố tụng trọng tài (các bước tố tụng cơ bản trong giải quyết tranh chấp bằng trọng tài); đánh giá tính khả thi trong việc công nhận và thi hành quyết định trọng tài nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong một vụ kiện cụ thể.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận nhóm	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3,CO4,CO5,CO6
Báo cáo nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện, kỹ năng lập luận của sinh viên.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO5, CO7

khảo		
------	--	--

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	3
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		7
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

1. Trần Minh Ngọc (2019), *Pháp luật về trọng tài thương mại*, Nxb. Lao Động.
2. Luật Trọng tài thương mại và các văn bản hướng dẫn thi hành.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Trương Duy Lượng (2016) *Bình luận bộ luật tố tụng dân sự, luật trọng tài thương mại và thực tiễn xét xử*, Nxb Tư Pháp.

11. Nội dung chi tiết học phần

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Tài liệu	CDR của HP
Tiết 1-6	<p>Vấn đề 1: Tổng quan về trọng tài thương mại</p> <p>1.3. Nguyên tắc trong giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại.</p> <p>1.4. Pháp luật để giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài thương mại</p> <p>1.5. Các loại trọng tài thương mại</p>	1,2	CO1,CO7
Tiết 7-9	<p>Vấn đề 2: Căn cứ xác lập thẩm quyền của trọng tài.</p> <p>2.1. Thẩm quyền của Trọng tài thương mại</p> <p>2.2. Thỏa thuận trọng tài</p> <p>2.3. Điều kiện để tranh chấp được giải quyết bằng trọng tài</p>	1,2	CO1,CO2, CO3,CO4 CO5,CO6 ,CO7
Tiết 10-15	<p>Vấn đề 3: Tổ tụng trọng tài</p> <p>3.1. Đơn khởi kiện, bản tự bảo vệ, đơn kiện lại của bị đơn, các điều kiện thụ lý đơn khởi kiện; Quyền của các bên trong tố tụng trọng tài liên quan đến việc thương lượng, rút hồ sơ, bổ sung đơn kiện và đơn kiện lại.</p> <p>3.2. Khởi kiện, thành lập Hội đồng trọng tài, thu thập chứng cứ, biện pháp khẩn cấp tạm thời, thương lượng, hòa giải, đình chỉ giải quyết tranh chấp,...)</p> <p>3.3. Phiên họp giải quyết tranh chấp; Hội đồng trọng tài ra quyết định.</p>	1,2	CO1,CO2, CO3,CO4 CO5,CO6, CO7
Tiết 16 – 24	<p>Vấn đề 4: Phán quyết trọng tài</p> <p>4.1. Thẩm quyền, chức năng nhiệm vụ, việc thành lập và chấm dứt hoạt động của Trung tâm trọng tài</p> <p>4.2. Chi phí trọng tài, các loại chi phí, bên phải trả phí trọng tài</p> <p>4.3. Công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài theo pháp luật quốc gia. 4.4. Điều kiện công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài.</p> <p>4.5. Trình tự và thủ tục công nhận và cho thi hành phán</p>	1,2	CO1,CO2, CO3,CO4 CO5,CO6, CO7

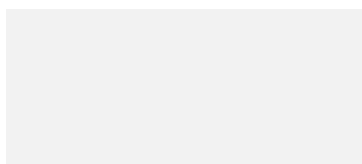
	quyết của trọng tài nước ngoài		
Tiết 25-30	ÔN TẬP KẾT THÚC MÔN	1,2	CO1,CO2, CO3,CO4 CO5,CO6, CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (trương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

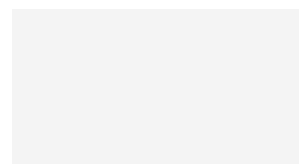
Cần Thơ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

P. KHOA LUẬT



ThS. Nguyễn Chí Dũng

BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ



ThS. Thân Thị Kim Nga